

18/5/59

Chân tặng

TY QUẢN - LÝ MỚI Báo - Cáo

CÙNG CÁC BẠN ĐẠI-LÝ VÀ BẠN ĐỌC THÂN MẾN

Đề từ nay **PHỒ-THÔNG** được ra đúng mỗi tháng hai kỳ, ngày 1 và ngày 15, Đề sự phân-phát **PHỒ-THÔNG** được đầy đủ khắp các nơi, và các vụ tiền-nong được khỏi bị trở ngại, chúng tôi đã lo chức lại ty Quản-lý, bắt đầu từ số này.

Ông Đặng-văn-Chà, chủ nhà sách Nam-Cường, 185 đại lộ Nguyễn-thái-Học, lâu nay đã cộng tác với chúng tôi trong việc tài-chánh và việc phát hành, từ nay không còn ở trong Ban Quản-Lý của **PHỒ-THÔNG** tạp-chí nữa.

Chúng tôi đã đề cử bạn **TRẦN-VĂN-LANG** làm Quản-Lý mới.

Nhà Tổng - Phát - Hành Thống - Nhất vẫn tiếp tục giúp chúng tôi về việc phát hành, ngoài ra không còn một người nào khác làm trung-gian giữa **PHỒ-THÔNG** Tạp-Chí và các Đại-lý

Bạn **TRẦN-VĂN-LANG**, Quản-Lý mới, phụ trách về các việc tài chánh, sẽ toàn quyền trực-tiếp với nhà Tổng-Phát-Hành-Thống Nhất và tất cả các Đại-lý các nơi về việc phát-hành tạp-chí **PHỒ-THÔNG**.

Vậy từ nay, quý Bạn đại lý ở Saigon và ở các tỉnh, các quận, nếu thiếu báo bán xin đến trực tiếp, hoặc đánh điện tín, hoặc gởi thư thẳng với Tòa Báo.

Tất cả mọi việc giao-dịch về tiền nong, mua báo, quảng-cáo, đại lý xin theo đúng tên và địa chỉ sau đây:

Ô. Trần - văn - Lang,
Quản - lý **PHỒ-THÔNG** tạp - chí
283 Gia-Long Saigon.



Các bạn đọc mua dài hạn, hoặc muốn có các số báo thiếu cũng xin gởi thư về Ty Quản-Lý.

★
PHỒ - THÔNG

PHỒ-THÔNG

TAP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỒ-BIÊN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM CỐ

Giám-Đốc, Chủ-Bút: **NGUYỄN-VỸ**

Quản-ly: **TRẦN-VĂN-LANG**

Tòa soạn: 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



BỘ MỚI SỐ 13 ★ 15.6.1959

	Số trang
1.— Vài trạng thái của Văn học V. N. hiện-dại. Nguyễn-Vỹ	7— 9
2.— Nhân tài lịch sử: NGUYỄN-HÀM-NINH... Võ-ba-Hài	10— 16
3.— Hà-Tiên thẳng cánh. Ngọc-Tĩnh	17— 27
4.— Một đời người. Thiệu-Sơn	28— 32
5.— Ngày lịch-sử Nguyễn-Triệu	33— 36
6.— Văn chương ngoại quốc: John Keats... Phạm-công-Thiện	37— 42
7.— Loạn tâm tư (thơ) Chiêu-Đàm	43—
8.— Tách cà-phê phin (chuyện vui) Hoàng-Thắng	44— 46
9.— Bức thư kính gửi Trung Hưng tiên sinh. Trần-tướng-Niệm	47— 50
10.— Hai chiếc tàu ma của Nhứt. Tân-Phong	51— 53
11.— Em bé bán bánh mì (thơ). Linh-Châu	54— 55
12.— Những con ngựa không cương Lê-thanh-Tước	56— 60
13.— Người mẹ (truyện ngắn của P. Buck) Phương-Thảo	61— 65

14.— Nhân mùa thi, nói chuyện sách Giáo-khoa	Ng.-khắc-Thiệu	69—71
15.— Tôi làm phim	Thái-Thúc-Điện	72—75
16.— Đồn Vi-ô-lông (thơ)	Nguyễn-ngu-Í	76—
17.— Một người Pháp làm Vua ở miền núi V.N.	Nguyễn-Vỹ	77—84
18.— Cô gái diên (chuyện dài).	Vi-huyền-Đắc	85—88
19.— Minh ơi !	Cô Diệu-Huyền	89—94
20.— Người thợ hồ (thơ)	Huyền-Tán	95—
21.— Kiên Trinh	Cô Vân-Nga	96—105
22.— Giai thoại văn chương	Minh-Kha	106—108
23.— Thi sĩ văn sĩ tiền chiến	Nguyễn-Vỹ	109—113
24.— Những người đời mười	Nguyễn-Thu-Minh	114—117
25.— Xã giao	Cô Bình-Minh	118—120
26.— Buồn ơi, chào mi !	Cô Diệu-Huyền	121—125
27.— 4.000 năm ca dao	Ba-Tèo	126—
28.— Đáp bạn bốn phương	Bạch Yến	127—128
29.— Một buổi họp mặt tại tòa báo PHỔ-THÔNG .		129—130

- ★ Sắp xếp bài, trình-bày bìa và nội-dung, cho màu **Cô Diệu-Huyền**
- ★ Bản kẽm **Nguyễn-Điêu**
- ★ Bìa Offset **Vạn-Quốc**

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí **PHỔ-THÔNG**, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí **PHỔ-THÔNG** » và đừng viết tắt.

- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
 - Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

Copyright by **PHO-THONG**, printed in Việt-Nam.

Điều-kiện

PHÁT-TRIỂN

VĂN-HOÁ VIỆT-NAM

IV.— Phát-triển cá-nhân.



IÊM-THẢO TÌNH-HÌNH VĂN-HỌC Việt-nam từ trước đến nay, chúng ta đã nhận thấy rõ những ưu điểm và khuyết điểm, ưu-điểm mà một số người nhầm mắt đề-cao quá lố, và một số người khác lại cũng nhầm mắt phủ-nhận với một chủ-quan quá sai lầm, còn khuyết-điểm thì ít ai chịu phân-tách để tìm nguyên nhân.

Ông bạn Đào-duy-Anh ở miền Bắc cũng đang cố-gắng làm một công-việc tổng-hợp và phân-tách tình-hình học-thuật chung của Dân-tộc để tìm một lối thoát, như chúng ta. Nhưng tiếc thay, ở miền Bắc Văn-hóa bị gò bó quá chặt-chẽ trong khung sắt chính-trị, cho nên Đào-quân dù có thiện-chí thiết-tha bao nhiêu chăng nữa, cũng khó tạo ra được những điều-kiện thích ứng với tính-chất văn-rnghệ để phát-triển văn-nghe, và cả học-thuật, Văn-hóa.

Còn chúng ta ở đây thì sao ?

Thật ra, trả lời dứt khoát câu hỏi này cũng không phải là chuyện dễ-dàng lắm đâu. Vì lẽ có nhiều sự kiện ở ngoài những nhận xét hoàn-toàn khách quan, thuần-túy văn-nghe, hoặc có liên hệ xa gần với tư-tưởng, Học-thuật, mà một nhà Văn hay một nhà

trí-thức trung-trực và liêm-chính, không thể phản-đối mà cũng không thể tán-thành.

* Tuy nhiên, ở trong giới hạn một vị-trí Tự-do tương-đối mà chúng ta có thể khai-thác được một vài khía cạnh nào đó của Tự-tưởng, chúng ta cũng có thể, — để khỏi phí mất thời-gian quý báu và khả-năng bông-bột của cả một thế-hệ văn-hóa đang vươn mình lên, — chúng ta có thể đặt vấn-đề trên một vài quan-điểm thật-tế nhất và gần gũi nhất với hiện-tình chung của đời sống nhân-dân.

ĐỨNG TRÊN PHƯƠNG-DIỆN ẤY, VÀ RÚT KINH-NHIỆM ở các ưu-điểm và khuyết-điểm của văn-học Việt-nam, chúng ta phải tạo ra những điều-kiện để cho Văn-hóa của ta được phát-triển mạnh mẽ. Tôi xin nói ngay rằng thế-hệ Thanh-niên văn-nghệ chúng ta ngày nay, những văn-nghệ-sĩ chân chính tự nhận thấy có nhiệm-vụ xúc tiến văn-hóa dân-tộc, phải tự-động sáng-tạo ra những điều-kiện ấy, chứ không cần chờ đợi ai, và cũng chẳng phải ý lại vào ai.

Tự-động sáng-tạo điều-kiện như thế nào? Tôi chắc các bạn đều công-nhận rằng Chân, Thiện, Mỹ là ba yếu-tố chủ-đích của tiến-triển văn-hóa, phải được coi là lý-do tồn-tại của văn-hóa, là lý-tưởng siêu-việt mà chúng ta cần phải hy-sinh tất cả để phấn khởi thực-hiện, thực-hiện đến tuyệt-đích, đến giới-hạn cuối cùng của khả-năng và ý chí của chúng ta.

Chúng ta cần phải tự tạo ra, trước nhất những điều-kiện cá-nhân, — những khả-năng được khai thác cho đến nguyên-tử nhỏ xíu nhất của khả dĩ tinh thần.

Phải lặn mình vào công-trình kiến trúc vĩ đại ấy, không phải chỉ với lòng ham chuộng được thỏa-mãn một danh vọng suông nào đó mà thôi, hoặc một khiếu chất còn bở ngỡ, một thiên tài còn non-nớt, mà phải với cả một ý chí kiên nhẫn, chuyên nhất, tự rèn luyện một trí thức vững chắc, dồi-dào rộng lớn, có đủ sức bao quát những chân trời mới, luôn luôn mới mãi, của thông minh loài người.

Chúng ta đừng tự mãn, bởi vì thiên tài của chúng ta. — nếu quả thật chúng ta có thiên tài, — hãy còn sơ ấu lắm, và kiến thức của chúng ta, — nếu chúng ta đã gom góp được một vài kiến thức, — hãy còn sút kém lắm.

Với một thiên tư chưa trưởng thành (tôi nói : chưa trưởng thành) đối với tiến-triển văn-minh cổ-cựu của các thời đại, — với một trí thức hẹp-hòi non nớt, chưa được bột phát lên, làm sao chúng

ta đạt được, nếu không nói là sáng tạo được, một hình thức có thể bền lâu của Chân, Thiện, Mỹ?

Kiều căng, tự phụ, và nhất là tự mãn, vẫn là chứng bệnh ấu trĩ của những người Văn nghệ. Nó lại là chứng bệnh truyền-nhiễm và rất nguy hại. Bởi nó làm hao mòn tất cả những cố gắng lên trên bậc tầm thường, nó tiêu diệt ý chí vượt lên từng cao bát-ngát của tư tưởng, và của sáng tác tuyệt mỹ.

Một trong những nguyên nhân sút kém của Học thuật Việt-Nam trong mấy thế kỷ trước, chính là cơn bệnh tự mãn của các Văn-nhân tiền-bối của chúng ta, chỉ đủ theo mà không cố vượt.

Vậy thì, tự động sáng tạo điều kiện tiến-triển Văn-hóa, tức là tự xây-dựng trước hết cho bản-năng của mình một căn-bản Văn hóa vững chắc và rộng rãi của toàn-Vũ.

Thiếu căn bản Văn hóa cá nhân ấy, dù có Thiên-tài xuất chúng chẳng nữa cũng chỉ là một Thiên-tài non-nớt, yếu đuối mà thôi, giữa Văn-Hóa quốc tế đang tiến bộ mãnh liệt và mau chóng phi thường.



TÔI KHÔNG BIẾT CÁC BẠN THANH - NIÊN VĂN-NGHỆ có đồng ý với tôi không, về quan điểm tôi vừa trình bày trên, nhưng tôi thiết tưởng kinh-nghiệm học hỏi các yếu tố văn hóa thế-giới đã cho chúng ta một bài học đáng cho chúng ta suy-nghiệm, cũng như chính do những nhận xét về văn học cổ-cựu của Nước ta trong mấy thời đại trước.

Nếu nguyện vọng của tôi may mắn được các bạn công nhận là nguyện vọng của chính mình, thì chúng ta có thể tin chắc rằng tong mười, mười lăm năm tới đây, thế-hệ Văn-nhân chúng ta sẽ có những đại diện xứng đáng cho một Văn hóa mới hãnh diện với quốc tế, bởi vì nó sẽ phong phú và hàm-súc hơn nhiều.

Chúng ta sẽ không còn quanh quẩn mãi trong vòng Văn thơ ấu trĩ, tầm thường, và chúng ta sẽ hết tự-mãn với một Học thuật nghèo nàn, thiếu sót, như một khu vườn cần-cỗi tiêu sơ. Chúng ta vui mừng được trông thấy nhiều bạn đang cố gắng, và tận tụy tìm tòi học hỏi tới một trình-độ khá cao, và đã bắt đầu thi thố thiên tư và khả-năng phong phú của mình. Tương lai Văn-Hóa Dân-tộc Việt - Nam ở trong tay các bạn tiền phong can-đảm ấy. Những kẻ tự mãn còn non nớt mà không cố gắng, sẽ không thể nào vượt kịp và sẽ không sao phục vụ được Văn-nghệ tiến-triển của Thời đại.



NHÂN TÀI LỊCH-SỬ

NGUYỄN - HÀM - NINH

★ **VÕ-BÁ-HÀI**

Những nhân tài lịch sử có kẻ bị lãng quên hoặc không hề được người ta nhắc đến! Nhưng đối với linh hồn của tiền nhân cũng vẫn vui cười trong mạch dãi, riêng đối với thi nhân cũng vẫn khi khà ngâm vài câu thơ khiến hừng. Giờ đây, giữa lúc nền văn học nước nhà đang lên, chúng tôi xin ghi đây một vài nét lịch-sử của một bậc tài-hoa : Nguyễn-Hàm-Ninh, con người quá cố đã xa chúng ta hơn 150 năm.

NGUYỄN-HÀM-NINH MỘT TÀI HOA CỦA BẮT NƯỚC VIỆT-NAM



Nguyễn-Hàm-Ninh, biệt hiệu là Tịnh-Trai, người ở làng Phú-Kinh, phủ Quảng-Trạch,

tỉnh Quảng - Bình.

Sinh - trưởng trong một gia - đình nông - nghiệp, sống dưới chân núi Chớp chài bên ngọn nước Khe - Dạng. Vì nghèo khó nên thân sinh cụ không cho cụ đi học được. Một hôm có người bà con đến cho bánh và đùa rằng : trong nhà hề ai lớn hơn cả thì được. Người bà con liền hỏi ngay cụ Nguyễn : — Thế thì thầy tuổi gì ? — Tuổi Thìn Thế mẹ tuổi gì ? — tuổi thân. Tiếp theo đó cụ Nguyễn bèn cười lên và cho rằng thế thì cái bánh

ấy về phần mình, mình tuổi Thìn trước rồi mới đến Tị, ngo, mùi, thân chớ ?

Thấy con có tinh thông-minh, thân sinh cụ cố - gắng dành dụm số tiền cho con cấp sách tụng học. Nhưng không được mấy ngày, cụ phải nghỉ để giúp việc nhà, vì gia-đình quá đói nghèo khó. Mỗi đến năm 15 tuổi, nhờ có người cô ruột giàu có mà không con, nên mới xin cụ về nuôi cho ăn học. Từ đấy, cụ Ninh đã nhờ ở cửa nhà của tỉnh thương thứ hai.

Nhờ ở trí tuệ phi-thường, nên việc học của cụ tiến triển rất mau. Học một có thể biết được mười. hơn nữa cũng do một phần lớn ở chí cố gắng và nhẫn nhục của cụ mà nên.

Sự nghiệp và văn chương của cụ, có nhiều đoạn rất nên lý

thú ; sánh với văn thơ của Nguyễn - Công - Trứ, bà Huyện Thanh-Quang thì thơ của cụ có phần khác hơn nhiều, nhưng cụ lại mắc cùng một chứng bệnh thời-đại với Cao-Bá-Quát, hay có một ít tương tự như cụ Tú Vĩ - Xuyên và cụ Tam - Nguyễn Yên-Đỗ.

★

AI ĐÃ SỬA CÂU ĐỐI Ở ĐIỆN THÁI-HÒA ?

Nếu lên câu hỏi này chúng tôi cảm thấy vẫn còn nghi vấn vì có người cho rằng câu đối ở điện Thái-Hòa chính tay Cao-Bá-Quát chỉnh và kẻ khác lại nói chính cụ Nguyễn-Hàm-Ninh tự tay sửa lấy. Đại diện cho nhóm trên, Ông Trần - Thanh - Mai trong cuốn « Trong Giòng Sông Vị » đã đem chứng-minh vài mối trong quan đề kết luận rằng Cao-Bá-Quát đã sửa câu đối. Nhưng cụ Nguyễn - Văn - Đề trong quyển « Đời Tài Hoa » (xuất bản năm 1938) đã viết :

«... Đón vai ông đồ mãi đến năm 1836 (Bình thân) cụ Nguyễn Hàm-Ninh mới được dực Minh-Mạng đời ra làm Quốc-Học Độc Thư. Năm 1838 (Mậu Tuất) đời qua Tôn-Nhân-Phủ chủ sự. Chính trong lúc giữ chức ấy, cụ được thấy trên điện Thái-Hòa sáng rực hai câu đối sơn son thếp vàng :

« *Tử năng thừa phụ nghiệp*
« *Thần khả báo quân ân.*
Nghĩa là : « Con thừa nghiệp cha.
Tôi trả ơn chúa.
Cụ liền lấy bút phê vào bên cạnh :
« *Tối hảo ! tối hảo ! Cương-thường*
điên-đảo
« *Thần Nguyễn Hàm-Ninh phụng*
khảo »

Nghĩa là :
Hay tuyệt hay tuyệt. Song cương thường điên-đảo
Thần Nguyễn Hàm-Ninh phụng duyệt.

« Sau khi Minh-Mạng nhìn thấy, triệu cụ vào, hỏi sao dám báo cương thường điên-đảo thì cụ tâu rằng chữ TỬ đứng trước chữ PHỤ, chữ QUÂN nằm sau chữ THẦN. Ngai bắt sửa lại, thì cụ đọc :

« *Phụ nghiệp, tử năng thừa*
« *Quân ân, thần khả báo.*
(Nghiệp cha, con thừa được. Ông chúa, tôi trả tròn).

« Chỉ đem lên xuống mấy chữ mà câu văn trở nên già dặn khiến cho nhà Vua sẵn lòng mến phục lại càng mến phục thêm ! ».

Chúng tôi không biết rằng cụ Cao-Bá-Quát đã sửa hay chính tay cụ Nguyễn-Hàm-Ninh. Nhưng được đọc qua vài câu thơ tuyệt-tác chúng ta cũng sáng khoái được đôi chút tâm hồn để hoài niệm đấng tiền-nhân.

MỘT TRƯỞNG TÔNG
CỦA NƯỚC VIỆT-NAM

Chẳng những cụ Nguyễn-Hàm-Ninh có tài về văn chương mà còn xuất chúng về trí thông-minh ít ai bì kịp.

Xem Tam-Quốc truyện, chắc chúng ta cũng không bao giờ quên anh chàng Trương-Tông, con người mới xem qua quyển Mạnh-Đức Tân-thư thì đã thuộc lòng! Và vì cái thuộc ấy nên tay gian-hung đệ nhất đời Tam-Quốc cũng phải bị mắc lừa và xé cuốn Mạnh-Đức Tân - Thư một cách rất oan uổng! Cụ Nguyễn-Hàm-Ninh cũng ở vào những trường hợp như thế.

Sau khi rời khỏi ghế lang-trung cụ Nguyễn được nhà vua bổ làm Án-Sát tại tỉnh Khánh-Hòa hồi mùa đông năm 1846; Vua đoán không đầy một tháng bỗng một hôm có hai người Tàu vào xin yết-kiến. Người đi trước tự xưng là vị hưu-quan, nghe tiếng cụ là nhà học giả trứ-danh nên ghé vào thăm. Còn gã đi sau thì cũng thừa biết, vì chính gã đã bị mắc lừa cụ một lần rồi!

Hôm ấy, lúc cụ còn ở nội các chính gã ấy đã chở sang một ghe sách rất quý giá để bán cho triều đình Việt-Nam ta. Đức Thiệu-Trị bèn bảo cụ thử xem coi hay, hay

dở thế nào. Vời chủ bán, cụ hẹn rằng khi nào xem xong rồi mới trả giá. Chủ bán bằng lòng. Vậy kể từ đó, ngày nào cụ cũng ra thuyền khách vech chân nằm xem một tập, hai tập ba tập rồi đến cả bộ dày hàng mấy trăm trương; giá những 30 lạng bạc cụ đều để mắt qua cả. Khách bán mới hỏi cụ bằng lòng mua không thì cụ khi-khà cười mà rằng: Tôi tưởng sách gì là mới, là quý giá, té ra thứ sách ấy thì nội-các tôi mới lục ra đã thấy có rồi. Đoạn cụ đem cho hắn xem một bộ chữ viết, bảo rằng đây là của người Nam ta mới chép lại! Tài tình chưa? Triều đình ta làm gì có thứ sách ấy? Chẳng qua nhờ ở trí thông minh và tài kỹ-ức của cụ, nên cả một bộ sách dày như thế mà ban ngày xem đến đâu là thuộc lòng đến đấy, rồi đem về đọc cho mấy tên thừa phái viết không còn sót một chữ nào! Vì vậy nên suốt đời cụ, cụ không cần bỏ tiền mua sách của một ai cả. Sách nào bạn cụ có thì cụ thuộc lòng tất cả.

Nhà Vua bao mua, cụ xin đừng, làm cho chủ khách phải ôm hận chớ quách mở hàng ế-âm ra về!

Vậy hay rằng con cháu Mã-Viện chưa hẳn gì đã hơn nòi giống Lạc-Long ta đâu nhé! Trí nhớ khác thường của cụ Nguyễn Hàm-Ninh như thế có thua gì một Trương-Tông thời Tam-Quốc đâu? Kính mến yêu - quý thay cho các bậc tiền bối của chúng ta!

CHUI VUA,
VUA VẤN PHẢI CƯỜI!



Một hôm, vua Thiệu - Trị vi hành qua Bến Ngự, gặp trận mưa to, Ngài phải chạy vào nhà một

người thợ nhuộm bên đường để ta-túc. Mưa tạnh, Ngài ra về mới tặng cho chủ nhà một bài thơ cảm-tác, trong đó lại có hai câu đối. Cụ Nguyễn-Hàm-Ninh há chẳng biết câu đối ấy của vua mình hay sao? Tuy vậy khi vào chầu làm ra bộ nghiêm - nghị lắm, cụ vẫn kêu: Hạ-thần đi qua ở xứ nọ... trước cửa dán nhà bên kia... câu đối:

- « Thiên-địa huyền hoàng đô ngũ thú,
- « Triều-đình chu tử tông ngô môn.

(Đèn trời vàng đất nhờ tay mờ - Mù tia xiêm đều chặt cửa ông). Hỏi câu đối ấy của ai làm thì chủ nhà bảo của thằng lạc-phách nào đó ở phương xa đến. Kẻ hạ-thần cứ như khâu-khí trong câu đó mà xét thì phải quyết rằng tác giả nó là một tay ghê-gớm không vừa nếu mạng ấy không làm vua thì cũng làm giặc. Vậy dám tâu thành-thượng lập tức cho truy-nã hắn về mà giết ngay đi để phòng hậu-hoạn. Chẳng thế thì

còn có một cách này nữa là Thánh-thượng hãy nhường ngôi lại cho nó để đem thái-bình cho thiên-nạ!

Một lời tâu đã làm cho nhà vua phải lòa cả mắt, ù cả tai, vì chính nhà vua cũng biết Nguyễn-Hàm-Ninh có ý chọc mình, nhưng rồi nhà vua phải thu-nhận với cụ: của Trẫm làm đó, khazh kính lấy đấy.

Xem qua đoạn này chẳng những chúng ta mến phục lòng khảng-khái của cụ Nguyễn mà còn phải kính đưc Thiệu-Trị ở chỗ biết chuộng nhân-tài để cùng giữ vững việc nước. Không vì việc nhỏ mà chạm đến lòng tự-ái. Thật đáng quý thay cho kẻ biết trọng hiền-tài!

RÀNG CÂN LƯỚI.

Sau đời vua Thiệu - Trị, lẽ ra Hồng-Bảo (anh ruột vua Tự-Đức) phải được lên ngôi, vì chính Hồng-Bảo đã được tôn làm Thái-Tử từ lâu. Nhưng khi gần nhắm mắt, đưc Thiệu - Trị lại tính nhường ngôi cho em là Hồng-Nhậm (Tự-Đức); Hồng-Nhậm lên ngôi khiến Hồng-Bảo tỏ vẻ bất-bình. Vì vậy mà cả gia-quyển của Ông này đều bị hại!

Oi Tự-Đức đã làm cái chuyện « củi đậu nấu mè » nời da xào thịt. Vì có ấy mà cụ Nguyễn Hàm Ninh không còn phục nhà vua được nữa.

Một hôm nhưn bữa dùng cơm, vua bất-cần đề rằng chạ phải ươi nhà vua lấy đó làm đầu đề cho nhân-sĩ đình-thần làm thơ.

Các quan đều dâng lên cho vua ngự-lãm, nhưng chỉ có bài của Nguyễn-Hàm-Ninh là xuất-sắc hơn cả, mãi đến ngày nay còn truyền tụng. Bài thơ đó như sau :

« Sinh ngã chi sơ như vị sinh
« Như sinh chi hậu ngã vi huynh
« Trần tu tăng kỷ đồng cam khổ
« Khiết chi hoàn vong cốt-nhục

Nghĩa là :

« Thuở bác (vũ) sinh ra, chú
 chứa sinh
« Từ sinh ra chú (răng) bác làm
 anh.
« Tàn cam từng lúc cùng san-sẻ
« Cốt-nhục đang tâm nghiên
 đứt tình ?

Thật là tài-tình. Cụ Nguyễn, hiện thân của thời-đại đã nói lên được bộ mặt thật của thời đại phong-kiến tương-tàn. Chúng ta thêm một lần nữa thông-cảm qua nỗi đau khổ thống-thiết của dân-tộc.

CÁI SỐNG TRONG CÁI CHẾT

Như đoạn trên chúng ta đã thấy rằng cụ Nguyễn-Hàm-Ninh

gạt-gầm mấy chú khách một cách tài tình hóm hỉnh. Thì đây, bọn con cháu Mã-Viện ấy cũng tìm phương phục thù mới đã nư giận.

Lần này chúng trở sang Việt-Nam quyết-tâm dụ cụ Nguyễn cho được đề đem về ám-hại.

Thật vậy, chúng mời cụ xuống thuyền rồi phục rượu cho ngã say để cụ ngủ quên rồi chúng nhỏ neo tách bến ! Thôi rồi hùm thiêng đã mắc bầy mọi, cánh chim bạt-gió tung mây nay vào lòng tim vào nơi đất khách ! Khi tỉnh dậy, cụ đã biết sự tình, bện yên-lãng cho việc dời đưa đến, cụ vẫn ngâm thơ vịnh phú...

Đến Thượng-Hải, chúng đem cụ lên nhà. Một việc làm cho cụ quá đỗi ngạc nhiên là, khi bước vào trong nhà thì cụ đã thấy ngay tuồng chữ của mình hiện lên trên đôi vế liễn .

« Kết tóc hẹn duyên ta, một phút
 ai xui hồng về Bắc.

« Ôm lòng nương dẫu khách, bao
 giờ còn thấy nhạn sang Nam

Thì ra câu liễn đối này, khi cụ còn ở Bộ thì cụ làm cho một người đàn bà ta khóc người chồng khách sang buôn bán ở Việt-Nam rồi chết đi, chở quan tài về Tàu trong lúc nàng đương mang thai nghén.

Nhìn thấy tác phẩm của mình cụ Nguyễn đoán rằng nhà này cũng không xa lạ gì cho lắm,

hay cũng anh em ruột thịt với kẻ mong ám-hại mình. Nên bèn than rằng : Buổi bà con của các Ngài chết, chính tôi đã làm một người khóc mướn, không ngờ ngày nay thân này lại chết vào tay các Ngài; than ôi, sau khi tôi đã nhắm mắt rồi, ai là người có đủ nước mắt để khóc mướn cho tôi ?

Chỉ một lời than nhẹ-nhàng và bi-đạt ấy khiến những kẻ toan ám hại cụ cũng phải xúc-cảm rất nhiều. Vì thế nên từ chỗ muốn hại giờ đây chúng chỉ cầu xin cụ cho giữ lại chùm tóc mện-màng đề gọi là kỷ niệm một cuộc rửa hờn!!! Thế rồi chúng lấy cái đầu tóc bắt hủ của cụ và chỗ trả cụ cho non sông Hồng-Lạc.

MANG XIỀNG SẮT NGỒ RĂNG ĐEO NGỌC

Từ cổ chí kim, dù xã-hội nào chẳng nữa, người trung vẫn là kẻ địch thù lợi hại của quân nịnh a-dua. Lúc bấy giờ các quan cận thần thấy trung thần Nguyễn-Hàm-Ninh có tài lại được nhà vua kính mến, họ gièm pha tìm cách làm nhục cụ Nguyễn. Đó là thói thường tình, ai có trách chi cho một Liêm-Pha muốn hại Lạng-Tương-Như để được vinh thân tình lợi...

Nhơn dịp cụ Nguyễn-Hàm-Ninh bị cắt tóc, họ mới tâu với nhà vua, cho rằng đó là một

việc nhục cho Quốc-Thê. Họ ghép cụ vào tội đại tịch. Nhà vua dù có khoan-hồng đến đâu cũng phải buộc lòng dày cụ ra Đà Nẵng để chờ lệnh mới.

Một ngày nào là một ông quan làm-làm oi-phong đạo-mạo ở trào-đình và giờ đây lại phải chịu xứng-xinh trong bộ áo xanh nhạt !

Nhưng mặc kệ bọn gian thần dòm ngó, mặc cho bọn xiêm-nịnh chê cười :

« Ai thấy gông xiềng chẳng phải
 kinh ?

« Vira cười chúng trở Nguyễn-
 Hàm-Ninh »

Cụ Nguyễn vẫn tươi cười, ngâm thơ đề tự sung sướng lấy mình.

« Rong-ranh xiềng sắt ngồ đeo
 ngọc,

« Ràng rịt thừng mây tựa thắt dail

Cụ xem cái việc ở tù như là một thú tiêu-khiến vô cùng tận. Ở tù mà lòng không biết thẹn, ở tù mà lòng vẫn sung sướng. Mang xiềng sắt mà lại ngồ đeo chuỗi ngọc. Sáo thật ! Nhưng chẳng phải đó là lời nói mai mỉa để tự an ủi lấy mình.

Thật hóm hỉnh và chua - chất thay ! Khi Cao-Bá-Quát một phút cuối cùng còn biếm nhẽ chua-chất mỉa - mai đời :

« Ba hồi trống giục dù cha kiếp,
« Một nhát gươm đưa bỏ mẹ đời.

Thì Nguyễn-Hàm-Ninh lại thành thật hơn, coi việc ở tù là sự tiêu-tử của thú nhàn lạc.

Ông Nguyễn-Văn-Đề đã nói: «Những bậc danh vọng như cụ mà cũng có lần nếm qua thú ngũ rồi, trường ăn bốc mới đủ cho thiên hạ tin rằng, nằm trong nhà đá, ngồi giữa cũi sắt, dẫu toàn là người có tội, cũng chưa hẳn là tội đáng khinh».

Ở đây ta kể chuyện cụ Nguyễn-Hàm-Ninh giữ được khí-tiết nhà nho chẳng kém hàn-nho Nguyễn-công Trứ khi bị cách chức làm linh thú ở Quảng-Ngãi:

«Lúc làm tướng, tôi không lấy làm vinh thì lúc làm lính, tôi

không lấy làm nhục. Con người ta ở địa-vị nào thì có trách-vụ của địa-vị ấy».

★
**NHỮNG NGÀY CUỐI
CÙNG CỦA CỤ NGUYỄN
HÀM-NINH**

Cụ Ninh sinh vào ngày rằm tháng giêng năm Mậu Thìn (1808) mất vào rằm tháng chạp năm Đinh-Mão (1867) hưởng thọ được 60 tuổi.

Cụ chết, nhưng rồi sự nghiệp văn-chương vẫn còn tồn-tại và địa-vị của cụ trong vườn hoa văn-dân vẫn sáng rực... thơ văn và tiếng nói của cụ bao giờ mới chết nhỉ?

★ **DANH NGÔN**

Những lời khen tặng cũng như mùi thơm nước hoa, chúng chỉ nên phớt qua chúng ta thôi nhưng không nên thấm sâu vào chúng ta.

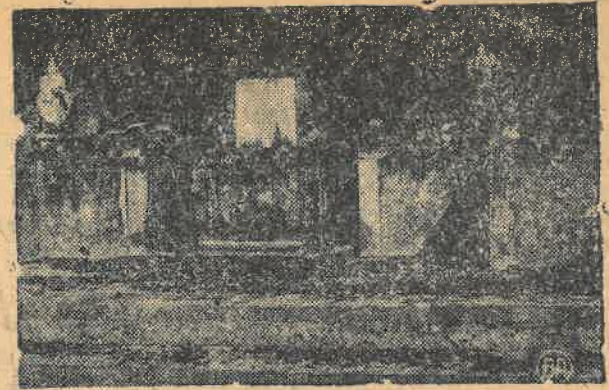
C. CLARK MUMFORD

★ — PHẢI LÀM SAO CHO MỖI MỘT CỬ CHỈ CỦA CHÚNG TA ĐỀU CHO TỐT ĐẸP, VÌ MỖI CỬ CHỈ ĐÓ SẼ TRỞ NÊN CHO CHÚNG TA MỘT KỶ NIỆM.

Anatole FRANCE

★ — ANH HÃY CỨ LÀM VIỆC GÌ MÀ ANH NGẦN NGẠI RỒI ANH SẼ HẾT SỢ.

Emerson.



Lăng họ Mạc

HÀ-TIÊN THẮNG CẢNH

(Tiếp theo P. T. số 12)



Ô N cố nhi tri tân. Xem việc cũ để biết việc mới. Đã nói đến Hà-tiên ngày nay

xin mời bạn đọc cùng chúng tôi gọi lại những trang sử cũ Hà-Tiên.

MẠC - CỨU NGƯỜI SÁNG LẬP HÀ-TIÊN.

Vào khoảng cuối thế kỷ XVII, một thiếu niên Trung-Hoa 17 tuổi tên là Mạc-Cửu, gốc tích ở tỉnh

Quảng-Đông. Chàng cũng như muôn ngàn bạn đồng hương, có dòng máu phiêu lưu. Hồi ấy chàng ngừng chèo ở một bờ biển Cao-Miên. Chàng được triều đình xứ này tiếp-đãi nồng-hậu, nhờ thế chàng lập được một địa-vị cao cả, có một sản-nghiệp phong phú.

Nơi chàng lưu trú đây hồi đó người Cao-Mên gọi là Mang Khảm là một nơi rừng núi hoang vu. Dân cư gồm có những người Cao Mên, Mã-Lai, lấy sự săn bắn, chài

lưới và phần nhiều lấy sự cướp trộm làm kế mưu sinh. Đám dân

NGỌC-TỈNH

ô-hợp này không biết một tý gì về thương-mãi và nông nghiệp. Mạc-Cửu nhờ có tiền nhiều được triều đình Cao-Mên phong cho làm Thống-Đốc xứ đó vào năm 1708. Nói cho đúng chàng đã mua cái chức Thống-Đốc bằng bạc của chàng.

Từ khi tựu chức Thống-Đốc, chàng sáng lập ra tỉnh Hà-tiên. Hồi đó đây là một nơi tiếp rước những kẻ không nhà và nghèo, đói của tỉnh Quảng-Nam, Quảng Ngãi và cả người Chăm lại cư-ngụ.

Chàng bắt buộc dân này cày ruộng, làm vườn, xây cất nhà cửa, kiến-thiết một cửa bể cho tất cả các thuyền bè bốn phương cùng lại ghé bến nơi đây. Mạc-Cửu muốn cho Hà tiên thành một tỉnh Quảng-Đông thứ nhì.

Thế là trước kia chỗ này là một nơi hoang vu không cây cối không dân cư, tuy chàng không làm được một « tiên-cảnh » như ý muốn của chàng thì chỗ này ít nhất cũng là một vùng có thể sinh sống được và cũng có khá đông dân lại cư-ngụ. Sự thịnh-vượng này làm cho người Xiêm thèm muốn. Chúng đã đem thủy và lục quân lại xâm chiếm Hà-tiên. Xứ này lúc đó sự chống ngoại xâm tỏ - chức chưa hoàn - hảo nên bị người Xiêm chiếm-đoạt. Đàn bà và con nít đều bị bắt đem đi, cả đến Mạc-Cửu cũng theo sang ở nhờ triều đình Xiêm. Ít lâu sau, nhân cơ hội bên Xiêm có nội loạn,

chàng lại lần mò về Hà - tiên. Nhưng mới đầu chàng cư ngụ tạm ở Vịnh Trung - Kê tức là tỉnh Réam của Cao-Mên bây giờ. Tại đây vợ chàng, một người Việt ở Biên-Hòa họ Nguyễn nên người ta đã tưởng lầm là một bà Hoàng của triều đình Nguyễn, sanh hạ một con trai trong trường - hợp như vậy :

Một ngày kia, nàng đi hái hoa sen trong một cái ao ở tỉnh Trung-Kê. nàng thấy một đạo hào-quang phát ra, rồi lần lần một tượng Phật, toàn bằng vàng hiện ra. Sau khi thấy tượng đó nàng sinh ra một đứa con trai mà hồi đó các vị sự - tăng đã đoán rất nhiều về tương-lai của nó.

Về sau tượng Phật đó đem vào thờ ở trong chùa, nhưng hình như người Xiêm đã lấy nát vào lúc chúng xâm lấn đất đai lần thứ hai.

Sau ba năm lưu-lạc, Mạc-Cửu lại trở về Hà tiên.

Sử chép rằng : theo lời đề-nghị của một người họ hàng thân cận với Mạc - Cửu, khuyên Mạc - Cửu rằng : « Vua Cao - Mên đã làm ngo trước sự kêu gọi của ta đề đối phó với người Xiêm xâm lăng đất đai của ta, thế thì ta phải coi người Cao - Mên là bất-lực». Vì thế Mạc-Cửu không trông vào sự viện trợ của Cao-Mên nữa và quay sang liên-lạc với Việt - Nam. Năm 1715 Mạc-Cửu phái hai cận thần ra

Huế báo cho triều đình hay tin chàng đã chiếm cứ được Hà tiên và yêu cầu triều đình cho chàng được phép cai trị tỉnh này.

Cả ai vào ao ta, vua Minh - Vương (Nguyễn-Phúc-Châu) chấp thuận ngay đề nghị của Mạc - Cửu, phong cho chàng chức Thống-Đốc và Chỉ-Huy-Trưởng tối cao đề cai trị tỉnh Hà-tiên mới sang lập. Năm 1724 Mạc - Cửu đáp thuyền ra Huế đem theo các lễ vật rất trọng hậu đề bày tỏ sự tri ân của chàng và xin làm chư-hầu lệ-thuộc của Minh-Vương.

Mạc-Cửu qua đời năm 1736, hưởng thọ 78 tuổi. Ông chết đi cũng được mãn-nguyên vì đã trông thấy sự phồn-thịnh vùng đất đai ông đã có công khai thác.

Trưởng nam của Mạc-Cửu là Mạc - Thiên - Tịch tiếp tục chức vụ và sự nghiệp của cha. Mạc - Thiên - Tịch mới đầu đặt tên là Mạc-Tôn rồi lại đổi tên ra là Mạc - Tử. Sau này triều đình Nguyễn cho họ Mạc 7 chữ: Thiên, Tử, Công, Hậu, Bá, Tử, Nam để dùng đặt các tên đệm ; và 5 chữ Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ để ghép vào các tên riêng. Nhưng vì thấy chữ Mạc 莫 là chữ nhắc nhở đến tên phản-tặc Mạc-Đặng Dung, triều đình mới thêm nét 丩 vào chữ Mạc. Từ đó Mạc-Tử mới đổi tên là Mạc-Thiên-Tịch thêm nét 丩 vào tên họ, lấy chữ Thiên 天 làm tên đệm và lấy chữ Kim 金 thay vào chữ Bối 貝 ở

tên riêng của mình. Các con sau này của Mạc - Thiên - Tịch sẽ lấy tên Mạc - Tử và tên riêng của những người này sẽ lấy chữ Thủy 水 ghép vào các tên riêng, như Mạc-Tử-Hoàng 鄭子潢. Các cháu của Mạc-Thiên-Tịch sẽ lấy tên là Mạc-Công 鄭公 và chữ Mộc sẽ ghép vào tên riêng của các người này, như Mạc-Công-Bá 鄭公栢 và cứ như thế tiếp tục cho đến 7 đời (bắt đầu kể từ Mạc-Cửu cho đến Mạc-Tử-Khâm là tên sau chót).

Công việc trước hết của Mạc-Thiên-Tịch là ra Huế đề xin lần phong. Y được phong làm Thống Đốc tỉnh Hà-Tiên với tất cả quyền hành rộng rãi và có nhiệm vụ chống giữ biên-thùy.

Triều-đình cấp cho Mạc-Thiên-Tịch 3 chiến-thuyền, ông dùng những thuyền này đi buôn bán ở miền Nam-Hải đem lại lợi tức không ít cho ông và cho triều đình. Bởi vậy năm 1748 Mạc-Thiên-Tịch gởi các lễ vật ra triều đình, ngoài những trâu châu, bảo-vật, còn có 20 con Công, 1 con gà Tây, 1 con chó Tây thật to, 5 con Yêng biết nói, và các thú chiểu. Triều đình cấp phát cho ông 2 bằng cấp Trung-Tá, 2 bằng cấp Đại-úy và nhiều tấm gấm vóc. Nhưng lúc ở Huế trở về, thuyền chuyên chở các đồ vật này bị cướp ở Càmau. Những tên cướp này bị rượt bắt và sau bị xử tử.

Ở vào một vị-tri có phong

cảnh nên thơ, ở bên trong một cái Vịnh có rặng núi đồi cây cỏ xanh tươi, mới đầu Hài Tiên chỉ là một làng nhỏ của đám người chài lưới và trộm cướp, Mạc-Cửu đã xây dựng thành một tỉnh nhỏ. Ông đã cho xây một cái thành hình chữ nhật một chiều 500 thước và một chiều 100 thước, có tường gạch bao chung quanh, đó là chỗ ở của Mạc-Cửu. Trong đó có một ngôi chùa, có những nhà của đám người lệ-thuộc, những vườn và những ao hồ. Để cho sự đi lại được dễ dàng với cái thành xây cất ở trên các ao hồ, Mạc-Cửu đã cho làm một cái cầu, cầu này cũng chắc chắn lắm vì mãi đến năm 1889 người ta cũng còn thấy di tích cái cầu này. Mạc-Cửu, cũng cho xây một cái hồ chứa nước ở dưới chân đồi để phân phát nước cho dân.

Chung quanh tỉnh Hài Tiên các làng ấp được thiết lập, như : Lộc-Trị, Thuận-Yên, Dương-Hòa, Bình-Trị. Ở các làng đó sống chung đặng các giống người Cao-Mên, Trung-Hoa, Mã-Lai và Chăm.

Mạc-Thiên-Tích cải cách rất nhiều công nghiệp của cha để lại. Việc hành chánh được sửa đổi cho hoàn-mỹ.

Trong thời cai trị của ông, Mạc-Thiên-Tích có dưới tay những đất đai từ Kampot đến Cà mau. Ông cho mở các làng ở những nơi này, thu thập tất cả các người muốn lại đó định-cư.

Linh-Mục Pigneau de Béhaine quen biết rất nhiều Mạc-Thiên-Tích như sau đây : « Ông Thống Đốc tỉnh Cancao, tên Trung-Hoa của tỉnh Hài Tiên — ngoài tỉnh Hà tiên còn có 3 tỉnh nữa là Đạo Kiến Giang (tức vùng Rachgiá), Đạo Longxuyen (tức vùng Càmau).

Mạc-Thiên-Tích cũng như cha, mà có phần trội hơn nữa là khác, Ông có đủ đức tính một nhà cầm quyền biết cách cai-trị và tổ-chức. Ông thi-hành triệt-đề tất cả các biện-pháp thích-nghi để quyên-rủ dân lại định-cư sinh sống nơi đất đai thuộc quyền Ông cai-trị. »

Hợp-tác với Linh-Mục Adran, Mạc-Thiên-Tích thi-hành một đường lối chánh-trị rất khôn ngoan. « Ông Thống-Đốc xứ Cancao (Hài Tiên) bắt đầu cho đạo Thiên-Chúa được lưu-hành trong tỉnh ». Linh-Mục Pigneau de Béhaine viết những điều nhận xét này vào năm 1774. Mạc-Thiên-Tích lại trông đợi sự có mặt của Linh-Mục ở Hà tiên. Đến năm 1775 Linh-Mục Pigneau de Béhaine còn nhắc lại những sự liên lạc chặt chẽ, sự vì nể và sự trọng-đãi của Mạc-Thiên-Tích đã đối xử với Linh-Mục và các con chiên của Linh-Mục. Lúc Linh-Mục sang Cao-Mên, Mạc-Thiên-Tích cho 3 chiếc thuyền đi hộ tống Linh-Mục.

Năm 1776 Linh-Mục Pigneau de Béhaine lại thăm Hài Tiên, Mạc-Thiên-Tích cho Linh-Mục lựa

chọn một địa-điểm ở Hài Tiên để Linh-Mục đem con chiên lại đó cư-ngụ. Mạc-Thiên-Tích hiểu rõ ích-lợi của sự thiết-lập các làng ấp mới cho đám dân này lại định cư vì họ có một tôn-giáo, sẵn có mối liên-lạc chặt- chẽ. Ông hy-vọng tôn-giáo mới này có thể thay thế cho tôn-giáo cổ-truyền. Linh-Mục Pigneau de Béhaine lựa chọn một miếng bãi hoang-vu mà Linh-mục cho là một địa-điểm tốt. Địa-điểm này ở bên tả ngạn con sông làng Lộc-Trị gần một ngôi nhà thờ đơn-giản của Hòn-Đất là nơi trú-ngụ của các Linh-Mục đã bị nhà cầm quyền Xiêm trục-xuất.

Mặc dầu Mạc-Thiên-Tích đã làm nảy nở những hy-vọng khả-Quan trong tâm-hồn của Linh-Mục Pigneau de Béhaine, nhưng Ông vẫn không để cho tôn-giáo mới này lung-lạc ý-chí Ông. Những sự giao-hảo lễ- độ với Linh-Mục chỉ là một đường lối chánh-trị khôn khéo của Mạc-Thiên-Tích, vì Ông là một nhà Nho cổ-truyền bó buộc bởi cái lễ-giáo ngàn đời nên không thể ngả theo tôn-giáo mới này.

Mạc-Thiên-Tích lại còn làm cho Hài Tiên thành một nơi tụ họp của các thi-nhân, văn-sĩ. Các văn-nhân ở tận Phúc-Kiến và Qui-nhon, trong đám quần anh này có cả các vị sư tăng cũng đáp lời kêu gọi của Mạc-Thiên-Tích, lại thăm viếng Hài Tiên. Mạc-Thiên-Tích sáng-lập ra một hội lấy tên là « Chiêu-Anh-Các », tất cả có 18

hội-viên, gọi là « Thập-Bát Anh ». Mạc-Thiên-Tích cho xây cất gần một kiềng chùa một hội-quán lộng lẫy. Ở đây những vấn-đề chánh-trị, quân-sự và kinh-tế đều được đem ra thảo-luận và các đề-nghị hữu-ích được chấp-thuật.

18 anh-tài này cùng nhau xướng họa về văn-chương mà các đề-tài phần nhiều thuộc về tả cảnh các sơn-ký, thủy-tú, danh-lam, thắng-cảnh trong tỉnh Hà tiên.

Những thi-văn này đã đóng thành 2 quyển, 1 quyển bằng Việt-Ngữ, một quyển bằng Hán-văn. Quyển sau gồm có 32 bài thơ. Mạc-Thiên-Tích có viết trong quyển này một bài tựa rất hay.

Mạc-Cửu lại Hà tiên vào khoảng 32 năm. Ông đã nhân cơ hội hoà-bình chỉ bảo dân cách làm ruộng. Mạc-Thiên-Tích nối nghiệp cha, đã thừa dịp những thời-gian nhàn rỗi tụ họp các văn-nhân, thi-sĩ để ca-tụng cái đẹp thiên-nhiên của phong cảnh Hà tiên.

Vào mùa Xuân năm Bình-Thin (1736) Trần-Tử-Hoài, một văn-nhân Trung-Quốc đã tới thăm Hài Tiên, ông này đã chủ-toạ cuộc ngâm vịnh 10 thắng cảnh Hà tiên. Các bài thơ đã được in thành một tập.

Dưới đây là một bài thơ của Mạc-Thiên-Tích ca tụng Đông-Hồ, một trong 10 thắng-cảnh Hài Tiên :

ĐÔNG-HỒ AN-NGUYỆT

Lờ-thờ kìa núi nọ non,
 Đòi bao mấy lũ cánh còn nhưng
 như,
 Mắt lảo-lúng mắng nhìn hoa cỏ,
 Một Đông-Hồ là thú Vồng-Xuyên.
 Vũng bằng nước trải trời liền
 Khi ban rượu cúc giồng thuyền
 giúp vui.
 Nguyệt sao soi một vàng vằng
 vặc,
 Trong giữa dòng in sẵn Cung-Nga,
 Khách-Tiên vầy lũ đôi ba,
 Trên khoe mắt ngọc, dưới loè đài
 gương.
 Một tấm buồm muôn trùng xa
 cách,
 Nhìn nhau thì trong sạch nước
 Thu.
 Nồi chìm đã hẳn trước sau.
 Lòng không chốn hiềm, quân dân
 lạnh lùng.
 Hừ-hừ ai phất gió Đông,
 Trên hồ tinh-tú một dòng lung lay,
 Rẽ gió mưa, người thề non nước,
 Hai phía đều chiếm được thụ thanh
 Cảnh lành như đời người lành,
 Mua nhân một khắc giá dành
 nghìn cân,
 Thấy tinh thần tấm lòng phơi
 phơi,
 Biển vờ vờ xui lại nguồn tham,
 Khuyển ai chưa trả áo com,

Đã say thể nước lại ôm thể trời,
 Mấy khách chơi xa gần từng tụ,
 Rượu, thơ bày chẳng ngũ năm
 canh.

Say sưa xem cảnh hoà thanh.
 Ca xoang dưới nguyệt tiếng doanh
 trên ngàn.

Mấy khách thuyền mỗi tài mỗi đủ,
 Thưởng giai-ky kẻ phụ lương
 tiền

Hoà nghe, hoà tỏ, hoà xiêu,
 Gió mưa phải động nước bèo
 khiễn lan.

Chút lời hoang giải vắn tả cảnh,
 Miên dưng cười để sánh tiền
 chương,

Thơ rằng :

Một hồ rờ rờ tiết thu-quang,
 Giữa có vầng trăng nổi rõ ràng.
 Đáy nước, chân mây in một sắc,
 Ả Hằng, nàng Tố lộ đôi phương.
 Rạng thanh đã hừng thuyền Tô-
 Tử.

Lạnh lẽo càng đau dạ Lạc-Xương.
 Canh một mà tình người dễ một,
 Kẻ thì ngã-ngón, kẻ sầu thương.

Dưới đây là bài thơ tả cảnh
 Thạch-Động :

THẠCH-ĐỘNG THÔN VĂN

Quý trở, thần soi nổi một toà,
 Chòm cây, khóm đá dấu tiên gia.
 Hang sáu thăm-thăm mây vun lại,
 Cửa rộng thênh-thênh gió thổi
 qua,

Trông lồng bốn bề thấu thể giới,
 Chang-bang một dãy chứa yên-hà.
 Chán trời mới biết kho trời đầy-
 Cán-dài hèn chi rõ ỷ-la.

Và đây là bài thơ nói về 10
 thắng cảnh của Hà tiên :

Mười cảnh Hà-tiên rất hữu tình,
 Non non, nước nước, gấm, nên
 xinh,

Đông-Hồ, Lộc-Trĩ tuôn dòng chảy,
 Nam-Phổ, Lư-Khê một mạch xanh
 Tiên-Tự, Giang-Thành chuông
 trống ỏi,

Châu - Nham, Kim - Dữ cá chim
 doanh,

Bình-Son. Thạch-Động là giòng
 cột.

Sừng sừng muôn năm cũng để
 dành,

Những cuộc hội họp văn-
 chương này là những sự giải-trí
 đề cởi mở một phần nào sự lo
 nghĩ về việc tổ chức và hành
 chánh trong lãnh thổ mà Mạc-
 Thiên-Tích có phận sự phải điều
 khiển.

Năm 1739 người Cao-Mên lại
 sang xâm lăng Hà tiên, nhưng
 Mạc-Thiên-Tích đã đẩy lui được
 sau một trận kịch chiến và lần
 này là lần chót người Cao-Mên
 không dám dòm ngó tới tỉnh
 Hà tiên nữa. Nhưng chẳng bao
 lâu một mối lo ngại khác khá
 quan trọng lại phát khởi làm
 cho biên thù miền Tây lại làm
 vào hoàn-cảnh nguy-vong.

Trước kia Mạc-Cửu đã thấy
 lãnh-thổ bị người Xiêm xâm

lăng chà đạp. Bây giờ sau một
 vài năm an hưởng thái bình, Mạc-
 Thiên-Tích tới phiên ông lại
 lâm vào hoàn-cảnh bị chiếm
 đóng. Lúc đó người Xiêm có
 tham vọng xâm chiếm Cao-Mên
 nên có ý định xâm nhập vào lãnh
 thổ Hà tiên. Mạc-Thiên-Tích kêu
 gọi sự cứu-trợ của triều đình
 Việt nam, triều-đình gởi cho ông
 1000 binh và 20 chiến thuyền.

Năm 1767, ở Miến-Điện có nội-
 loạn, dân chúng Miến chiếm
 đóng và tàn phá thủ đô Ajuthia,
 cầm tù và đem vua Miến sang
 Lào.

Sự biến động này là một trở
 ngại cho tham-vọng của người
 Xiêm. Hơn nữa hai Hoàng-Tử
 con vua bị cầm tù lên lại ẩn-trú
 ở Hà-tiên. Đó là một cơ hội tốt
 để bảo đảm cho sự an ninh của
 tỉnh Hà-tiên, vì trong tay Mạc-
 Thiên-Tích có 2 con tin quan
 trọng.

Nhưng được ít lâu sau một
 trong hai Hoàng-Tử này bỏ Hà-
 tiên trốn sang Cao-Mên làm cho
 Mạc-Thiên-Tích tức giận và ông
 nghi cho Linh-Mục và các con
 cháu của Pigneau de Béhaine
 đã nhúng tay trong vụ lần trốn
 này. Vì thế Linh-Mục đã bị Mạc-
 Thiên-Tích cầm tù trong nhiều
 tháng.

Một mối nguy-vong khác lại
 xuất hiện. Nhân cuộc nội loạn
 của Miến-Điện và sự lưu-vong
 của vua xứ này, một anh chàng
 lưu-manh tên Phya-Tak, cha y
 là người Trung-Hoa ở Quảng-

Ông mẹ là người Xiêm. Tên này đã cướp ngôi vua nước Xiêm và đóng đô ở Bangkok. Hắn muốn tiêu diệt hết dòng họ Xiêm-Hoàng để trừ hậu-hoạn, nhưng một số các Hoàng - Tử và Công-Chúa Xiêm-La, một phần lưu trú ở Hà Tiên, một phần ở Cao-Mên. Đó là một mối lo ngại vô cùng nguy-hại cho Phya-Tak. Trước hết y muốn nối g dây liên lạc hòa-hảo với Cao-Mên, nhưng thất bại. Phya-Tak viết cho vua Cao-Mên một tâm thư lời lẽ như sau đây :

« Quý quốc và tề-bang tự ngàn xưa đã từng luôn luôn liên lạc « chặt chẽ với nhau bằng những « sự giao hảo cổ truyền. Sự thần « của hai nước chúng ta vẫn thường thường qua lại để thắt « chặt mối tương-giao thân thiện. « Tề-bang tha thiết ước mong « tình bang giao hòa-hảo đó vẫn « còn bền chặt mãi như xưa, « mặc dầu những biến chuyển « quan trọng vừa xảy ra ở triều « đình Xiêm quốc ».

Nhưng vua Cao-Mên đã trả lời cho Sú-Thần của Phya-Tak một cách chua cay rằng :

« Lễ tự nhiên sự bang-giao « thân thiện lúc nào cũng vẫn tồn « tại chặt chẽ giữa hai Hoàng tộc « nhưng Trẫm không khi nào chịu « giao hảo với một tên lưu-manh « xuất-thân là kẻ cùng đinh, « cha là người Trung-Quốc, mẹ « là người Xiêm, mặc dầu tên này « có tài ba lỗi lạc cách mấy, Trẫm « cũng không cần đếm xỉa tới « hắn ».

Sự tuyệt giao bắt đầu. Phya-Tak tức giận vô cùng, hắn sắp đặt một cuộc đảo-chánh ở Cao Mên để lật đổ Ang-Ton nhà vua đang trị-vì. Y muốn đem Ang-Non một Hoàng-Tử Cao-Mên đương an-trú ở Xiêm lên ngôi. Nhưng đám quân lính Xiêm hộ tống Ang-Non về Cao-Mên bị đánh bại phải thối lui trở lại. Tuy vậy Mạc-Thiên-Tích cũng vẫn lo sợ. Muốn phòng ngừa sự nguy hại, Mạc Thiên-Tích phái một đội chiến thuyền sang Bangkok trả hình dưới sự bán gao cho xứ này, để thừa cơ hội thuận tiện bắt sống Phya-Tak. Nhưng đây là một thất bại nặng nề cho họ Mạc, gao bị tịch thu, Chỉ-Huy-Trưởng là con rể họ Mạc bị cầm tù. Đội chiến-thuyền trở về Hà-Tiên với sự hư hao thất bại nặng nề. Việc này xảy ra vào năm 1768.

Mạc-Thiên-Tích quyết trả thù lại vụ này. Ông cắt đứt tất cả mọi liên-lạc với Xiêm-La và nhân cơ hội Phya-Tak đi chinh-chiến xứ Ligor trong quần đảo Malacca (1770). Họ Mạc lại phái một đội chiến thuyền đồ bộ tại địa điểm Chantaboun. Bộ-đội này lại nếm mùi thất bại một lần nữa. Đoàn quân đồ bộ bị binh địch hạch tàn sát, khi đi có 50.000 quân, lúc về chỉ còn có 10.000.

Bây giờ đến lượt Phya-Tak tấn công, y đóng binh ở ngay trước tỉnh Hà tiên (1771). Sự may mắn lại phù trợ cho Phya-Tak, thời kỳ đó họ Mạc đương lo sự

chống lại quân Xiêm thì trong xứ có nội loạn. Trần Tài một tên Trung-Hoa lưu manh khác cùng một quê quán với Phya-Tak toa rập với hai tên Mạc-Sung và Mạc-Khoan, bà con ruột thịt với Mạc-Thiên-Tích nổi lên định chiếm đoạt Hà tiên. Nhưng Mạc - Thiên - Tích đánh đuổi được bọn này và Trần-Tài lần trốn sang Xiêm.

Các vụ nội loạn khác tiếp tục nhau nổi dậy. Nào là một tên Cao-Mên cầm đầu 900 tên Mọi. Nào là vụ một tên tù vượt ngục cầm đầu cho đám người Cao-Mên, Mã-Lai và Việt-Nam để mưu sự lật đổ họ Mạc. Những vụ này cũng bị thất bại. Trong tỉnh bị nạn đói hoành hành. Trước tình cảnh vô cùng thê thảm đó, Mạc-Thiên-Tích đành xin chịu tội với triều-đình và tha-thiết yêu cầu sự cứu-trợ của Hoàng-Đế Việt-Nam. Triều đình ra lệnh cho Thống - Đốc tỉnh Gia - Định trợ giúp Mạc-Thiên-Tích.

Lấy cơ đòi hỏi Mạc-Thiên-Tích giao trả lại cho y Hoàng-Tử con vua bị quân Miến đánh bại hiện lưu trú tại Hà tiên, Phya - Tak đem 20.000 quân với một đội chiến thuyền tấn công tỉnh Hà-Tiên. Trong đám binh-sĩ này có cả mặt Trần-Tài. Sự chống đỡ cuộc tấn-công này kéo dài được 10 ngày. Những thành-lũy làm bằng cây không chịu đựng nổi sự tấn-công mãnh-liệt của Phya-Tak. Những ổ súng của quân Xiêm liên-tiếp nổ đạn vào tỉnh

Hà tiên và làm nổ tung cả kho đạn. Quân Xiêm lại tấn công ngã hậu tỉnh Hà tiên. Chúng chiếm đoạt được tỉnh này và dùng hỏa công thiêu hủy lâu đài cung-diện của Mạc-Thiên-Tích.

Họ Mạc thất trận buồn rầu tuyệt-vọng định tự-tử, nhưng một vệ tướng đưa họ Mạc chạy sang Giang-Thành, một quận ở phía Bắc Hà tiên. Các con của Mạc-Thiên-Tích chạy đi Rạch - Giá. Quân Xiêm thừa thắng đánh đuổi binh lính của họ Mạc tới tận Châu-Độc, nhưng tại đây quân-đội Việt-Nam chặn đánh bộ đội của Phya-Tak nên chúng phải rút lui về Hà-Tiên để lại ở chiến địa một số rất nhiều binh khí.

Một bộ-đội khác của Xiêm từ phía Bắc xuống cũng bị quân lực Việt-Nam, đánh tan rã ở Sadec. Tỉnh Long-Hồ nhờ vậy thoát khỏi vòng khói lửa.

Phya-Tak rút binh trở về nước đem theo 10.000 tù-binh Cao-Mên và bắt luôn Hoàng-Tử Chiêu-Tuy mà sau này bị chúng sát hại.

Hà-Tiên lúc đó tuy đã thái-bình nhưng sau những trận đạn lửa tới bờ, tỉnh này đã hoàn-toàn bị tàn-phá. Mạc-Thiên-Tích hồi đó ở Cần-Thơ, ông sai con trở về Hà-Tiên kiến thiết lại trong tỉnh và di dân lại đoàn tụ ở đây.

Lúc đó là năm 1774, nước Việt-Nam đang bị một sự nội-loạn vô - cùng quan - trọng chưa

từng có ở trong lịch sử : sự nội
đậy của Tây-Sơn.

Vua Duệ - Tôn (Nguyễn-Phúc-
Thuần) bị Tây-Sơn truy-nã, nhà
Vua và Hoàng-Tử trước hết chạy
trốn vào Quảngnam, sau chạy
vào Bենghé (Saigon).

Thời kỳ đó Mạc-Thiên-Tích có
lại bệ-kiến nhà Vua. Vua phong
cho họ Mạc làm Thống-Đốc, các
con của Ông được phong làm
Đại-Tướng và có nhiệm-vụ chống
giữ tỉnh Trấn-Giang (Cầntho).

Nhưng ít lâu sau Tây-sơn
đánh lấy Giađịnh, vua Duệ-Tôn
và Hoàng-Tử phải chạy trốn ở
Long-xuyên, sau bị Tây-sơn bắt
dẫn về Phiên-Trấn (Gia-định) và
đem hành-quyết.

Mạc - Thiên - Tích thất - vọng,
nhận lời mời của Phya-Tak cùng
Hoàng-Tử Xuân con thứ 17 của
Võ-Vương sang lưu-trú ở Xiêm.

Tiền-đồ thật là đen tối cho
Hoàng-Tử Ánh, cháu Vua Võ-
Vương, Hoàng-Đế tương-lai của
nước Việt-nam.

Trong lúc cùng đường Ngài
phái Sư-Thần sang Bangkok yêu
cầu sự giúp đỡ của nước Xiêm.
Nhưng Phya-Tak nghi ngờ và
sợ bị đảo-chánh, y bắt cầm-tù
những Sư-thần này, đem hành-
quyết Hoàng-Tử Xuân và các
con của Mạc-Thiên-Tích, tất cả
52 người bị sát-hại. Mạc-Thiên-
Tích thì tự-tử để tránh sự hành-
hình. Thật là một cái chết bi-
đát. Biến-chuyển này xảy ra vào
năm 1781.

Hai năm sau (1783), Phya-Tak
bị người Xiêm nổi lên kháng-cự,
y bị bắt ở cung-điện và bị xử-
tử. Đại - Tướng Chát - Tri, Chỉ-
Huy-Trưởng bộ-đội đã từng xâm
lăng Cao-Mên lên ngôi Vua-Xiêm,
Ngài là thủy-tổ của dòng vua
hiện-tại.

Chúng tôi không nói ở đây
những nỗi gian-lao cay-đắng của
nhà Vua lưu-vong. Chúng ta chỉ
cần biết hồi ấy Vua Gialong lưu-
trú khi ở Phú-Quốc, khi ở Hòn-
Chông, khi ở Hà tiên, khi ở các
hòn đảo ngoài Vịnh Hà tiên.

Trạng - huống Hà tiên lúc đó
thật là bi-đát, dân-cư kéo nhau
đi hết. Các Ông Thống-Đốc thì
ở Long-xuyên, các Ông ấy tìm
đu phượng-tiền để kiến-thiết lại
các đền-dài, dinh-thự và kêu
gọi dân lại định-cư. Cửa bể cho
thuyền bè ra vô tự-do, miễn tất
cả các sắc thuế. Sự hành-chính
được tổ - chức lại nhờ sự giúp
đỡ của các quan lại ở các tỉnh
kề-cận Hà tiên.

Một bộ - đội 200 người và 6
chiến thuyền được các tỉnh Gia
định, Mỹ tho, Vĩnh long, thay
phiên nhau lại bảo vệ Hà tiên,
cứ 6 tháng lại di chuyển một
lần. Tình trạng này cho ta biết
tỉnh Hà tiên lúc đó quân lực
thiếu thốn, còn ngoài khơi thì
đầy thủy tặc.

Tuy nhiên, nhờ sự chiến thắng
Tây Sơn của vua Gia long, sự
thái - bình lại được phục - hồi
ở trên lãnh thổ Việt - nam,

Nói về Hà tiên hồi đó ông Trịnh-
Hoài-Đức đã đi quá sự thật, vì
theo ông thì lúc ấy Hà tiên nhờ
sự tiến bộ của các ngành nông
nghiệp, thương mại; ở sự tu-bồ
các lộ giao-thông, sự kiến thiết
các chợ, Hà tiên đã trở nên một
thị-trấn kiêu-mẫu. Sự thật thì
bắt đầu từ thế-kỷ XIX tỉnh Hà-
tiên đã có khá đông các giống
người Việt-Nam, Cao-Mên và Mã-

Lai lại cư-trú. Lúc ấy Hà tiên
có một nguồn lợi mới : sự trồng
tía các cây hồ-tiêu.

Năm 1818, đời thứ 17 của triều
Gialong, Mạc-Diệu một trong
những người cháu của Mạc-Cửu
được phong làm Thống-Đốc Hà-
tiên, đó là một ân-huệ của triều
đình ban cho dòng giống họ Mạc
đã có công ơn với nước ta.



★ HIỀU LÂM.

*Trên chuyến xe lửa Saigon — Phan-Thiết, chị Ba tâm sự
với chị Tám :*

*Đám hỏa hoạn ở Hòa-Hưng vừa rồi làm tiêu tan cả sự nghiệp
chúng tôi. Bây giờ chúng tôi chỉ còn hai tay không...*

Nghề vậy thà ẹ Mèo, con chị Tám, hỏi .

*— Chị Ba ơi ! Bộ chú Ba bây giờ còn tay chớ không còn
chân nữa à ?*

★ VẤN DÃ MẠN

*Một Giáo sĩ truyền đạo đã tận tụy hy-sinh đời sống và tất cả sinh
lực của mình hầu đem tới Chúa mà truyền lại cho những bộ lạc còn
dã man ở Bắc-Phi. Một bữa nọ, ông cho người mời Đội trưởng bộ lạc
mà ông, sau bao nhiêu năm khó nhọc, vừa cảm hóa được. Người bộ lạc
trưởng rất hành diện cho cha sở biết rằng :*

*— Thưa Cha, như Cha biết ; con có rất nhiều vợ, nhưng bây giờ
con đã nhất quyết bỏ chế độ đa thê.*

Cha sở sung sướng nói :

*— Giỏi lắm con ạ ! Có lẽ con đã thả người vợ trở về với gia-
đình họ phải không ?*

— Không, con đã ăn thịt hết rồi !

— ???

H.P.

HỒI KÝ

MỘT ĐỜI NGƯỜI

★ THIẾU SƠN

CHƯƠNG V

NHỮNG KỶ NIỆM VỀ PHỤ-NỮ TÀN-VĂN

(Tiếp theo P. T. số 11)

TÔI bắt đầu viết cho Phụ-nữ Tân-văn năm 1931 nhưng từ khi còn ở ngoài Bắc tôi đã thích đọc nó. Tôi cho nó là một trong những tờ báo đã vượt khỏi khuôn-khò địa-phương để trở nên một cơ-quan ngôn-luận chung cho toàn-quốc. Tạp-chí Nam-Phong cũng có thái-độ cách đó nhưng nó đạo-mạo trang nghiêm và chỉ phổ-biến trong giới văn nhân và trí-thức.

Phụ-nữ Tân-văn nhẹ nhàng hơn, vui tươi hơn, danh nghĩa thì vẫn là tờ báo của phụ-nữ nhưng ai đọc nó cũng thấy có cái hấp-ý mình và không có một vấn-đề thời cuộc nào mà nó không nói đến.

So-sánh với những báo trong Nam như *Đông Pháp Thời Báo*

hay *Thần Chung* thì nó ôn hoà hơn. Nhưng so sánh với những báo ngoài Bắc lúc bấy giờ thì nó lại dám ăn, dám nói nhiều hơn. Bởi thế nên Phụ-Nữ Tân-Văn có rất nhiều độc giả ở Trung-Bắc.

Hồi có cuộc khởi-nghĩa ở Yên Bái và vụ xử án những nhà cách mạng Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng chính độc-giả ngoài Bắc lại trông đứng, trông ngồi những số báo P.N.T.V. từ trong Nam gởi ra để được nghe những lời nói can-đảm bình-vực cho những kẻ đã hy-sinh cho giống nòi và đất nước. Những lời nói như thế không có thể có được ở báo-giới miền Bắc hồi bấy giờ.

Thời khi thời cuộc trong nước đã qua hồi sôi nổi thì P.N.T.V.

lại mở ra cuộc Trưng-cầu dân-ý để tuyển lựa một số nhân-vật được quốc-dân yêu-mến nhất và quốc-dân đã ò-ạt dồn thắm vào cho những cụ Phan-văn-Trường, Huỳnh-thúc-Kháng, bỏ xa những nhân-vật đương ôn-à-à như lúc bấy giờ là những ông Bùi-quang-Chiêu, Nguyễn-phan-Long, Phạm-Quỳnh, Nguyễn-văn-Vĩnh vàn, vàn...

Ngoài ra P.N.T.V. còn chinh-phục độc-giả bằng những bài Du ký của cô Vân-Anh, những tiểu-thuyết của B.Đ. như «Mãnh Trăng Thu» và «Cậu Tám Lọ». Đặc-sắc hơn hết là những bài của ông Phan-Khôi khi làm trạng-sư cho Võ-Hậu, lúc làm ngự-sử trên Đàn-văn, bút chiến với những tay cự-phách và thường là có lời nói cuối cùng.

Khi tôi gần Tòa-soạn P.N.T.V. tôi mới biết rõ nội-tình và biết rằng Du-ký của cô Vân-Anh là do ông Đào Trinh Nhất viết. Ông Đào làm chủ bút, có bọn phận viết bài và lựa chọn hoặc sửa chữa những bài của người ngoài gởi đến. Nhưng ông để cho người trong Tòa soạn hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với bài vở của mình. Có nhiều người có uy tín như và được tự do hơn hết trong Tòa soạn là Lão Tướng Phan Khôi. B.Đ. không phải là người trong Tòa soạn mà lại là một người tù chánh trị bị đày ở Côn-nôn đã bí mật gởi bài về. B.Đ. chính là Bửu Đình, người mà Triều đình Huế sẽ trực xuất ra khỏi hoàng tộc và bắt lấy lại

họ Tạ vì đã dám có tâm hồn cách mạng... chống Tây-

Ông bà Nguyễn đức Nhuận có cửa hàng bán tơ lụa ở chợ cũ và có biệt thự ở Dakao. Buôn bán lớn như ông bà tất phải có nhiều khả năng trong công việc làm ăn.

Nhưng qua địa hạt làm báo thì nhứt nhứt ông bà đều giao phó cho Tòa - Soạn. Ông bà có cái ưu - điểm là biết kinh - hiên đãi sĩ, biết đối xử và thủ - lao xứng đáng đối với những người hợp tác với mình. Ông bà thành công ở chỗ đó vì nếu cũng như những chủ-báo khác, ông bà lại hay dòm ngó và kiểm-soát bài vở của tòa - soạn thì những người như ông Phan Khôi chẳng thể nào viết được để phát-triển đầy đủ những khả năng của ông.

Càng tự-do mùa bút ông càng làm cho nhiều người bất-bình và kêu rêu nhưng ông bà chủ nhiệm không can thiệp. Ông Phan-Khôi đã từng cộng tác với ông Phạm - Quỳnh ở Nam Phong nhưng ở đó ông chỉ có thể làm được những công việc như những ông Tùng - Vân, Đông - Châu là cùng. Vào Nam ông mới có đất dụng võ ở Đông-Pháp-thời-Báo và ở Phụ Nữ Tân-Văn.

Người bỏ tiền ra làm chủ báo hoặc phải có độ lượng như ông Diệp - văn - Kỳ hoặc phải có những nguyên - tắc làm việc như vợ chồng ông Nguyễn - đức - Nhuận là đừng để chun lên địa hạt của người khác,

thứ nhất là địa hạt văn chương mà mình lại không phải là con nhà cầm bút.

Ông bà Nguyễn - đức - Nhuận lại còn là những người có nhiều sáng kiến và biết tán thành sáng kiến của người khác.

Mở cuộc Trưng cầu dân ý là một sáng kiến.

Cấp học bổng cho hai sinh viên du học cũng lại là một sáng kiến nữa. Hai sinh viên được cấp học bổng P.N.T.V. đã thành tài về nước là ông kỹ sư Hiếu và ông Thạch sĩ Hai.

Một sáng kiến nữa là xin phép tổ chức Hội Chợ để lấy tiền giúp quỹ Hội Dục Anh.

Hội chợ Phụ Nữ đã giúp cho quỹ Dục Anh gần 10.000đ bạc hồi năm 1932 và đã gây cơ sở cho Viện Dục Anh ở đường Huỳnh quang Tiên ngay lúc Kinh Tế đã bắt đầu khủng - hoảng.

Từ những cơ-sở đó Hội Dục-Anh nay đã phát-triển rực-rỡ nuôi được cả ngàn trẻ em nghèo nàn và côi cút.

Nhưng cũng cái Hội Chợ đó đã đem lại một hậu-quả tai-hại cho Phụ-Nữ Tân - Văn.

Sau khi Hội Chợ bế mạc thì một cuộc bút chiến long trời lở đất nổi lên đề công kích ông bà Nguyễn-đức-Nhuận đã gian lận về tiền bạc trong việc làm nghĩa nói trên.

Một đảng thi hầu hết các báo ở Saigon đều tố-cáo là gian-lận. Một đảng thi P.N.T.V. nói là sơ sót. Nhưng sơ-sốt hay gian-lận

thì số tiền cũng chẳng đáng là bao, chỉ đáng tiếc là động cơ của cuộc bút-chiến này lại không phải là ở đó mà là ở chỗ không thích nhau nên sẵn cơ hội hạ được thì hạ luôn.

Đã chán-nản và hao - hụt sau cuộc bút chiến kể tới lại bị nạn kinh-tế khủng hoảng hoành hành, ông bà Nguyễn-đức-Nhuận dẹp tiệm, bán-nhà và cũng dẹp luôn tờ Phụ-nữ Tân-văn mà tôi đã nhắc đến những thời oanh-liệt.

Bà Nguyễn-đức-Nhuận có một người em là ông Cao-văn-Chánh tự Thạch-Lan. Ông này viết báo từ hồi còn nhỏ tuổi, khi ông lãnh trách-nhiệm bình-bút hai tờ « Công-Luận » (1) và « Nam-kỳ Kinh-tế » thì ông chưa đầy 20. Rồi lần lượt thấy ông viết những tờ Essor Indochinois, Action Indochinoise, Tân-thế-kỷ, v.v...

Trên Phụ-nữ Tân-văn thỉnh-thoảng cũng có bài của ông, lời-lẽ hiên-ngang khí-phách, tư-tướng tiên-bộ và thiên-tả rõ-ràng. Rồi ông cũng đi Tây học thêm ít năm. Nhưng tới khi về nước thì ông lại ít hoạt-động hơn trước. Rồi thấy ông im hơi kín tiếng luôn. Té ra ông đã có vợ mà vợ ông là cô Nguyễn thị Khang, người phụ nữ Bắc được lựa đi

1) Tờ Công-Luận này có trước tờ Công-Luận mà ông Diệp-văn-Kỳ làm chủ-bút như đã nói ở trên.

dự cuộc đấu xảo ở bên Tây và cũng là một nữ sĩ. Hai vợ chồng được bà chị giúp đỡ cho buôn bán phát tài rồi cả hai đều không cầm bút nữa.

Một hôm tôi gặp Cao văn Chánh ở một bữa tiệc. Ông ăn mặc rất sang, có một xâu chìa khóa đút ở túi quần. Ông móc xâu chìa khóa cho tôi coi mà nói : « xâu chìa khóa này có nhiều quyền lực hơn cây viết. Phải làm giàu, phải thành tư bản. Chỉ tư bản mới sai khiến được người ta. » Ông nói với vẻ mặt hân hoan đắc chí lắm.

Hồi bắt đầu kháng chiến, nghe nói ông cũng đi tản cư như mọi người. Nhưng cũng nghe nói ông đã bị bọn cách mạng giết ông. Nếu ông còn cầm cây viết như hồi trước thì họ đã làm mà giết ông. Nhưng bởi ông đã thay thế cây viết bằng xâu chìa khóa thì chưa chắc họ đã làm vì họ sợ tư bản hay chơi với thực dân là người thù của họ.

Một kỷ-niệm nữa ở Phụ-nữ Tân-Văn là sự xuất hiện của Mạnh-Mạnh nữ-sĩ.

Nguyễn ban tổ-chức hội-chợ Phụ-nữ có dự định mời phụ-nữ đảng đàn diễn-thuyết. Bà Nhuận cậy tôi viết cho một bài nói về «Nữ-Lưu với Văn-học» đề cử-động cho một Nữ-Lưu Học-Hội ở Saigon.

Cố nhiên là tôi chỉ được

viết chứ không được đọc. Người đọc phải là một bạn phụ-nữ. Ai ngờ tới ngày vấn-đề «Nữ-Lưu với Văn-học» được đem ra thuyết trình thì diễn-giả lại là một cô nữ-sinh mới tốt nghiệp ở Trường Áo Tím, tuổi chưa đầy 20. Cô là một trong số những học trò xuất sắc của trường, con ông Huyện Nguyễn-Đình-Trị tên là Nguyễn-thị-Kiểm. Cô Kiểm dạn dĩ, hoạt-bác đó là sự nhận-xét của những người được nghe cô. Nhưng tôi còn biết thêm rằng cô rất khí-khải và tự-trọng. Sau buổi diễn thuyết được thành - công và được công - chúng hoan - nghinh nhiệt-liệt, cô Kiểm liền viết cho bà chủ-nhiệm P.N.T.V. một bức thư than phiền rằng cô đã buộc lòng phải nhận lấy những lời khen-ngợi về một công trình không phải do cô sáng-tạo. Cô cho như thế là không xứng đáng và cô nguyện sẽ cố gắng trau dồi tư tưởng và văn-nghệ để rồi cô cũng sẽ có những tình-cảm riêng, những tư-tướng riêng đưa ra cho người đời phê-bình và những lời phê-bình đó cô mới thật sự có quyền nhận lấy.

Cô nói và cô làm. Cô làm thơ mới, cô viết Truyện ngắn, cô xung vô Toà-soạn P.N.T.V. rồi cô diễn thuyết từ Nam ra Bắc, càng ngày càng gian-dĩ, càng hoạt-bát, có người chê cô đi quá lộ và thiếu mực thước. Nhưng tôi thấy cô có tư-tướng tiến-bộ, có khả-năng, không chịu sự thao túng của khuôn khổ hẹp-hòi và

thứ nhất là có óc tự lập và tự chủ. Cô ký tên là Manh-Manh nữ-sĩ nhưng cũng có khi cô ký là Nguyễn - văn - Mym ở dưới những bài văn xuôi đầy ý-tưởng ngộ-nghĩnh và duyên-dáng. Cô ký Nguyễn - văn - Mym là có ý phản đối lại những nữ-sĩ tu-moi đã viết bài mà xưng em ngọt sớt và ký tên với những biệt - hiệu Tuyết, Nguyệt, Mai, Lan...



Vừa rồi, tôi mới gặp lại ông Nguyễn-đức-Nhuận. Ông đưa tôi đi chơi một vòng qua đường Tự Do ngắm lại Tòa Báo P. N. T. V.

cũ, xuống Chợ cũ ngó lại cửa Hàng Tư-Lựa của ông. Ông cho hay con trai lớn của ông đã đem xong nợ nước ngay từ buổi đầu kháng chiến và ông mới thương lượng với một tờ tuần báo cho đăng lại *Mảnh trăng Thu* để lấy một số tiền bản quyền giúp cho Bà Bửu-Đình nay đã thành góa phụ.

Ông Nhuận đã 60 tuổi, không tính trở lại làm báo nữa, nhưng ông nói ông không bao giờ quên được những kỷ niệm và những người bạn của P. N. T. V.

(Còn nữa)



★ MUỐN ỚM : PHƯƠNG PHÁP NGUYỄN-TỬ :

Một ông chủ hàng, vì quá mập nên muốn tìm phương pháp làm cho ốm. Một hôm, ông thấy đăng trên nhật báo, nơi mục quăng cáo : « Muốn ốm có 2 phương pháp 1) Quí vị mất 1 kí trong 1 ngày. 2) Quí vị sẽ ốm đi 2 kí trong 24 tiếng. Xin mời đến sân tập ».

Dè dặt ông chọn phương pháp thứ nhất.

Vừa đến sân tập, ông vừa đóng tiền ghi tên thì thấy một cô gái tuyệt đẹp. Nàng « Tây Thi » nói với ông bằng một giọng thật quyến rũ :

— Nếu ông chỉ đựng được em thôi, em sẽ tặng anh một chiếc hôn nồng nàn.

Nói xong mỹ nhân chạy xung quanh sân tập, thích chí ông rượt theo sau. Chạy như thế trong 2 giờ, mệt như, ông mất một kí nhưng vẫn chưa bắt được mỹ-nhân.

Thất vọng nhưng ông tự an-ủi, ngày mai ông sẽ có hy vọng bắt được người đẹp. Nghĩ vậy ông ghi tên tập luôn phương pháp thứ 2.

Hôm sau, vừa vào sân tập ông gặp đứng trước mặt ông một anh chàng chóp cao lớn trông rất hung tợn. Anh này gầm lên :

— Nếu tôi bắt được ông, tôi sẽ....

Sợ quá, ông vác giò lên vai và chạy như bay. Hai giờ sau ông ốm đi 2 kí.

Ngày lịch SỬ

NGUYỄN-TRIỆU Sưu-tâm

Tài-liệu đặc-biệt « Những ngày Lịch-sử » đăng trong « Tạp-chí Phồ-Thông » đều hoàn toàn chưa in trong sách báo nào cả, từ xưa đến nay, vậy cảm các nhà viết sách, báo, hoặc là lịch, trích đăng-tài những tài-liệu này mà không có giấy phép riêng của Giám-đốc Tạp-chí Phồ-Thông. Bản quyền của Tạp-chí Phồ-Thông.

1 THÁNG NĂM, NHÂM THÌN
(31 Mai 1052)

Tháng năm, KỶ-HỢI

6 Juin 1959

Quân Nùng - trí - Cao đánh chiếm thành Ung - châu bên Đất Tống rồi tự xưng là Nhân-Tôn hoàng-đế và đặt quốc-hiệu là Đại-Nam.

2

Tháng năm, KỶ-HỢI

7 Juin 1959

2 THÁNG NĂM, NHÂM-TUẤT
1 Juin 1280

Vua Gia-long (Phúc Ánh) làm lễ tế-cáo Trời đất, lên ngôi Hoàng đế ở Phú Xuân (tức Huế bây giờ)

3

Tháng năm, KỶ-HỢI

8 Juin 1959

3 THÁNG NĂM, ẤT-DẬU
(7 Juin 1285)

Vua Trần và thượng-hoàng đánh bại quân Mông-Cổ ở Trường - Yên chém chết được quân địch vô số.

3 Tháng Năm, Tân Dậu
(13 Juin 1801)

Vua Gia-long khắc phục kinh thành Phú-Yên. Vua Tây Sơn là Cảnh Thịnh (Quang Toản) ngày đêm chạy ra Bắc-Hà, đổi lại niên-hiệu là Bảo-Hung, truyền hịch đi các trấn đề lấy viện binh và sai em là Quang-Thủy đem binh mã vào giữ Nghệ-An.

4

Tháng năm, KỶ-HỢI

9 Juin 1959

4 THÁNG NĂM, ẤT-DẬU

(8 Juin 1285)

Đức Trần hưng Đạo đánh đuổi giặc Nguyên ra khỏi đất Vạn-kiếp.

5

Tháng năm, KỶ-HỢI

10 Juin 1959

5 THÁNG NĂM ẤT-DẬU

(9 Juin 1285)

Tướng Mông-Cồ là Lưu-Kỳ, bị quân nhà Trần đánh bại, rút lui ra khỏi sông Cối (tức sông Nhi-Hà) hội binh với Thoát-Hoan.

6

Tháng năm, KỶ-HỢI

11 Juin 1959

6 THÁNG NĂM, ẤT-DẬU

(10 Juin 1285)

Thái-tử Thoát-Hoan bị đại binh nhà Trần đánh thua, cùng bộ-hạ tìm đường rút lui để chạy về tàu.

7

Tháng năm, KỶ-HỢI

12 Juin 1959

7 THÁNG NĂM MẬU-NGO

(22 Juin 1798)

Vua Càn-long nhà Thanh sai đem binh mã rước vua Lê-chiêu-Thống vào cửa Tây-Định, trú ở quốc-tử-giám

7 THÁNG NĂM, GIÁP-TÝ

(8 Juin 1924)

Liệt-sĩ Phạm-hồng-Thái ném tạc đạn ở khách sạn « Victoria » Sa-diện ám sát hụt viên toàn quyền Pháp ở Đông-dương là Merlin.

8

Tháng năm, KỶ-HỢI

13 Juin 1959

8 THÁNG NĂM, QUÝ-MAO

(8 Juin 1903)

Cụ Sào - Nam cùng 2 cụ Kiến - Phong Nguyễn Cừ và Cao - Điền Nguyễn Đề tới Yên - thế tìm thăm Hoàng - Hoa - Thám tức Đề - Thám.

9

Tháng năm, KỶ-HỢI

14 Juin 1959

9 THÁNG NĂM, MẬU THÂN

(12 Juin 1788)

Bọn Nguyễn huy - Túc và Lê Quỳnh hộ vệ thái-hậu và Nguyên-Tử nhà Lê chạy trốn đến xã Bắc Sơn (thuộc Cao Bằng) bị gặp quân Tây - Sơn đuổi bắt, chạy tới bến sông, cầu - cứu người Thanh giúp và xin cho vào quan - ải.

9 THÁNG NĂM, GIÁP-THÂN

(2 Juin 1884)

Quân Pháp lên đánh thành Tuyên quang ở Bắc - Kỳ.

10

Tháng năm, KỶ-HỢI

15 Juin 1959

10 THÁNG NĂM, ẤT - DẬU

(14 Juin 1285)

Đại binh nhà Trần đánh lui quân Mông - Cồ, khắc phục thành Thăng - Long.

11

Tháng năm, KỶ-HỢI

16 Juin 1959

11 THÁNG NĂM, KỶ - DẬU

(2 Juin 1069)

Sau khi đánh bại quân Chiêm - Thành. Vua Lý thánh - Tôn ban sư về Thăng - Long.

11. THÁNG NĂM, ĐINH - HỢI

(16 Juin 1407)

Hồ - quý - Ly bị quân nhà Minh bắt được,

12

Tháng năm, KỶ-HỢI

17 Juin 1959

12 THÁNG NĂM, ĐINH - HỢI.
(17 Juin 1407)

Hồ - Hán - Thương là con Hồ - quư Ly (trước đã được Vua Minh phong cho làm An nam quốc vương) này lại bị quân Minh bắt được ở núi Cao - Vọng (thuộc Kỳ - Anh Hà - Tĩnh).

13

Tháng năm, KỶ-HỢI

18 Juin 1959

13 THÁNG NĂM ĐINH - TÝ.
(19 Juin 1377)

Vua Trần Nghệ - Tôn lập con vua Duệ - Tôn lên làm vua, kỷ - nguyên là Xương - phù.

13 THÁNG NĂM, GIÁP - THÂN.
(8 Juin 1884)

Toàn quyền sứ thần Pháp và cụ Phạm thận - Duệ thương - định hòa- ước 19 điều, liền đem phong - ấn của Vua Tàu thiêu - hủy.

14

Tháng năm, KỶ-HỢI

19 Juin 1959

14, THÁNG NĂM BÌNH - NGỌ
(20 Juin 1786)

Bắc - bình - Vương Nguyễn - Huệ đem quân từ Qui - nhơn ra đánh đất Thuận - hóa (tức Huế bây giờ).

Vũ - văn - Nhậm, làm chức tiết chế của chúa Nguyễn mà người đương thời quen gọi là Chế - Nhậm bị quân Tây Sơn bắt sống.

15

Tháng năm, KỶ-HỢI

20 Juin 1959

15 THÁNG NĂM, ĐINH - HỢI
(27 Juillet 1287)

Quân Mông - Cò lại dấy binh đánh ta đề báo thù trận thua trước và đưa Trần - ích - Tắc là tên phản - quốc về phong cho làm An-nam quốc-Vương

JONH KEATS

26 tuổi là một
trông những thi-
hào lừng danh của

ANH - QUỐC

★ PHẠM.CÔNG.THIỆN



Ở I ông ngắn
như thiêu
thần và bí
thảm hơn
buổi tịch h
dương trên
bãi chiến
trường sau
một cơn ác

chiến. Bí thảm tới nỗi khi lia đời cũng không được nằm êm, thắm trong mảnh đất men yêu của quê hương tổ quốc, giữa đôi bàn tay nỏ của một người mà...

Tưởng chỉ bất chước đời dòng thơ của NGUYỄN-BÍNH mới có thể nói cho hết quãng đời bí thảm, não-nùng của KEATS :

*Bao nhiêu đau khổ của trần gian,
Trời đất dành riêng để tặng chàng...*

JOHN KEATS chỉ sống có hai mươi sáu năm mà được nhân loại truy phong là một trong những thi hào vĩ đại nhất của nước Anh và của thế giới ! Ở cái tuổi son trẻ của ông, thiên tài

bậc nhất như WILLIAM SHAKESPEARE mà cũng chưa làm được cái gì đáng kể cho Văn học (1)

Ai mà không biết những thi hào lãng mạn có cao danh nhất nước Anh là : WORDSWORTH, COLERIDGE, BYRON, SHELLEY và KEATS. Trong năm thi nhân lãng mạn vĩ đại nhất của Anh, chỉ có KEATS là chào đời muộn nhất mà rồi lại biệt đời sớm nhất ! Trong năm thi nhân lãng mạn vĩ đại nhất của Anh, chỉ có KEATS là xuất thân trong một gia đình nghèo khổ và ở địa-vị thấp kém nhất. Những vị trên đều là con nhà quý phái và danh-vọng, duy có KEATS là con của một người phu giữ ngựa quần cùng. Những vị trên đều tốt nghiệp những đại học đường tăm tiếng, duy có KEATS là phải buộc lòng chịu dở-dang trên bước đường học vấn

HẦM SÁU NĂM MỘT CUỘC ĐỜI

Buổi hoa niên, KEATS là một trong những đứa trẻ bất hạnh nhất ở cõi đời này.

JOHN KEATS chào đời vào mùa thu năm 1795. Cha là một nông dân nghèo khổ ở Devon đến Luân-Đôn để mưu sinh. Như bạn đã biết, ông làm phu giữ ngựa. Năm JOHN KEATS lên chín, cha

ông té ngựa chết, để lại một người vợ yếu đuối với một bầy con thơ dại bơ-vơ giữa bụi đời. Cũng như WORDSWORTH, COLERIDGE và BYRON, thuở nhỏ, JOHN KEATS phải sống cái đời hăm-hiu, tru sâu của một đứa trẻ mồ-côi. Rồi năm lên mười bốn tuổi, ông phải thấy cái cảnh trọng bi đát của người mẹ mẫn yêu cố chống lại bệnh lao, cố bám lấy cuộc đời khốn cùng, để nuôi bầy con nhỏ dại cho thành thân. Nhưng, chao ôi, bà chết, thế là một cậu bé còn trong trắng chưa lấm bụi đời ô-trọc, phải lia bỏ mái trường thân yêu, bước vào cuộc đời với đôi bàn tay non dại để nuôi những đứa em nhỏ nết người.

Chúng ta hãy tưởng tượng có thể động lòng không khi thấy một đứa trẻ xanh xao độ 14 tuổi và một đàn em bé bỏng, èo-uột sụt mướt theo sau một cỗ quan tài của mẹ ?

Ít lâu sau khi mẹ mất, ông xin học nghề tại một Y-sĩ giải phẫu. Bất đắc dĩ ông mới làm nghề thuốc đó thôi, chứ thật ra ông khinh và ghét nghề ông lắm.

Một sự tình cờ đã đến định đoạt cả sự nghiệp ông sau này. Một người bạn của ông, một hôm đọc cho ông nghe thi phẩm *Epithalamion* và cho ông mượn xem *Faery Queen* của SPENSER. Từ đó, ông sinh làm thơ và cũng nhận thấy mình có tài làm thơ hơn là làm thuốc.

Năm 22 tuổi, KEATS cương quyết bỏ nghề thuốc mà đuổi theo nường Thơ. Rồi ông cho xuất bản thi - phẩm đầu tay « Poems ». Không ai thèm đề ý đến thi phẩm của một thi-sĩ vô-danh làm gì. Mặc cho sự lãnh-đam hồ hững của người đời, ông vẫn cố gắng làm thơ và mười hai tháng sau, người ta thấy tập thơ thứ hai *Endymion* của ông ra chào đời.

Vâng, bây giờ, người ta không bỏ quên tập thơ ông nữa. Người ta miệt thị thi-phẩm ấy thật là không thể tưởng-tượng. Những tờ báo đã kích ông đã man nhất là *Quarterly Review* và *Blackwood's Magazine*. Tờ *Blackwood's Magazine* nhũn nhặn khuyên ông như vậy : « Thà làm tên chế thuốc chết đói còn khôn hơn và quý hơn là làm thi-sĩ chết đói. Hãy trở về cửa hàng của anh đi, anh Keats ơi. Hãy trở về với thuốc cao, thuốc viên và bom-mát đi... »

Dù cố-gắng chống lại thất-bại đau khổ, dù cố gắng mặc nhiên trước những lời chỉ trích lệch lạc của kẻ thù, KEATS cũng không thể tiếp tục viết tiếp tập *Hyperrion* mà ông vừa khởi thảo.

Năm 1818 là một năm đen sẫm nhất đời ông. Nào ông bị người ta mạt-sát cực kỳ dã man, rồi nào những chứng hậu đầu tiên về bệnh lao phát hiện nơi ông và cuối năm ấy, vì trùng lao đi truyền đến giết cuộc đời của đứa em trai nhỏ yêu mến của ông.

Khi biết mình vương bệnh lao rồi, bắt đầu từ năm đó trở đi,

ông không thiết sống nữa. ông không thất vọng nữa, ông kể như ông không có ở cõi đời này.

Đột nhiên, *thế rồi một buổi chiều*, ông gặp một thiếu nữ đẹp tuyệt trần, tên là Fanny Brawne ; ông đâm ra si-mê nàng ngay-ngắt (coup de foudre). Mỗi tình ông được đáp lại. Chàng nàng yêu nhau rất mực đậm-đà. Từ năm 1819, Fanny đã thành vị hôn thê của ông. Sự gặp gỡ Fanny chỉ thay đổi nguồn thi hứng của ông mà thôi ; còn bệnh trạng của ông vẫn cứ mạnh nha thêm mãi. Và cái đau khổ của ông vẫn là cái đau khổ bất tuyệt.

Ông biết mình sắp chết vì bệnh lao và mỗi tình tha thiết của ông chỉ là một mối tình làm-ly, tuyệt vọng.

Đầu năm 1820, ông ho ra máu lênh láng, ông nói khẽ cùng bạn : « Tôi biết cái màu của thứ máu này, đây là máu động mạch... giọt máu này chứng cái chết sắp đến của tôi — chắc chắn thế nào tôi cũng chết... »

Bác sĩ khuyên ông nên xuất ngoại để tránh cái lạnh giết người ở Anh. Mặc dù già biệt Fanny, ông đau khổ vô cùng. Song tháng chín năm ấy, ông đành phải lia nước Anh về sang dinh dưỡng ở Ý-đại-lợi. Trong một bức thư gửi về, ông nói một cách thật ảo não thương tâm : « Tôi có thể chịu chết được, tôi không thể chịu xa lia nàng nổi, trời ơi, trời ơi ! Tất cả những gì trong rương làm tôi

hồi tưởng đến nàng đầm thũng tôi như một cái giào. Lốp vải lót nàng đưa tôi làm khăn trùm bây giờ đốt cháy cả đầu tôi đây. Hồi ôi, những hồi than hồng nóng hừng đây day trong ngực tôi. Tôi không thể tưởng tượng quả tim của con người lại có thể chịu đựng nhiều khổ nỗi như thế...»

Trong những cơn mê-sảng, ông thường nhắc nhỡm đến tên Fanny không ngọt. Có một lần, vì hơi hên, một người bạn trao ông một bức thư của Fanny. Mới thoạt thấy nét chữ quen thuộc của người yêu, ông cơ hồ ngất đi vì quá đau khổ. Ông không có can đảm bốc thư ra bọc. KEATS tha thiết nài nỉ bạn ông hãy để những kỷ vật của Fanny ngay giữ quá tim ông kịp lúc ông tắt thở.

Bệnh ông càng ngày càng nặng thêm mãi. Đầu năm 1821, ông biệt cõi đời giữa đôi bàn tay của người bạn trung thành nhất của ông — họa sĩ Severn. Xác ông được táng tại một nghĩa địa ở để kinh La-Mã.

Trước khi lìa trần, KEATS muốn người ta khắc lên mộ chỉ như vậy :

Đây là mộ của một người mà tên đã viết trong nước.
(Here lies one whose name was writ in water)

Chỉ có bốn người đi theo đưa ma ông, trong đó gồm hết ba vị bác sĩ và chỉ có một người bạn duy nhất của ông là họa-sĩ Severn.

Bốn người đã đưa KEATS đến tận nơi an nghỉ thiên thu. Mặc dù vậy, có lẽ KEATS cũng tủi lắm.

Phải chăng ông tủi là vì không tìm thấy một nàng tiên đến nhỏ lệ bên mộ?

★
**MỘT ÁNG THƠ ĐIỂM
TUYỆT CỦA
JOHN KEATS**

★ LA BELLE DAME
SANS MERCI

‘O what can ail thee, knight-at-arms,
Alone and palely loitering?
The sedge has wither'd from
the lake,
And no birds sing !

★
‘O what can ail thee, Knight-at-arms,
So haggard and so woe-
begone ?
The squirrel's granary is full,
And the harvest's done.

★
‘I see a lily on thy brow
With anguish moist and fever-
dew,
And on thy cheeks a fading
rose
Fast withereth too’.

★
‘I met a lady in the meads,

Full beautiful — a faery's
child,
Her hair was long, her foot
was light,
And her eyes were wild

★
I made a garland for her head
‘ And bracelets too, and
fragrant zone ;
She look'd at me as she did
love,
And made sweet moan

★
‘I set her on my pacing steed
And nothing else saw all day
long,
For sidelong would she bend,
and sing.
A faery's song.

★
‘She found me roots of relish
sweet,
And honey wild, and manna
dew,
And sure in language strange
she said,
« I love thee true ».

★
‘She took me to her elfin grot
And there she wept and
sigh'd full sore,
And there I shut her wild wild
eyes
With kisses four.

★
‘And there she lulléd me asleep,

And there I dream'd — Ah !
Woe betide ;
The latest dream I ever
dream'd
On the cold hill's side

★
I saw pale kings, and princes
too,
Pale warriors, death pale
were they all ;
They cried — « La Belle Dame
sans Merci
Hath thee in thrall ! »

★
I saw their starved lips in the
gloom
With horrid warning gapéd
wide,
And I awoke and found me
here
On the cold hill's side.

★
‘And this is why I sojourn here
Alone and palely loitering,
Through the sedge is wither'd
from the lake,
And no birds sing.

(Hồi ôi, chàng đau khổ gì vậy, hồi hiệp-sĩ lang thang nhợt nhạt và cô đơn thế ? Cổ lách đã héo tàn ở bờ hồ và không có con chim nào hót nữa. Chàng đau khổ gì vậy, hồi hiệp sĩ, sao chàng lơ lảo và đây khổ nào thế ? Cái bụi lúa cùn con sóc đã đầy và mùa gặt đã xong. Ta thấy một hoa huệ

trên vầng trán chàng nhấp nhấp
thống khổ vì bệnh sốt. Và trên
má chàng ta cũng thấy một hoa
hồng phai lợt chóng tàn...— Tôi
gặp một nương tử trong đồng cỏ,
nàng đẹp tuyệt trần — con gái của
tiền nữ — tóc nàng xoã dài,
bước chân nàng thanh thoát và
mắt nàng có một vẻ đẹp lạ thường.
Tôi kết một tràng hoa vào đầu
nàng và một vòng tay nữa và một
cái thắt lưng thơm ngát, nàng
nhìn tôi ngáy ngất cơ hồ yêu tôi
và nàng thổ dài dịu dàng — Tôi
đặt nàng lên ngựa tôi và suốt ngày
tôi không thấy gì khác ngoài ra
nàng, vì nàng cúi đầu bên cạnh
tôi và hát cho tôi nghe một khúc
hát của tiên — Nàng biểu tôi cây
củ ngon ngọt, mật rừng và lương
thực của trời, và với một giọng lạ
thường, nàng nói với tôi « Em yêu
anh thật đấy ». Nàng dắt tôi đến
một cái hang kỳ-diệu của nàng, ở

đấy nàng khóc và than-thở áo-nào.
Và ở đấy tôi khấp đôi mắt bạo và
kỳ dị của nàng bằng bốn cái hôn.
Và ở đấy nàng ru tôi ngủ và ở đấy
tôi mơ mộng. Thương ôi ! thương
ôi ! Đó là giấc mộng cuối cùng
của tôi bên sườn đồi lạnh lẽo —
Tôi thấy những ông vua nhợt nhạt
và những hoàng tử cũng nhợt-
nhạt, và những vũ-sĩ nhợt-nhạt :
tất cả đều xanh ni-ô như chết ;
họ la lên : « Nàng kiều-nương
không thương đã làm mi trở
thành tên nô lệ của nàng ! » — Tôi
thấy trong bóng tối những cái
miệng đói khổ của họ, há hốc ra
và la lên những lời ghê
gớm ấy, tôi tỉnh dậy và thấy
mình trên một sườn đồi lạnh lẽo—
Ấy tại sao tôi ở đây, lang thang
nhợt nhạt và cô đơn, mặc dù cổ
lách đã tàn tạ ở bờ hồ rồi và mặc
dù không có con chim nào hót hết.



★ CHUYỆN TRÉ CON

Vào giờ ngũ vưng thầy giáo hỏi các trò :
Một diễn giả trình bày một câu chuyện mà thánh già chẳng ai
thèm nghe. Người ấy gọi là người gì ?
Trò Tèo giơ tay đáp :
— Người đó là... thầy giáo !
?!!!

★ NHỮNG Ý TƯỞNG ĐÁNG GHÏ.

Sự vắng mặt làm giảm bớt những tình cảm tâm thường.
Nhưng tăng gia những tình cảm cao thượng cũng như cơn gió
mạnh làm tắt ngọn nến, nhưng lại đốt lửa lên.

LA ROCHEFOUCAULD.

THƠ

LOẠN TÂM TƯ

Mộng trắng giải lâu trắng cài mái tóc,
Đêm cầm ca, duyên đời thơm áo ngọc,
Nghe trời mây sao tiếng nhạc du dương,
Mà môi huyền thơm lầy mảnh ngán sương.
Ta lặng-lẽ hôn làn môi diễm ảo,
Ta muốn hái trời xanh cài chéo áo,
Ta muốn mời tiên nữ hội khai nguyên,
Muôn cung cầm vang dậy cả Dương tuyền.
Nghe sắc đẹp thơm lâu mây viễn xứ,
Đề đêm sao nghe thời-gian tình-tự,
Mộng trang đài ai ướp lạnh môi tươi,
Mà đêm qua trăng lạc xuống môi cười.
Sầu thương nữ vô vàng lưng tóc trắng.
Đêm diễm lữ huyền trang vương kiều mạng,
Thơ sông hồ e-ướm mộng tình khôi,
Nghe vàng son duyên thắm tuổi trao lời.
Giòng sông sữa lũng-lờ xuôi vọng nguyệt,
Chuyện mười năm thôi chừ ai dám biết,
Cung cầm say lên biên nhạc men cay,
Cả triều dương ai nhớ chuyện chường đài.
Giăng tim bé môi duyên sâu lối ngõ,
Mà đêm đêm thơ vàng mây hạnh ngộ,
Tóc màu trắng niên kỷ hội trùng dương,
Ta là mình trong biển loạn dư-hương.
Trời đất mộng ngàn năm tình muốn thươ.

CHIÊM-ĐÀM

(Huế)

CHUYỆN VUI

TÁCH Cà-Fê PHIN

★ HOÀNG-THĂNG



HIỂU nay trời trở rét, gió heo may thổi lạnh da thịt. Quán cà phê Minh-Hương đông

khách hơn mọi hôm.

Chủ nhân quán này là cô Minh-Hương — tên quán cũng là tên người — tuổi mới ngoài hai mươi. Nét thời gian chưa dám in trên bộ mặt trái soan của cô. Đôi mày ngài uốn cong trên đôi mắt đen lay láy, trong như mặt nước hồ thu.

Khi chủ nhân được khách uống nói câu khen ý nhị làm nàng thích ý đề lộ hàm răng ngọc, má lúm đồng tiền thì... "Ô mê ly!", khách quên cả uống cà phê.

Chả thế mà các chàng trai đã nửa đùa nửa thật bầu cô là Hoa Hậu — dù cô chưa hề dự thi Hoa-Khôi ở đâu cả.

Đề khôi lẫn lộn với các loại Hoa-khôi khác, họ tặng riêng nàng là Hoa-khôi cà-phê, chức danh dự mà nàng cũng vui lòng nhận-lãnh.

Chưa có ai có thể « tán » nàng được. « Khó ăn mới quý » — cũng vì thế quán Minh - Hương lại càng đông hơn nữa mặc dầu cà-phê của cô pha cũng đã gọi cho khách một vị rất đậm rồi. Cà-phê đã ngon chủ nhân lại đẹp, còn gì hơn nữa.

Trong quán, tiếng nói chuyện rì rầm chạy khắp mọi bàn mà có lẽ đề tài vẫn là cô chủ quán. Mặc cho gió thổi, ngồi trong quán

nhìn cà-phê từng giọt một chảy xuống rạch đặt giữa bát dĩa nước sôi để giữ nhiệt độ, nước đen sánh nằm lên màu men trắng óng ánh dưới ánh đèn nê-ông xanh huyền ảo, mơ hồ thì còn gì ngon bằng.

Trời lại rét, hút thuốc « ba con năm : 555 », hóp từng ngụm cà-phê nhỏ còn gì khoan khoái hơn.

Trong phòng ấm quá, chợt ngọn gió lùa vào làm mọi người rùng mình, một khách nữa mới vào. Chắc chắn là khách lạ vì chủ nhân chưa hề thấy chàng vào bao giờ. Khách còn trẻ để bộ ria trông cũng hay mà cũng hơi... ngứa mắt.

Như thường lệ, cô Minh-Hương bước lẹ ra hỏi khách dùng chi.

— Một cà-phê phin, khách lạnh lùng trả lời.

Năm phút sau bộ tách đã được đặt trước mặt khách. Không chú ý, khách còn mãi xem một tập bản thảo. Mười phút trôi qua, tách cà-phê đã đầy mà cũng đã nguội vẫn chưa thấy khách đề ý tới. Chủ nhân vừa định nhắc khách thì chợt khách cũng vừa ngừng lên kêu một Phin nữa.

Và cũng năm phút sau lại một

bộ phin bày thành hàng trước mặt chàng. Vẫn không đề ý tới, khách vẫn mãi mê xem xem chửa chửa.

Cái mới thật lạ !

Hoa-hậu cà-phê nhìn từng cử chỉ của khách, cau mày nghĩ ngợi không hiểu cái anh chàng vớ vẩn này vào gọi cà-phê để làm gì. Đôi lông mày lá liễu dúi vào nhau thành chữ nhất của nàng đề lộ hẳn sự khó chịu thắc mắc.

Hình như khách cũng đoán được nỗi niềm của chủ, cũng ngừng lên nhìn thẳng vào mặt chủ và kêu một cà-phê phin nữa.

« Cái này mới động trời ! Đã hai tách rồi chưa uống lại còn kêu thêm, hẳn điên chăng ? Nàng nghĩ như vậy, nhưng gọi thì cứ làm rồi tính tiền chứ đi đâu mà thiệt.

Tách thứ ba nằm né bên cạnh nhưng nó cũng vẫn bị ế ẩm như hai tách kia vì sau khi nước cốt đã chảy đủ thì khách cũng đứng dậy trả tiền rồi đi thẳng. Không nói một lời, mắt không hề liếc séo chủ nhân và chỉ để lại một niềm vương vất khó chịu cho cô Hoa-hậu cà-phê.

Tối hôm sau khách lại đến. Chủ nhân đã nhận được ra ngay

con người kỳ dị của hôm trước. Nàng mỉm cười xã giao thì chàng cũng cười mỉm trở lại.

— Tách cà-phê phin bùng ra, lần này khách uống liền một hơi rồi lặng-lẽ ra về.

Và tối nào chàng cũng đến.

Thế rồi khách và chủ ý hiệp tâm đầu. Từ chỗ khó chịu sang thoải mái, tò-mò rồi thấy là lạ, đề nhẩy sang lĩnh vực quen biết tiến tới độ yêu nhau cũng không bao lâu và...



Quán Minh-Hương bây giờ đã có thêm một người nữa : Ông chủ quán. Đó là khách đã từng kêu cà-phê phin tới ba lần mà

không uống. Tất cả khách hàng quên, ai cũng lấy làm lạ. Nhưng chuyện lạ ấy không có gì lạ cả !

Hoa-Hậu Cà-phê vừa pha một tách cà-phêphin vừa tủm tủm cười bảo chồng .

— Anh biết không, hằng ngày mắt em đã quen với đủ các hạng khách hàng : tất cả đều như nhau, ai cũng như ai, nên em coi thường. Chỉ tại vì thấy anh lạ đời hơn thiên hạ nên em yêu anh và lấy anh đó thôi !

Xong, nàng chỉ tách cà-phê cho chàng, trước khi vào buồng trang-điểm :

— Mời ông uống tách cà-phê phin kéo nguội đi, ông !



* BẠN VÀ THÙ.

Vua Maroc, Mohamed V. có viết trong nhật-ký của ngài, một câu đầy ý - nghĩa :

« Nên làm bạn với người nào ít bạn. Nên xa lánh người nào không có kẻ thù. »



Sở trung-cầu ý kiến của Mỹ vừa tuyên bố sau một cuộc điều tra, 2 điểm quan trọng sau đây trong đời người :

1.— Người đàn ông thật có kinh nghiệm làm một người đàn ông hoàn toàn là bắt đầu 42 tuổi-

2.— Người đàn bà thật đẹp hoàn toàn là hồi 30 tuổi.

BỨC THƯ KÍNH GỌI

TRUNG-HƯNG Tiên Sinh

* TRẦN-TƯỜNG-NIỆM



« Trung-Hung tiên sinh kỷ tiền tâm chiếu »



TRƯỚC hết Tiên sinh cho phép kể hèn này được có đôi lời tự giới thiệu : kể hèn này là người học trò dốt đã, trong một lúc lằng nhằng, vliết qua quit đôi hàng trên mặt báo này chuyện Đức Ái Thánh của ta. Bài viết đi rồi quên nhưng không ngờ, một đêm đốt bạch lạp lên đọc Minh Tân Nguyệt san đẹp như một bức tranh cổ, đáng kính như là 4000 năm văn hiến vàng son rực rỡ, đèn nền uy nghi, kể hèn này lại được đọc lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu của Tiên sinh, nhân đọc bài của kể hèn này.

Kính thưa Tiên Sinh,

Đối với cao ý của Tiên sinh kể hèn này vô cùng khâm phục. Tiên sinh thật là cây thạch trụ của hội các vị Trưởng lão chỉ muốn cho dân ta sống cái đời thái bình thừa Nghiêu-Thuấn ; trường văn trận bút của Tiên sinh thật là sấm sét búa rìu ở tờ nguyệt san

đạo đức Minh Tân. Đọc bài của Tiên sinh, kể hèn này chiêm nghiệm mãi rồi có ít ý nghĩ. Xin trình bày với Tiên sinh :

Hàng ngày không muốn cũng không được, núi Thủ dương không có, kể hèn này cứ phải thấy cái cảnh ngựa xe như nước, trai gái bình đẳng dắc nhau đi dạo phố, đàn bà sinh đẻ không đau, lấm máy móc, lấm lời, nhiều lý thời bây giờ, lại xốt xa nghĩ đến ngày xưa : đêm trắng tát nước quân tử lao tâm trị người, năm thê bảy thiếp từ Bắc, vượt Hoành sơn quan vào Kinh thi Hội hồng vừa đi vừa về mất non 3 tháng, thiên hạ không ai tội gì mà phải học hành, tranh luận, tìm kiếm những việc nhớ những gọi là khoa học, chỉ làm thơ kiểu Tàu và học thuộc lòng không cần suy nghĩ các kinh sách của Thánh Hiền cách chúng ta hàng mấy chục thế kỷ là đủ khuôn vàng thước ngọc để dạy dân, trị nước.

Kể cũng thật lạ :

Con rồng cháu tiên chúng ta, sinh tồn trên giải đất nhiều cảnh

sắc từ Nam Quan cho đến Cà-Mâu, từ Trường Sơn hùng vĩ cho đến biên cả quanh năm sóng vỗ, ngày nay thật là... khó nói.

Ngày xưa tổ tiên ta, nhiều lý tính nhiều cảm tình trên non sông gấm vóc, thông minh biết bao nhiêu với nghề nông có trâu bò kéo cày, hiền hách biết bao nhiêu với cơ man lời hay, ý đẹp nguyên tắc trong các kinh sách từ Tàu truyền sang, từ Đạo đức kinh hàm súc cho đến Ngũ kinh, Tứ Thư, nhiều tôn tri trật tự và thân thiết biết bao nhiêu!

Nước chúng ta, trải qua biết bao nhiêu lần mưa gió, nhờ các tác giả kinh sách do Hoàng Thiên sai xuống dạy dỗ cho nhân dân nên đã là một nước dù sao cũng là lý tưởng: triều đình ngàn vạn năm khỏi cần thay đổi vì đấng thiên tử là thay trời trị nước; mọi người ai cũng phải biết lấy phận mình vì tất cả là do sự sắp đặt của một đấng tạo hóa vô cùng, khỏi cần chống lại Định Mệnh. Gió quân tử thổi, cỏ tiều nhân rạp theo một chiều. Đức Thánh của Trung-Hoa và của Việt-Nam ta, vì muốn duy trì và bảo vệ chế độ quân chủ để giải quyết mọi vấn đề của một xã hội hỗn loạn thời Xuân Thu, nên đã dạy rằng trật tự xã hội cứ như thế, ngàn vạn năm khỏi cần thay đổi, trật tự lễ tiết như thế nào thì mãi mãi phải giữ như vậy, kinh sách của Ngài dạy sao thì cứ hay vậy. Các cụ ta, trên nguyên lý đã giữ trọn; có thay đổi chẳng là chỉ một vài sự lộn xộn

trong phạm vi của khuôn vàng thước ngọc; sự lộn xộn không thể ra ngoài lý thuyết của Ngài suy nghiệm từ khi còn ăn cơm nhà họ Quý đất Lỗ như những việc mà do anh dân cùng nào đó đập đổ ngôi báu của một đấng thay Trời trị nước nào đó mà tự cách bê bối, tài lãnh đạo rất đáng nghi ngờ và các bật quân tử trị người lẳng nhăng về tất cả mọi phương diện để rồi nhảy lên ngai vàng cử lại bản nhạc cũ... có thể giải thích được rất hùng hồn trong sự tinh vi, linh động có thể có được trong vòng nguyên lý của kinh sách Cổ Nhân. Cứ như thế, cơm rau cháo, ưu đạo bất tru bản, vua có ngai vàng, quan bài đủ màu từ tím cho đến xanh, dân không cần phải làm nhà theo kiểu chữ môn, mặc áo nâu cho đầy đủ dân tộc tính thì có phải là hay ho, biết bao nhiêu... Như thế, vạn vật sẽ sáng vàng rực như sông Ngân Hà, và có lẽ Tiên-Sinh khỏi bận lòng nhiều như bây giờ. Như thế có phải không, thưa Tiên-Sinh?

Nhưng nào có ai ngờ, lễ tuần hoàn biến đổi một cách bất trắc, đạo lý lưu-liên từ thuở Đức Thánh xuống Trần ở Khúc-Phụ qua trên dưới một nghìn năm trăm lần quay của con quay lửa thì sự thế đảo điên.

Một giống người từ đâu đến, ăn mặc nói năng không hợp với chữ Lễ, đem loại kim khí khạc ra lửa, đập gãy Thượng phương kiếm của Thiên tử, coi thường

khả năng quân sự học được ở Tôn Ngô Bình Pháp của Ngũ Quân Đô Thống của ta rồi nhảy ào vào giang sơn gấm vóc. Hoàng Thiên muốn vậy chăng?... Cùng đến với chúng, có không biết bao nhiêu là chuyện bậy: chúng đem đến cái thứ gọi là Văn Minh hay là Văn Hóa trong đó gồm có đủ mục hoàn toàn phạm thượng, vô lễ với Đạo lý cao siêu và đẹp đẽ của kinh, sách và tất cả những gì của tiền nhân ta thời bấy giờ.

Những cái chúng đem đến thật là thô-bỉ: Máy móc làm điếc tai người quân tử, lý luận mạch lạc có ý hèn hào với kinh sách rất là hàm súc, huyền ảo, điềm đạm của cổ nhân, chính trị, tổ chức, tinh thần và thực tế v.v... tất cả đều làm đảo lộn, mất thế thống của trật tự theo kinh sách ngày xưa từ mái nhà tranh, chốn đình trung cho đến chín bệ chạm rồng. Bọn thô bỉ ấy lại, dần dần, làm cho con người, trở nên khác trước. Thí dụ như cô gái rẽ đường ngòi thẳng, răng đen rung rục, trộm xanh ngày hội cổ che cho thật kỹ đời tuyết lê trắng treo nhất định phải nguyên vẹn trước đêm động phòng hoa chúc, váy lụa thướt tha bên cầu tơ liễu, nhận cau trầu của nhà giai nhưng chẳng may chổng chét trước ngày cưới, theo kinh sách, cũng phải ở vậy, đêm đêm nằm cắn răng vào mạt giường cho đến gãy cả hai, để cuối cùng về với đất với tư cách một bà cô; thì cô gái ấy,

ngày nay, trước khi về nhà chồng cũng phải có, không có không được một vài bạc tu mi gọi là tình quân và, chẳng may đã đeo nhân mà bệnh viện không chữa được cho chồng thì có lẽ nàng dùng cả máy lạnh, cả quạt điện để quạt mồ cho mau rạo hơn là người đàn bà của Trang Tử, mái tóc Trời cho thì thế nào cũng phải dứt đầu vào máy để cho nó quấn lên, xiêm y mặc thế nào cho có các đường cong tuyệt mỹ nửa kín nửa hở, hư hư thực thực và đôi gò bồng đảo dù thật dù giả cũng phải như là 2 ngọn núi phun lửa và cặp mắt thì mất hết tư cách con nhà. Ấy thế mà người thời nay lại thích, lại mê loại thứ hai hơn loại thứ nhất. Kể hèn này, mặc dù rằng biết rằng, loại thứ hai thua hẳn loại thứ nhất nhưng vẫn thích hơn, gần hơn cũng thấy đó là mình, đó là của mình còn đối với loại thứ nhất thì kể hèn này chỉ kình trọng như là cỏ tích mà thôi.

Như thế, cho là đau lòng, kể hèn này vẫn thấy rằng tất cả những gì mà bọn người man rợ ấy đem đến là chân lý trong đời, là sự thật, là thực tại còn tất cả những gì của Đức Thánh chỉ là những cái « vang bóng một thời ».

Đang nghĩ như vậy, thế sự như vậy, Thánh-Hiền tịch-mịch như vậy thì may thay Tiên-Sinh bậc Văn-Tinh của Minh-Tân,

theo dõi của kẻ hèn này, phóng bút như rồng bay phượng múa, viết ra một số bài mà trong đó bậc Á-thánh đáng tôn thờ và đáng mến đem cái đạo-học uyên-thâm của nền nông-nghiệp, đem cái trình độ cao vời-vợi như trong bài Tiên-Sinh ra «thuyết» cho bọn học giả, triết gia, khoa-học-gia thời nguyên-tử dốt như trong bài của Tiên-

Sinh phải bó giấp lại hàng, nấp dưới bóng Ngài cùng nhau đi dật lùi về quá khứ, kiến tạo nền thái-bình thời Nghiêu-Thuấn.

Như thế, xã hội sẽ vô cùng tốt đẹp, nhân dân sẽ được hưởng thái-dinh âu ca, tôn ti, trật-tự lễ-tiết đầy đủ. Công đức của Tiên Sinh như thế thật là đáng ghi vào thanh sử.

★ CHUYỆN NGỜ NGẦN

Một anh điên có chị vợ cũng điên. Một hôm, anh gọi, điện-thoại mời Bác-sĩ:

— Thưa Bác-sĩ vợ tôi vừa nuốt sống một con chuột.

Bác-sĩ bảo:

— Bắt một con mèo để trước miệng vợ anh, trong khi chờ tôi tới.

15 phút sau, Bác-sĩ tới, thấy anh chồng cầm một miếng thịt mỡ để trước miệng vợ, Bác-sĩ ngạc-nhiên hỏi:

— Tôi bảo anh bắt con mèo, sao anh cầm một cục thịt mỡ?

— Dạ thưa Bác-sĩ, vợ tôi nuốt sống luôn con mèo vô bụng. Con mèo vô bụng vợ tôi, nó đuổi con chuột, con chuột chui ra được nơi cửa hậu, rồi con mèo chịu thua, ngồi kêu ngoau-ngoa trong bụng. Tôi phải lấy cục thịt mỡ để đây động như nó ra được chứ!

★ NGÀY THƠ

MẸ BÉ — Bé ơi! con yêu mẹ nhiều không? Thơm mẹ cái nào.

BÉ — Yêu lắm chứ, nhưng hông thèm mẹ đâu con thích thơm chị Vũ cơ.

MẸ BÉ — Ủa, sao kỳ vậy, mẹ không thương bé nữa đấy nhé.

BÉ — Thì con thấy cha không thơm Mẹ, mà cứ thơm chị Vũ hoài đó, sao Mẹ không thương Cha đi?

MẸ BÉ — !.!.!.!.!

MỘNG-HÀ (Datat)

HAI CHIẾC

TÀU MA CỦA NHỰT

★ TÂN-PHONG

NỮA đêm Noel 1943, chiếc tàu ngầm Skate của Mỹ, do đô-đốc Mac - Kinney chỉ-huy, đang bơi thám thính cách đảo Truck 300 cây số, bỗng thấy trong mặt kiến của ống dòm một vết đen bự. Mac Kinney liền truyền lệnh bắn trái phá. Hai trái trúng ngay bên hông chiếc tàu địch, nổ hai tiếng vang rầm trên mặt biển, phun lên hai hòn núi nước đen ngòm. Chiếc tàu địch bị vết thương nặng, liền tức tốc chạy trốn mất dạng.

Đô-đốc Mac Kinney tìm khắp không thấy dấu vết của nó đâu nữa, đánh điện thoại về Bộ Hải-quân, chỉ nói:

« Một chiếc chiến-hạm to lớn vô cùng của địch bị trúng hai trái phá ».

Mac Kinney không ngờ rằng đó chính là chiếc Yamato αột trong hai chiếc tàu ma sơn xám của Nhật.

Chiếc Yamato liền quây về bên Kure để hàn lại vết thương.

Mãi đến ngày 21 tháng 10 năm 1944, cũng vào đêm khuya, biển động sóng to; hai chiếc tàu ma xám của Nhật lại ra trận. Nhưng lần này chiếc Yamato

và chiếc *Musashi* hiện ra ở Singapore bên hải-cảng Lingga. Đêm ấy Hải-quân Nhật biết rằng có một đoàn tàu Mỹ chở đầy quân lính và chiến-cụ đang đậu ở ngoài khơi Hải-cảng Leyte ở Phi-luật-Tân. Tổng-tư-lệnh Nhật liền phái hai chiếc tàu ma dẫn đầu một đoàn chiến thuyền đến đánh tàu Mỹ.

Hai chiếc *Yamato* và *Musashi* âm thầm vượt sóng ra khơi... 3 ngày 3 đêm bành bồng trên mặt biển mà phi-cơ Mỹ không trông thấy. Đến sáng ngày 24 chiếc Hàng-không mẫu-hạm Mỹ của Đô-đốc Halsey, được tin phi-cơ về báo, liền phái một đoàn máy bay vùn vụt bay đi.

Phi-cơ Mỹ tìm thấy chiếc *Musashi* liền dội xuống một trận mưa bom. Bay đi một vòng rồi quay lại dội xuống một trận bom nữa. Rồi bay đi, rồi lại quay lại dội xuống một trận mưa bom nữa...

Súng cao-xạ ở dưới tàu *Musashi* bắn lên không ngớt, đạn ria như pháo, nhưng phi-cơ Mỹ có cả một đoàn đèn-nghịt, liệng qua liệng lại. Vút lên nhào xuống, nhà trúng những trái bom hàng mấy trăm kí-lô nổ rầm trời, vang dậy biển. Khói bốc lên mịt mù.

Lửa cháy đỏ lăm trên mặt sóng. Chiếc *Musashi* nghiêng mình qua một bên, lắc lư mấy cái rồi chìm mũi xuống biển sâu. Bị một trái bom nữa, chiếc tàu nổ một tiếng rền trời, những ngọn sóng cao đùn lên vùi dập cái xác khổng lồ đang ngút cháy. Một lúc sau chiếc tàu ma của Nhật đã chìm nghiêng xuống hố xanh, chỉ còn dơ lên mặt sóng một bộ sườn yếu-ớt làm cái bia cuối cùng của mấy ngàn thủy thủ...

Còn chiếc *Yamato* bị hai trái bom nặng nhưng không hề gì, vì vỏ tàu bọc toàn sắt dày. Thừa lúc tối đen, nó chạy trốn về eo biển San Bernardino.

7 giờ sáng hôm sau, nó thấy 6 chiếc hàng không mẫu hạm Mỹ của Đô-đốc Sprague, cách nó chừng 35 cây số. Nó liền xả đại bác bắn dữ dội. Trái phá rớt xuống quanh 6 chiếc tàu Mỹ làm nổi sóng dậy như những ngọn núi nước cao chất ngất phủ bọc cả đoàn tàu địch. Nhưng 20 phút sau, hết đạn, chiếc *Yamato* rút lui êm. Tàu ngầm và phi-cơ Mỹ đi tìm kiếm khắp mặt bể, không trông thấy nó. Nó biến đi đâu mất. Bỗng ngày 7-4-1945, quân Mỹ đổ bộ lên đảo Okinawa, chiếc tàu *Yamato* liền hiện ra,

nã đạn vào đoàn tàu Mỹ. Nhưng đúng 12 giờ trưa, chiếc *Yamato* bị 12 phát súng đại bác... Viên đạn thứ 13 trúng ngay vào phòng máy ở đầu tàu. Nhưng nó còn rần chống cự lại đến 2 giờ chiều. Một tiếng nổ vang động làm rầm trời dậy biển. Chiếc *Yamato* nghiêng mình chào Quê-Hương

Phù-Tang một lần chót trước khi chìm-nghim xuống mồ sóng bọt. Tất cả 2778 thủy-thủ đều chết hết.

Những tiếng hô «Banzai» còn văng-vẳng trong găm tàu, chiếc tàu cuối cùng của Nhật-Bồn!

TÀN-PHONG

★ CŨNG LẠI HU-LA-HÚP.

Các bà Xơ ở nhà Tu-kín Oklahoma (Mỹ) cũng theo phong trào hu-la-húp và chính bà Xơ Chánh là người đầu tiên nhẩy vòng hu-la-húp. Nhưng vừa rồi hội Y-học Anh (British Medical Association) đã cảnh cáo như sau đây « Chơi hu-la-húp phải hết sức thận trọng mới được. Nó rất có hại cho trái tim, nhất là tim phụ-nữ. Và lại nó không có một hiệu nghiệm nào cả đối với việc làm cho thân mình ốm bết. »

Ở Paris, Cầu-lạc-bộ Hu-la-Húp dưới quyền chủ tịch của Serge Lifar, số người xin gia nhập rất nhiều.

★ · ĐẠI-HỌC · HỌC ĐẠI.

Hôm chiều thứ bảy, tôi đến thăm một người bạn ở Gia-Định. Tay chỉ đứa con trai lớn, thẳng Hải, 8 tuổi, miệng bạn tôi giới thiệu :

— Thằng Hải, con tôi, nó học « Đại-học » đó anh

Ngạc nhiên tôi hỏi :

— Anh nói thật hay chơi vậy anh ?

Bạn tôi nói :

— Anh không tin à ? Để tôi kêu nó lấy sách đọc anh nghe.

Thằng Hải đọc ầu đến nổi tôi không hiểu chi cả. Thấy tôi nhăn mặt bạn tôi liền giải thích :

— Anh thấy tài thẳng con « Đại-học » (nghĩa là học đại) của tôi chưa ?

H.P.

EM BÉ

bán bánh mì

Bánh mì đây! bánh mì đây!
Tiếng nghẹn trong reo khi thấp khi đầy
Từ đầu ngõ rồi vang lừng khắp chốn
Tuổi thơ-dại còn ngập-ngừng đôi bốn
Đôi vai gầy đã gánh nặng sương sao!
Một ngày mai rồi đời sẽ ra sao?
Nặng thúng bánh trong phố-phường đông đảo!
Chân thấp, chân cao, bên lề đời diễm ảo,
Lắc-lư, xộc-xệch, một thúng rách, vai gầy;
Nắng vàng hanh, mắt lệ ứa viền quanh
Qua ngõ hẹp, rảo nhanh nhanh bước nhỏ.



Bánh mì đây! bánh mì đây!
Tiếng em rao khi bực dọc, khi lành
Nắng hồng lên mái tóc hết màu xanh
Đời nghèo khó em kè gì xanh với đỏ
Hoài-mộng tin, để bao giờ cũng khô
Vì ngày mai trời cũng thế mà thôi
Vẫn mẹ già đôi mắt lạnh tràn ai
Ngồi bó gối cùng ba thằng em dại
Đề mong-mỏi thúng không em về tới
Trước bóng mặt trời!
Trước khi ánh mặt trời dâng cao cao...!



Bánh mì đây! bánh mì đây!
Em bán bánh từ ngày còn thơ nhỏ
Một ngày, sau ngày ba em tắt thở
Quyền vắn xanh đề lại với đàn em

Việc bút nghiên thôi hết lúc nghiên xem
Bạn thúng mới em quen dần đường phố.
Trí thơ trẻ chưa quen mùi thống-khổ
Mà vui tươi vì đã được dạo quanh
Đầu tay không hay trĩu thúng cũng đành
Sao trông thấy mẹ vui cùng em nhỏ



Rồi những sớm trời mùa đông rét mướt
Đáy thúng to vươn đôi mảnh than hồng
Đề bánh khô, hơn lạ sưởi cho lòng
Đời nghèo khổ mong gì tia nắng ấm!
Kiểu hãnh với mẹ già cùng em dại
Khi thúng không tung tít chạy về nhà
Trút thở dài dòng lệ mẹ nhòe sa.
Thằng em nhỏ vỗ kiếm quà mong mãi.



Bánh mì đây! bánh mì đây
Tiếng rao trong reo khi thấp khi đầy.
Vang đầu ngõ rồi cuối cùng khắp chốn.
Tôi vui sướng nghe tiếng em hồn nghẹn
Vì biết chăng? em bán bánh! em ơi!
Nhưng ngày nào im mất tiếng em rơi
Trời tình sương mờ lệ khóc sầu em.
Ồ nhỏ, bó gối mẹ già, ba em dại,
Ưa làn mi nhìn em rút trong manh
Đời nghèo không một chút thuốc mong manh
Nhưng phải sống vì vị đời em nếm quá
Đề điệp-khúc câu bánh mì dòn dĩa
Đem nỗi vui về bà mẹ lo âu.
Mảnh bánh mì hư ươn ướt còn sau
Cho thằng út thiết tha mong mỗi được.
Từ ngày em đau — khúc bánh mì «điệp khúc»
Của đời thơ — Một đời thơ vô tội hơn em
Bánh mì đây! bánh mì đây!
Tiếng nghẹn trong vang khi thấp khi đầy
Từ đầu ngõ rồi cuối cùng khắp chốn
Đề nuôi mãi một cuộc đời : 5 kiếp sống,

LINH-CHÂU

NHỮNG CON NGỰA KHÔNG CƯƠNG

«Anh được tự-do sống hay là để mình bị lôi cuốn theo sự sống»
(Vous êtes libre de vous laisser vivre ou de vivre).

DOCTEUR V. PAUCHET.



hực tình tôi không thề nào nữ d r ợ c. Ngồi một mình trên gian gác vắng l a n h, bên ly cà phê đắng, hai mắt cứ mở trao tráo, tâm trí quay-cuồng. Câu chuyện xảy ra lúc tối ở tiệm kem trông quên được, nào ngờ cứ lớn - vồn trong óc tối mãi.

Khoảng chín giờ, đang ngồi trong một tiệm kem bỗng tôi nghe tiếng cười the-thé của một thanh niên ngồi ở bàn trong cùng, gần quày hàng. Ngồi trong chung với anh chàng này, có ba cậu nữa,

tất cả đều mặc áo kiêu Philippine, đầu bóng mượt. Anh chàng có giọng cười «bất hủ» lúc nãy đứng lên rồi bắt chọt rút lưỡi dao nhỏ đâm phập vào cánh tay mình, máu tuôn ra thành những đường cong queo như con rắn uốn khúc đỏ thắm trên làn da ngăm đen. Bà chủ tiệm cuống-cuồng tưởng có chuyện gì rắc rối. Họ cười âm lên. Thì ra họ thách nhau xem cậu nào có lá gan như Từ - Hải.

Anh bạn tôi mỉm cười :

— Anh-hùng nhỉ !

Tôi cũng cười chua chát :

— Vâng, Anh hùng Lương-son-Bạc của thế kỷ hai mươi !

★ TÙY BÚT — HƯƠNG DƯƠNG LÊ-THANH-TRƯỚC ★

Kêu trả tiền xong, chúng tôi bước nhanh ra cửa vì không đủ can - đảm để nghe những tiếng cười the-thé, trông thấy những cử chỉ lố lăng. Bên tai chúng tôi vẫn vang lên một cách nhịp nhàng điệu nhạc Cha-Cha-Cha...



Trời khuya thật. Không biết mấy giờ nhưng chiếc đồng hồ của bác Hai kể bên đã buông đều mười hai tiếng lâu rồi. Tức làm sao ! Giọng máu đỏ thắm, con dao lưỡi sáng lại ám ảnh tôi. Tôi nhớ đến một cậu học sinh bị giết chết tại sông Cầu Kiệu (Phú - Nhuận) vì tranh một cô nhân tình với các bạn. Tôi lại hình dung ra những cuộc ẩu đã xảy ra ở trước cổng các trường trung học : những đám đông náo nhiệt, những thân hình lai căng kiêu ổng rộng giữa hẹp, áo Philippine, mặt Việt-Nam, tóc Marlon-Brando ; những cái miệng học sinh thốt ra những lời không phải của học sinh.

Tôi liền tưởng đến những điệu nhạc Cha-Cha-Cha, Calypso vang lên ở các phòng trà ca nhạc, các Bar-dancing tối tối mở cửa đón tiếp những thanh niên mê-môi, chán chường như các nhân vật

dưới ngòi bút của Ng.-Thu-Minh. trong «NHỮNG NGƯỜI ĐÓI MƯỜI», của F. Sagan trong «BONJOUR TRISTESSE» «UN CERTAIN SOURIRE». Tôi lại nghĩ tới đứa em họ năm nay hai mươi chẵn, yêu một cô láng giềng. Gia đình cô nàng không bằng lòng gả, cô cậu định khăn gói ra đi xây đắp tổ yên ương...

Những khuôn mặt quen thuộc của các bạn trước kia học cùng lớp hiện ra trong trí tôi. Họ, mới ngày nào yêu đời, học hành siêng năng rồi dấp phải một tình duyên trắc trở thành ra yếm thế mất cả tin tưởng.



Rồi trước ngày Tết độ hai tháng, một em bé mười ba tuổi, học lớp Đệ thất tìm đến trao cho tôi một chuyện ngắn nhờ đăng vào *Đặc san Xuân Đạt - Đức*. Tôi nhận một cách vui - vẻ để rồi đọc xong lòng quặn lên bao nỗi đau thương. Các bạn chớ vội hỏi : «Một cậu bé như thế viết quái gì ghê vậy ?» Ừ, thì tôi không dám nói với bạn rằng câu chuyện ngắn ấy mê-ly, rùng rợn, hấp-dẫn tận-mạng như các văn-sĩ (!) trẻ tuổi tài cao ở thủ đô đã từng quảng - cáo cho bài vở mình trên vài

nhứt-báo đầu. Nhưng bạn có thể tưởng tượng được một học-sinh bé bỏng dám viết văn kể lại một mối tình do-dây : Chàng gần hai mươi, nàng mười tám tuổi, bằng giọng văn vừa non nớt vừa chép trong các tiểu thuyết khêu-dâm không ? Chàng và nàng yêu nhau, dẫn nhau vào vườn thú để tâm tình, để « này kia nọ ! ». Rồi nàng được gia đình đưa sang Pháp học, chàng ở nhà trưng-tư, ngò vực...

Đọc đến đây hẳn các bạn không nở trách sao tôi đã có những tư-tưởng như trên. Nguyên do nào đã làm cho những cuộc đời son trẻ hư đốn, những tâm-hồn thơ dại "bịnh-hoạn" ? Người ta bảo rằng chiến tranh đã làm họ khủng khiếp khi nghĩ đến quá khứ và ghê rợn mắt cả tin tưởng ở ngày mai. Họ bám vào hiện tại mà sống, mà phèo-phần. Hiện tại có gì ? Đủ cả : Phim ảnh, (họ không nghĩ đến câu chuyện trong phim, những bài học luân-lý, đạo đức của một vài cuốn phim mà chỉ say mê những kiểu quần áo, những mái tóc "đẹp", những bộ ngực Vamp cỡ Jane Russel). Tửu quán trá hình, hộp đêm mở cửa, trà thất mơ màng, âm nhạc Calypso... Bên cạnh họ còn có những "Văn-sĩ cầu Hàng"

làm diên đảo lòng họ, đưa họ vào thế giới của dùi của ngực và giết hại những mảnh đời còn non dại mà một điển hình rất đáng thương đã kể ở trên.

Cũng có những kẻ truy hoan không vì một nguyên do nào cả. Họ sống không nghĩ gì hết, sinh ra để mà chơi, chơi để mà thích, rồi thích để chơi ! Cuộc đời đối với họ là vô nghĩa. Ngày qua ngày tháng qua tháng... Họ không biết cái đau đớn của người đồ mồ hôi nước mắt vì sự sinh-tồn của xã hội, họ không biết cái chua xót của kẻ lao tâm nhọc trí để vun quén cuộc đời thêm hương, thêm sắc. Tình thương của họ thu gọn trong ba chữ "Người nhân tình" ích kỷ. Đôi khi trái tim của họ cũng quặn đau, đau vì một mối tình lãng mạn tan vỡ. Những lúc ấy nếu có ai đọc đôi vần thơ của Chế-lan-Viên* cho họ nghe :

*« Tôi có chờ đâu, có đợi đâu,
Đem chi Xuân lại gọi thêm sầu ?
Vội tôi, tất cả là vô nghĩa,
Tất cả không ngoài nghĩa khi
đau... »*

Có lẽ mắt họ sẽ sáng lên, nhanh nhàu nói : « Ấy ! Đúng như vậy !... »



Nâng ly cà-fê đen lên hóp một

ngụm, tôi cảm thấy dường như miệng tôi đắng hơn lúc ngồi vào bàn uống hóp đầu tiên. Bao nhiêu hình ảnh của những cuộc đời sống không có ngày mai hiện ra rõ ràng trong óc tôi.

Ngoài kia, không gian đen tối, điểm trên nền trời mờ sầm những vì sao le lói, xa xăm... Tôi gục đầu xuống bàn... Tôi hình dung ra mặt đại dương mênh mông xa tấp... Một ngày nào nơi quê hương xứ sở thân yêu có những cánh buồm tách bến, xa bờ... Phong ba sóng gió nổi lên làm gầy đi vài bánh lái... Đồi ba con thuyền trôi dạt giữa bề rộng trời cao trong bóng dạ thần đầy đặc. Rồi bình minh bừng lên, hoàng hôn phủ xuống, thuyền vẫn bập bềnh trên sóng nước mênh mông, không bờ, không bến, không có :

*« Hòn San vẳng tiếng chuông
chùa sớm,
Cây bến, đèn ngư nào mộng
người (J. Leiba)*

mà chỉ là :

*« Nhật-mộ hương quan hà xứ
thị,
Yên ba giang - thượng sử
nhân sầu. (Tô - Hịệu)*
(Trời tối, quê nhà biết ở đâu ?
Khói mây sóng nước, vướng
tơ sầu)

Lại bão tố, lại phong ba, con thuyền chìm dần, chìm dần trong lòng đại-dương sâu thẳm...



— Bong ! Bong ! Chiếc đồng hồ lại buông đầu hai tiếng trong đêm lạnh.

Tôi giật mình ngàng đầu lên, tắt đèn chui vào mùng. Vẫn không ngủ được, tâm trí tôi cứ quay cuồng-ruồng. Những lúc như vậy tôi lại nhớ đến người thầy cao-niên già lụm khum dạy Quốc-văn năm tôi học Đệ-tứ. Năm ấy, dù bạn học thi, cuối năm lớp tôi vẫn chung đậu nhau làm buổi tiệc trà. Sau khi anh trưởng lớp đứng lên nói vài lời cảm ơn ban giám-đốc, quý-vị giáo-sư, ông hiệu-trưởng đáp từ; thấy tôi đứng lên tiếp lời ông hiệu trưởng. Đã hơn mấy năm rồi, nhưng khi nghĩ lại ngày vui năm ấy, tôi vẫn còn nhớ giọng nói trầm-trầm cảm-động của người giáo-sư tận-tâm, coi học trò như đàn con ruột :

« Niên học đã hết rồi. Sau kỳ-thi này chắc cũng có vài người trong các con rời khỏi học đường tìm cách sinh sống vì hoàn cảnh gia - đình eo-hẹp. Đối với những người này tôi không biết nói gì hơn là nhắc lại lời của ông D'Agues-seau khuyên con khi ra trường :

«Lớp học con đã mãn, sự học con mới bắt đầu.»

«Bởi, học đường chỉ là nơi các con thu nhận những kiến thức, những kinh nghiệm của giáo-sư mà chính trường đời mới là nơi các con thu nhận được

những kinh - nghiệm của chính các con, khi hành động."

"Tôi cũng cần nói chung với các con rằng dù sắp sửa rời khỏi mái trường hay tiếp tục sự học mãi, các con cũng cần chọn cho mình một mục đích chính đáng để đeo đuổi. Các con đừng vội cười: "Ai lại không có một mục đích!" Nhưng các con cứ nhìn ở các ngã đường, các nơi giải trí, các con sẽ thông cảm được lòng tôi. Các con hãy nghĩ đến hình ảnh con thuyền không bến, trôi dạt ngoài bề rộng trời xanh..."

"Mục đích cuộc đời như con chim, càng xa càng bắn khó trúng. Tuổi trẻ có nhiều tham vọng, tôi cầu mong các con luôn luôn hy vọng mà đừng ham muốn quá với tài sức của mình. Nếu không là vĩ nhân (xã hội không cần thiết mỗi người phải là một vĩ nhân) nhìn những đứa bé còn thơ dại các con hãy nghĩ đến bổn phận của mình đối với những bóng-hình yếu - ớt, còn chấp - chững trên đường đời; thấy những mái đầu bạc phơ các con nên tưởng đến đáng sinh thành, kể các con mang ơn đầu tiên trong xã - hội. Có nhiều người lúc còn trẻ mang những hoài bão to - tát, cao - xa, khi lần mi sắp khép kín muốn thu, nghĩ lại không giúp ích được ai kể cả những kẻ khó nhọc nuôi dưỡng mình trưởng

thành; lòng hối hận nhưng đã trễ."

"Các con cũng cần phải kiên nhẫn, can-đảm và cố - gắng sống một đời tự lập mà không ỷ lại vào cái gì cả. Những phút buồn đau, chán - nản không ai có thể tránh được. Dù vậy tuổi trẻ cũng có những nguồn an - ủi, những nơi «trú - ẩn» của tâm hồn trước phong ba bão táp..."

"... Các con ơi, ! đừng bao giờ để đời mình chết dần trong thời gian vô thủy vô chung, Uổng lắm các con ạ..."

Nghĩ đến đây bất giác tôi thở dài: «Thầy đã xóa đi trong tâm hồn con vài vết đen nhưng thầy ơi! Cuộc đời vẫn còn những con ngựa không cương, con thuyền không bến. Con xin chân thành gửi đến thầy lòng kính - mến và biết ơn của con cũng như con nguyện sẽ cố - gắng tận lực xóa đi trong tâm hồn những vết đen tai hại khác nơi đàn em hậu - sinh.

Trong đêm tối con đã thấy trước mắt những ánh đuốc bập - bùng mà thầy ơi! Con đến đây được hay không là chuyện khác. Dù sao con cũng cố gắng, nỗ lực và cầu mong ngọn lửa **TIN YÊU, HY - VỌNG** không bị sóng đời dập tắt trong lòng con.

Đêm Hè (7-5-59)

VĂN - NGHỆ

QUỐC

TẾ

Người Mẹ

★ PHƯƠNG-THẢO

★
Pearl Buck là một nữ văn-sĩ Hoa-Kỳ vào thế-kỷ 20. Bà sinh năm 1892 tại Hillsboro. Khi còn nhỏ, bà sống với cha-mẹ ở Trung-hoa nên phần nhiều các tác-phẩm của bà đều nói về xứ này. Bà được giải thưởng văn-chương NOBEL 1938.

Trong truyện dưới đây bà P. Buck sẽ cho chúng ta biết một người mẹ Tây-phương giáo-dục con mình thế nào trước cái tuổi tò mò, thắc mắc của chúng.



eannot đã lên 5 tuổi, mắt nó xanh, tóc nó vàng. Nó có tinh tò mò lạ - lùng. Những tiếng « vì sao thế

này?... Vì sao thế kia?... Vì sao?...» luôn luôn ở nơi miệng nó.

Một hôm ở trại, Jeannot được chứng kiến một điều không thể giải thích về sự sinh đẻ.

— Những cái trứng gà ở đâu mà có thế mẹ?

— Con lại hỏi rồi! Gà đẻ chứ còn đâu nữa!

Lúc ấy mẹ nó đang làm bánh. Nó vẫn còn thắc - mắc:

— Việc ấy con biết rồi, nhưng vì sao vậy?

Mẹ nó ngừng lại nhìn nó:

— Vì sao? Vì rằng nếu không có trứng thì chúng làm sao mà có con.

— À! Vậy một cái trứng sẽ là một con gà con!

Mẹ nó trả lời bằng một câu mắng yêu:

— Thật, không ai đâu con được điều gì.

Và bà tiếp tục đưa bánh vào lò.

Song thấy một con bò con đi chậm chạp, nó nghĩ ngay rằng

thế con bò không có trứng thì ở đâu mà ra. Nó hỏi ngay mẹ:

— Mẹ ơi, thế con bò sinh ra từ đâu?

— Từ con bò cái, con không thấy sao?

Rồi bà lại thêm:

— Và con phải biết rằng loài vật cũng như loài người chúng luôn luôn sống có bạn.

— Thế con, con vẫn một mình. Con muốn có ai chơi với con.

Bà xoa đầu nó, mỉm cười:

— Rồi đây con sẽ có một đứa em trai hay em gái.

Những chuyện tương-tự thế cứ tiếp-tục mãi. Biết bao câu hỏi của nó như vậy. Một ngày kia, một ngày cuối đông, khi những mảnh tuyết cuối cùng tan dần trên sườn đồi, Jeannot chạy chơi vào rừng và thấy mùa xuân đã bắt đầu. Cây cối đâm chồi nảy lộc. Khắp nơi một màu xanh trong mát và mon-môn làm cho những tia nắng thêm phần duyên-dáng với ngọn gió nhẹ-nhàng như hơi thở ấm áp trong tiếng chim ca hót tung-bừng. Trên mặt đất màu đà, những cành Ngọc-trâm hoa sáng rực. Jeannot rẽ những chiếc lá vàng khô phủ quanh gốc sồi, và nó tìm thấy dưới đám lá ấy một thế-giới xanh-

um của những đợt cỏ căng đầy sức sống.

Trong một phút chốc một điều kỳ-lạ len vào tâm trí nó và bắt nó suy-nghĩ. Nó tự-nghĩ nó sinh ra bằng cách nào? Tuần trước, con mèo Louise đã có những con — mà lại bầy con một lần. Nó còn nhớ rõ, ngày thứ hai thì chưa có gì cả, nhưng đến ngày thứ ba thì chúng đã lúc-nhúc trong cái thúng mà ở đó mẹ nó đã trải ra một chiếc khăn len đen. Nhưng còn nó? Vì, nó cũng đã sinh ra.

Tư-tưởng ấy đánh mạnh vào trí nó, và nó chạy về tìm mẹ:

— Mẹ? Con ở đâu khi chưa sinh ra?

Câu hỏi của nó như một cái nút sấm banh bật ra. Mẹ nó mở tròn đôi mắt:

— Ở đâu khi con chưa sinh ra sao? Con hỏi mẹ gì lạ vậy!

Jeannot không nản chí:

— Con, vâng, tại sao? Cũng như những con chó con: bữa thứ hai thì chúng chưa có, thứ ba thì chúng đã ở đây rồi. Thế trước kia chúng ở đâu?

Mẹ nó vụt cười lên:

— Điều này rất giản-dị. Khi đó chúng chưa sinh ra.

— Sinh?

— Vâng, sinh. Con biết chứ,

con ngó-ngần của mẹ. Tất cả mọi sinh-vật đều được sinh ra. Ấy là thế đó. Con đã được sinh ra, cũng như mẹ đã được sinh.

— Con không nhớ lúc đó con thế nào.

— Mẹ thì mẹ nhớ rõ lắm. Khi ấy con đỏ ong và khóc thét lên.

— Jeannot ngạc nhiên lắm:

— Tại sao thế?

— Mẹ thiết nghĩ rằng điều ấy không nên nói với con làm gì vả lại mẹ cũng không thấy rõ nhiều lý lẽ về điều đó.

Sau một hồi im lặng Jeannot ngó vục:

— Con từ mẹ mà ra phải không?

— Phải. Mẹ đã mất bao sức lực để sinh ra con.

— Thế con ở-đâu trước khi...?

Mẹ nó vừa trả lời vừa chỉ vào bụng:

— Ở đây. Con đã có một cái phòng nhỏ, để riêng cho con.

Jeannot lùi người ra lạ-lùng rõ rệt:

— Không thể được. Con to lớn thế này kia mà.

—Ồ! Lúc ấy con nhỏ lắm, cũng như mẹ trước kia cũng ở trong bụng bà ngoại của con,

Nó lắc đầu:

—Ồ! Con, và biết bao nhiêu người khác... Con không thể nghĩ được vậy.

Lúc ấy một con chim cò đỏ đến đập trước cửa sổ nhà bếp. Mẹ Jeannot nói rằng:

— Mẹ nghĩ rằng con chim đó đang tìm nơi làm tổ. Mẹ phải cho nó vài miếng bánh mì vụn mới được.

Rồi bà đi lấy cái hộp sắt trắng đựng bánh mì. Jeannot thừa dịp mẹ nó đi để suy nghĩ, và khi bà trở lại nó hỏi:

— Nếu con rất nhỏ ở trong mẹ thì phải có gì làm cho con lớn chứ?

— Jeannot của mẹ không đại chút nào. Hiên nhiên vậy. Đó là do công ơn của cha và mẹ. Con nên biết rằng con người ở với nhau từng cặp một. Và không có cặp nào mà không sinh ra một người khác.

— Thế là sao mẹ?

— Còn nên nhẫn nại. Những điều đó làm cho con thắc mắc à? Con sẽ được học hỏi về điều đó. Một ngày kia, khi con lớn lên con sẽ gặp một thiếu nữ rồi mọi việc hôm nay sẽ bắt đầu. Khi đó con sẽ hiểu vì sao mà con sinh ra. À, nhân đây mẹ cho con biết một tin mừng là không bao lâu nữa sẽ có người chơi với con: Mẹ sắp cho con một sự kinh ngạc: một đứa em gái — mẹ hy vọng thế.

Jeannot kinh ngạc quá đến nỗi làm rơi miếng bánh trên tay.

— Mẹ tin chắc rằng sẽ có một em gái ?

— Chắc, không. Người ta có bao giờ chắc được.

— Khi nào có em ? Ngày mai ? Bà mẹ lắc đầu :

— Ồ, không. Không phải ngày mai. Có một đứa con phải cần một thời gian lâu. Thôi bây giờ con đi chơi đi mẹ mệt lắm.

Jeannot chạy ra ngoài. Nhưng điều đó làm cho nó suy nghĩ. Một đứa em trai, hay em gái, thật là lạ. Khi nó sinh ra hình nó như thế nào ? Nó có thể đi xe đạp ba bánh được không ? Jeannot trở bộ về nhà hỏi lại mẹ. Nhưng bà đã ngủ say rồi.

Ngày hôm sau, cha mẹ Jeannot quyết định gọi nó ở luôn trong trường. Lúc này sự êm dịu của mùa xuân đã tan dần trong sức nóng mùa hè. Vào mùa này nó ham chơi đùa với các bạn của nó đến nỗi nó quên những chuyện nó thường thắc mắc. Sau buổi học, nó chơi đánh bi đuổi bắt, trốn tìm và nhiều trò chơi khác nữa.

Một ngày kia, cha nó đến trường tìm nó ra. Vừa gặp nó ông nói :

— Em con đã sinh ra rồi. Jeannot bật lên một tiếng kêu :

— Minh mau về nhà thăm mẹ và em.

Cha nó lắc đầu mỉm cười :

— Vội vàng làm gì vô ích ! Mẹ con bây giờ đang nằm ở nhà thương.

Jeannot thoáng vẻ ngạc nhiên và lo lắng :

— Mẹ con đau sao ?

— Không, nhưng mẹ và em con cần được bác - sĩ sờ - sờ.

Khi đến nhà thương, bác - sĩ không cho Jeannot vào. Cha nó phải giải thích rằng những trẻ sơ sinh mắc bệnh dễ lây cho con nit như nó. Ngày cha nó đến nhà thương đem mẹ nó về nó ở nhà với bà hàng xóm. Khi nghe tiếng còi xe hơi, nó chạy ra ngay cửa ngõ.

Mẹ nó bước xuống xe trên tay ôm một gói khăn hồng. Bà cúi xuống để cho nó thấy em nó đang nằm trong đó.

— Mẹ cho con bé Suzanne đây. Thế là con đã có em rồi ? Con thấy chưa ?

Cha nó đến bên sung-sương :

— Xinh quá. Nó đẹp quá.

Rồi họ, cả bốn người, đi vào một căn phòng nhỏ nhỏ mà bà đã sửa soạn để dành riêng cho con bé. Bỗng con bé Suzanne khóc, lên, Bà cúi xuống nói một cách đơn-iron :

— Con tôi đói rồi. Tôi sẽ cho nó bú sữa.

Bà ngồi xuống chiếc ghế bành ; lấy mũ của con bé đi và mở nút áo của mình ra. Jeannot chăm nhìn mẹ nó càng lâu càng lạ lùng. Mẹ nó nói với nó ngay :

— Mẹ sắp nuôi em con như mẹ đã nuôi con bằng sữa của mẹ.

Jeannot càng ngờ ngạc. Chắc hẳn con bò cái nuôi con nó, con mèo Louissette cũng nuôi con nó ; đó là điều rất tự nhiên. Nhưng các bà mẹ ?

Suzanne hình như không ngạc nhiên gì. Nó bắt đầu cựa quậy rồi mở miệng bú. Nó bú một cách yên lặng không nghĩ, đến nỗi nó phải ngừng lại một chút

đề thở. Bà thấy vậy nói nựng con :

— Con bé tham quá !

Jeannot nghe vậy cười vang. Nó tiến đến gần và chống cùi tay vào đầu gối mẹ nó.

— Và con lúc trước con có tham thế không mẹ ?

— Ồ, hơn thế nữa. Lúc đó con rất lớn.

— Thật à !

Jeannot nghe mẹ nói vậy nó rất thích thú, và cảm thấy tự hào về nó. Trong khi nó tiếp tục nhìn con bé Suzanne bú sữa, một cảm giác bằng lòng tràn ngập lòng nó.

PHƯƠNG THẢO (Huê)

★ TẠI TÔI MÙ !

Một người đàn ông mù ngồi ăn mày nơi đầu đường. cô đeo tấm bảng để mấy chữ :

« Đui, có 6 đứa con ».

Một bà đi ngang qua, hỏi :

— Anh đui, mà anh có đến 6 đứa con ?

— Dạ thưa bà, vì tôi mù-quáng nên tôi không thấy rõ việc gì tôi làm :

★ CHẾT GIẤC.

Hai người uống rượu, ngồi hai bàn riêng trong một tiệm rượu. Một người say túy lúy té xuống chết giấc. Người kia bảo với chủ quán :

— Tôi biết cái chủ đó. Hễ hôm nào trong túi không có tiền mà muốn đi uống rượu thì y uống cho thiệt say rồi chết giấc.

NHÂN MÙA THI, NÓI CHUYỆN

SÁCH GIÁO - KHOA

* NGUYỄN-KHẮC-THIỆU



T R U Ở C đây tám chín năm công việc của giáo sư nhiều gấp đôi gấp ba bây giờ. Bởi vì học sinh học chữ Việt mà sách giáo khoa Việt-ngữ hầu như không có một quyển. Giáo sư phải dùng sách Pháp để soạn bài. Khó khăn nhất là phải tìm cho ra những danh từ thích đáng nhất để học sinh nào cũng hiểu được. Phương chi lúc đó danh từ khoa-học cũng chưa thống nhất với nhau như bây giờ. Hôm nay thì khác hẳn. Sách giáo-khoa chữ Việt vô số. Mỗi môn có đến hàng chục, hàng trăm tác giả viết (tuy nội-dung không có khác nhau mấy). Một hiện tượng đáng mừng cho tiền-đồ văn học. Nhưng giữa cái phong phú ấy, xen lẫn những điều

không đẹp dễ khiến cho bất cứ giáo sư nào có lương tâm cũng thấy khó chịu. Tuy công việc của giáo sư có nhẹ đi nhiều, nhưng lại gánh thêm một công việc mới nữa : công việc chọn sách cho học sinh dùng. Bởi lẽ học sinh không đủ tiền, đủ sức mua sách về mà chọn.

Bắt tay vào công việc chọn sách, ai cũng thấy khó chịu, mà nhận rằng : Một số « tác giả » đã coi sách giáo khoa là một món hàng buôn bán y như những quán hàng khác ngoài chợ, có khi còn tệ hơn nữa. Người ta đã lấy sách giáo khoa làm một phương tiện mua danh bán trước.

Phải nói đó là một thảm trạng. Thảm trạng này đang có triệu chứng bành trướng mãnh liệt trên « thị trường giáo dục ». Một số người làm sách đã khinh thường độc giả đến độ, chỉ biết có lợi và danh.

Ví-dụ ông X. là một giáo-sư Sứ-Địa tại một trường học thực rọ ở Huế. Ông phụ - trách năm lớp. Mỗi lớp 50 học-sinh. Học-sinh của ông là 250 người. Bạn của ông X. và bà con ông có 3, 4 người cũng dạy Sứ-Địa tại các trường khác. Học-sinh của những ông này ít nhất cũng vào khoảng 1000 người. Thế là ông X. cứ soạn bài cho học-sinh học. Cuối năm ông gom góp những bài soạn của ông để xuất bản thành sách. Bởi vì thị trường tiêu-thụ của ông đã có sẵn. Tiền xuất-bản thì ông buộc học-trò của ông phải đặt tiền mua trước. Nếu học-sinh nào không đặt tiền mua trước, ông bảo về nhà soạn lấy mà học, đến lớp ông giảng cho. Cố nhiên là học-trò phải bấm-bụng đem tiền tới góp mua (Học-sinh nào vì lý-do gì không đặt tiền mua trước, sẽ thành một cái gai đối với giáo-sư X.) Như vậy ông X. đã đủ tiền đặt trước cho nhà in. Khi in xong, ông giao một số lớn sách cho bạn ông, bà con ông (những người này cũng buộc học-sinh của họ đặt tiền mua trước như ông X.) bán lấy tiền để trả nợ cho nhà in. Vốn xuất-bản ông X. đã thu vào đủ. Bao nhiêu sách còn lại ông đem bày ngoài hàng

sách, phơi rõ cái tên tác-giả X. in đậm nét... Ông X. không quên lấy mười quyển tặng cho bạn đồng-nghiệp, cho những « người lớn » trong giáo-giới kèm thêm vài câu năn-nỉ nhờ cậy (cò-động) ...Không tốn gì cả ông X. đã mua về cho mình cái chức « sứ-giả », đủ góp mặt với hàng sách. Mà cũng có thể thâu lời nữa.

Có người sẽ bảo : Ông X. cũng xứng-đáng chứ ! Ít nhất ông cũng có công soạn bài.

Thật ra ông X. chẳng có công gì cả. Ông ra phố chọn mua một quyển Sứ-Địa của một tác-giả khác, đem về nhà rồi bảo một học-sinh của ông đến nhà ông chép lại (chép nguyên-văn). Rồi bảo một học-sinh khác đánh máy giúp ông. Ông X. chỉ việc điều-đinh, thương lượng với nhà in. Ngay đến cái việc thâu tiền học-sinh đặt mua trước, ông cũng giao cho học-sinh (trưởng lớp). Có khi ông còn công-khai dọa nạt những học-sinh không chịu đặt tiền mua trước...

Rõ - ràng là một vụ đạo - văn táo - tợn và trắng - trợn. Chúng tôi đã từng làm cái công - việc chọn lựa sách cho học - sinh. Chúng tôi đã từng đem đổi chiếu nhiều quyển sách với nhau ; tác-

giả thì khác nhau mà nội - dung thì giống nhau. Giống nhau từ là lối chấm câu, lối dùng chữ ngay đến những chỗ sai sót, cũng giống nhau. Ai là tác - giả thật ? Trường - hợp ông X ở trên chỉ là một ví - dụ điển - hình.

Báo - chí lâu nay cũng đã khám phá ra nhiều vụ đạo - văn rất tàn nhẫn. Một ông nọ đã chép trọn cả một cuốn Khảo - luận truyện Kiều của Đào - duy-Anh rồi tự nhận mình là soạn - giả. Ông X. ở Huế đã "sao y nguyên văn" cuốn Sử - ký của Bằng - Phong... Ông V. ở Saigon đã đúc theo khuôn cuốn Giảng - văn của ông T. soạn....

Cái nạn đạo - văn công - khai đề phô - trương, đề làm giàu đó, trên phương - diện pháp lý nó không nặng bằng tội đào ngạch khoát tường, nhưng trong tinh thần nó ê - chề làm sao !

Còn cái nạn dịch sách nữa. Nhất là sách Toán và Lý - Hóa. Chúng tôi thấy rằng trong hiện - tại công - việc dịch sách khoa - học và triết - học của ngoại - quốc ra Việt - ngữ là một công - việc rất cần - thiết và rất đáng khuyến khích. Nhưng đáng phàn - nàn nhất là không chịu dịch ở nguyên - tắc mà chỉ đi sao chép bản dịch

của những người đã dịch trước. Gom nơi kia mươi bài, gộp nơi nọ dăm bài... rồi tự nhận là của mình. Công - việc chép nhật ấy bây giờ đang bành - trướng mạnh. Có người sẵn tiền, sẵn thì - giờ ở nhà cốp nhật rồi đem xuất-bản đề lấy tiếng. Nếu có dạy tại một trường nào đó thì cũng buộc học-sinh của mình mua như ông X. ở trên.

Làm như vậy không những đã thiệt - thòi cho tui - tiền của học-sinh mà còn thiệt-thòi quyền lợi của soạn - giả đi trước rất nhiều. Học-sinh thường thường đến ngày tái hốt hoảng xin cha mẹ mua từng lô về học, khi thấy quyền nào cũng giống nhau mà tiền vất ra đã bộn. Học-sinh rõ-ràng là nạn-nhân.

Sách Toán, Lý-Hóa đã vậy mà ngay đến sách Giảng-văn, sách Luyện thi, Luận thi... cũng thế. Những loại luận-đề luyện thi T. H Đ. N. C ôi thôi nhiều lắm. Nhưng trong một vài quyền, tìm không ra một bài ra hồn. Câu văn viết còn chưa đung, nói gì đến ý-nghĩa, đến tư - tưởng nữa. Chính tác-giả những tập luận-ấy còn chưa hiểu rõ một tư-tưởng khi đem ra bình-giải, còn mong gì làm mẫu cho học-sinh. Chúng

tôi không sao kể xiết hàng tác-giả ấy. Tưởng có tiền đem xuất-bản một cuốn sách là làm một giáo-sư rồi. Một tập luận thi cho học-sinh đệ-tứ mà cứ bàn những chuyện trên trời dưới đất mãi, cứ đem những danh-nhân đầu đầu mà dẫn chứng, cứ nhật lấy những tư-tưởng vung vãi trong sách vu-vơ nào đó đề lập luận... Tưởng đem bàn những chuyện cao siêu trong phạm-vi này, đã phô - trương được sở-học của mình ! Thật ra thì trái lại. Phô-trương không đúng chỗ chỉ có những người dốt.

Chúng tôi có dịp so-sánh nhiều bài luận của học-sinh đệ-tứ với nhiều bài luận của một giáo-sư (cử-nhân) đã soạn sách luận-đề mẫu thi : chúng tôi không biết ai là giáo-sư, ai đáng làm mẫu cho ai.

Còn một cái nạn nữa. Trong năm 1954, nhân sự di-cư tập-kết lộn-xộn, một vài người đã giật liều tác-phẩm của người ở lại, đem về xuất-bản rồi nhận mình là tác-giả. Nhờ đó tên tuổi được cao lên một chút (địa-vị của họ cũng nâng cao cho xứng với tài) Thế là họ tưởng họ có tài thật, họ tiếp-tục xuất-bản sách... đề đầu đọc học-sinh!

... Những hạng đạo-văn này trong lĩnh-vực khác thì không đáng cho ta bận tâm lắm, nhưng trong phạm-vi giáo - khoa (tức giáo-dục) tưởng cũng nên phải-chẳng với họ một chút.

Rồi những sách Văn-Phạm Anh-ngữ (nhất là Anh-ngữ) có thể nói rằng người soạn sách văn phạm Anh-ngữ chưa có đủ một căn bản tạm đủ về văn-phạm thứ tiếng đó mà đi soạn sách cho học sinh học. Có nguy không ? Bởi đó, những soạn giả này lấy sách Văn-phạm Anh-ngữ của người Pháp viết (cho người Pháp học) dịch ra Việt ngữ. Dịch sát đến những ví dụ không quan trọng cũng dịch, đến nỗi người đọc khi xem những sách văn-phạm ấy có cảm tưởng như văn-phạm Pháp và Việt chỉ là một !

Những sách « 100 bài dịch Anh-Việt Việt-Anh » cũng mắc phải những lỗi trên. Chúng tôi không dám nói đến những vị giáo-sư, những nhà xuất - bản có ý thức, lấy thận trọng làm mẫu chốt cho công việc của mình. Còn ngoài ra, hầu hết những tập luận mẫu, luyện thi luận đề... phạm vào những khuyết điểm không tưởng tượng được. Không một bài nào là không nhật ra được vài hạt đậu to tướng.

Nghĩ mà thương cho học sinh. Vô tình học sinh đã làm thi trường tiêu thụ những món hàng đầu độc mình. Lợi dụng học sinh đến tình trạng ấy thật quá lắm rồi.

Chúng tôi nhớ đến một quyền « Luận và Dịch » của một giáo sư họ Bùi. Quyền này tương đối có giá trị nhất trong loại ấy. Nhưng vị giáo sư này đã quảng cáo cho sách mình : « quyền này trúng tủ 14 lần ». Không rõ giáo sư Bùi có ý cò-xúy cho lối học tủ hay không ? (học tủ nghĩa là học thuộc lòng một số bài, khi vào thi, nếu trúng đề đã học thì chỉ việc chép vào). Chúng tôi tin chắc rằng không một giáo sư có lương tâm nào lại đi hô hào con em « học tủ » kiêu đó. Sau một buổi thi, nghe hầu hết học-sinh bàn tán : « Mà y có trúng tủ không ? » hoặc « Tao trúng tủ rồi ! » và « Tao học tủ 15 bài mà không trúng bài nào. Tao hỏng rồi » Nghe học sinh bàn tán như thế này, ai mà chẳng ngao ngán. Vẫn biết đó là một hiện tượng do chương-trình giáo-dục cũ lạc-hậu gây ra. Nhưng lẽ nào giáo-sư lại khuyến-kích học-sinh học tủ ! Chúng tôi không tin rằng giáo-sư Bùi lại làm công-việc ấy ?

Khi chấm thi, giám-khảo thường gặp những bài luận Việt-văn hay Pháp-văn giống nhau như đúc mà lại rất xuất-sắc. Thế là có học-sinh trúng tủ rồi ! Trong trường-hợp này, giám-khảo thường băn-khoăn khó cho điểm, vì tình-trạng chung cho hầu hết thí-sinh. Chúng tôi tự hỏi, nếu giáo-sư Bùi đi chấm thi gặp những trường-hợp này thì làm sao mà cho điểm. Cho điểm không (zéro) thì thí-sinh hỏng hết. Mà cho dù trung-bình thì lương-tâm không khỏi bứt-rứt. Thí-sinh đã học tủ khi vào thi thì phần nhiều không đáng đổ rồi.

Quảng-cáo : (Sách này trúng tủ 14 lần » như thế này thì không có vẻ giáo-dục chút nào cả. Đã quảng-cáo như vậy tức là có ý khuyến học-sinh nên học thuộc lòng (như vẹt, không cần phải hiểu) một số bài đề khi vào thi, trúng đề thì chép...

Tình-trạng lợi-dụng học-đường làm nơi buôn-bán, nơi quảng-cáo cho mình, đối với Việt-nam chúng ta có vẻ khó coi quá. Lợi-dụng học-đường làm nơi tiêu-thụ những món hàng lậu, những món hàng ăn cắp, nó không đẹp-đẽ chút nào cả. Nếu học-sinh khi làm bài mà

chép trộm của bạn bên cạnh, giáo-sư có phạt không ? Thế tại sao có người ngang-nhiên đi chép sách của người khác buộc học-trò của mình mua rồi học tự nhận mình là tác-giả ?

Chúng tôi mong những soạn-giả, những tác-giả sách giáo-khoa nghĩ

đến tiền-đồ quốc-học, đứng ra vạch mặt chỉ tên những hạng người lợi-dụng học-đường để tiêu-thụ hàng lậu ; và đầu độc học-sinh bằng những cuốn sách tạp-nhập...

NGUYỄN-KHẮC-THIỆU
Giáo-sư Trung-học Huế

★ BỨC THƯ NGÂN NHẤT.

Thủ tướng Talleyrand của vua Napoléon 1er không có thì giờ để viết thư dài. Một hôm nghe một bà Quý phái nọ vừa mới chết chồng, ông viết thư chia buồn : « Thưa Bà, than ôi ! — Kính: Talleyrand ». Vài tháng sau, bà quý phái lấy người chồng khác, ông Talleyrand viết thư chia mừng : « Thưa Bà, hoan nghênh ! Kính: Talleyrand. »

★ TRIỆU PHÚ VÀ TỶ PHÚ

Hai cô gái nhảy đang ngồi ăn kem. Một ông đi xe hơi Huế-kỳ, đỗ xe trước cửa bước vào tiệm kem. Cô này bảo kẻ cô kia :

- Mày biết không, xừ kia bấy giờ thành triệu phú, là nhờ tao đó.
- Thật hả ?
- Ừ, vì trước khi y bỏ-bịch với tao thì y là tỷ-phú đó, mày à !

★ DANH NGÔN

B.T.

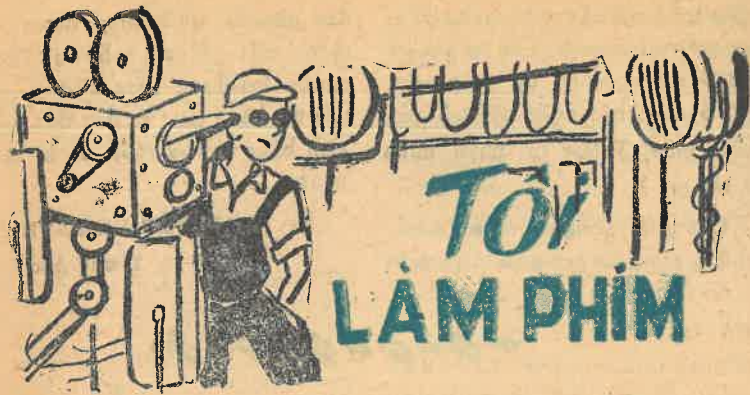
Người ta có thể lừa dối một phần dân chúng suốt một thời gian, hoặc lừa dối toàn thể dân chúng trong một phần thời gian, chứ người ta không thể lừa dối toàn thể dân-chúng suốt một thời-gian được ! »

★ AI NÓI CÂU NÀY

ABRAHAM LINCOLN

« Trời sinh ra người Đức để viết bản nhạc, người Pháp để đánh bản nhạc, người Ý để hát bản nhạc, người Anh để nghe bản nhạc và người Mỹ để xóa tiền mua bản nhạc »

Schuman. (Nhạc-sĩ Pháp)



CHỤP TÍT — MÁY LÀM TÍT LỘ CẢNH — THUẬT VẼ BẰNG NƯỚC BỘT — XẢO THUẬT

(Tiếp theo P. T. số 12)

THƯỜNG ai cũng muốn có một cái tên cho kêu, này lửa. Lợi nữa ưa thích làm dáng để ưa quảng cáo! Mặc dầu chưa biết nội dung ra sao chứ cái vỏ phải cho rôm!

Phim cũng vậy. Tít và quảng cáo. Những công việc thoạ son diêm phấn này thực - hiện trong

phòng thí-nghiệm của hãng. Nhân viên phụ trách cần phải có trình độ kỹ-thuật khá cao và kinh-nghiệm dày dầy.

Đặt tên cho cuốn phim là công-việc của Đạo-diễn, của nhà sản-xuất, nhưng trình bày cái tên và danh-sách tài-tử, cộng-sự-viên,

chuyên-viên là do ở nơi bác « thợ chụp tít ».

Tít có thể trình-bày ở ngay đầu của cuốn phim, hay nơi đoạn cuối, hay chiếu qua một đoạn mới đến tít... Cách

thức trình - bày do đạo-diễn chỉ-định, mục-đích là khêu gợi tánh tò-mò của khán-giả. Cũng ví như

ta đánh một tiếng trống rất lớn rồi lung-tung theo sau, hay lung-tung reo trước rồi bỗng chấm bằng một tiếng « ỳnh ». « ỳnh » đây là tên của cuốn phim, hay tên của tài-tử (nếu tài-tử ấy có danh tiếng) hoặc giả tên của đạo diễn (như A Hit.), còn lung-tung

THAI-THỨC-ĐIÊN

có nghĩa là tên của các bác « thợ » đã góp sức vào việc thực-hiện cuốn phim.

Tít thường là những giòng chữ trắng in trên một nền xám lợt, hoặc trên một phong-cảnh chết hay sống (panoramic). Phim màu thường dùng như đồ chơi cho dễ đọc và dễ in.

Cho nên phong - cảnh chụp riêng và tít chụp riêng, rồi in chồng lên nhau.

Chụp tít có máy riêng để làm tít. Bên ta nếu không kể loại phim 16 ly chưa hãng nào có máy làm tít cả. Chung qui chỉ dùng những thiết-tri làm tại-chỗ, tạm thời, cho gọi là có, áp dụng các phương-pháp làm tít của loại phim 16 ly — vì nguyên-tắc căn-bản cũng như nhau. Lý-do chính là một chiếc máy in, và chiếc máy làm tít và xảo-thuật giá cũng khá đắt, chừng độ 1 triệu bạc (chưa kể tiền thuê nhập-cảng).

Chụp tít cũng thận-trọng như quay phim, phải chú-trọng đến các vấn-đề ánh-sáng, mi, góc-ảnh, cho ăn nhập với bối-cảnh (nền sống hay nền chết)..

Ngoại trừ máy Mitchell 35 ly, chưa có một máy quay 35 ly nào có thể chụp từng hình một (vue par vue), nên bên ta chỉ áp-dụng các mảnh lờ thường của xảo-thuật mà thôi. Tưởng nên nhắc lại ở đây để các bạn chú-ý, các phim vẽ (dessin animé) cũng thực-hiện bằng cách chụp từng hình một.

Tuy-nhiên chụp tít chỉ cần mi và mở có một lần đầu tiên thôi, còn về sau cứ để y ánh-sáng, quăng cách, mi và mở như trước.

Nhưng cái khó thường là phải đặt đúng chữ cho thẳng bằng. Hơi xéo một ly là khi lên màn ảnh dòng chữ sẽ như đang leo lên hay xuống dốc. Có khi chữ thì nghiêng, chữ gục qua trái, chữ qua mặt, chữ thì nhón lên chữ thì thò lò chân. Đây là những chữ rời làm sẵn bằng điện-diễn để cho chúng ta ráp lấy. Nhiều khi các chữ có bôi keo ở đằng sau lưng nhưng thứ chữ này bất tiện, vì hễ dáng vô là cứng ngắt, lờ có xiêng xẹo gờ ra dán lại mất công. Nay có thứ chữ bằng kim khí có luyện từ-khí khi ráp, thì ráp lên một tấm sắt non, chữ hít vào sắt để xoay trở lằm. Thật là một công-việc tỉ-mỉ, mất nhiều thì giờ, rất mệt trí và mỏi mắt. Nhưng chưa hết! nếu ánh-sáng không đều đều thì khi chụp sẽ có bên tối bên sáng, hay lóa (halo) khi in chồng sẽ có chỗ mờ chỗ tỏ khó đọc. Còn nếu bình-diện của tấm bản ráp chữ không song song (paral-lèle) của bình-diện của mặt phim sống thì chữ sẽ một bên lớn bên nhỏ.

Về cách lựa chọn thứ chữ phải lựa theo ý nghĩa cuốn phim. Nếu là chữ vẽ thì tùy ở tài năng của họa sĩ và yên-sĩ phi-lý-thuần của họ. Khi thì đứng đàng nghiêm trang (nên dùng gô-tic), khi rùng rợn, khi cảm động... tuy nhiên đừng viết chữ quá cầu-kỳ ngoằn-

ngòe đọc lắm lúc phải toát mồ-
hôi !

Chữ kẻ bằng gouache trắng trên nền đen trong các loại phim đen trắng. Nhiều khi mua phẩn đánh dày cũng được. Tít nên kẻ trước vào một mảnh giấy, sửa đi sửa lại theo ý mình, khi hoàn tất mới đặt lên một tấm mi ca cắt đúng kích thước của chiếc bảng và tùy theo quãng cách xa gần (thường 30 X40 là đủ chán).

Và đây là bí thuật của nước bọt: Khi vẽ lên mi-ca gouache sẽ không ăn vào mi ca mà cứ dờn cục. Trước khi vẽ bạn sẽ thấm tí nước bọt thoa sơ lên mặt mi-ca. Nét vẽ sẽ gắn chắc, sắc-sảo ! Bạn làm thử xem thì rõ.

Khi chụp, tấm mi-ca được đặt trên một nền đen đậm, đều (cắm chỉ dùng giấy đen láng hay xám chữ sẽ không tốt). Các bạn cũng thừa biết chữ lớn thì dành cho những tên quan trọng hay tên của cuốn phim, Đạo diễn, nhà sản-xuất, tài tử chính, v.v.. còn chữ bé dành cho nhân viên khác...

Biết cách trình bày tít, cuốn phim sẽ hấp dẫn, cái bộ mặt của cuốn phim phải sạch sẽ, duyên dáng.

Nhưng khi chụp tít thì nên dùng loại phim nào ?

Kinh nghiệm đã mách cho nên dùng thứ phim ăn chậm và nhiều « màu thuần » (contraste). Phim ăn chậm hạt cát nhỏ (grain) thành ra nét chữ rất sắc sảo « ngọt ». Điều kiện cốt yếu là « phim tít ngược » phải trong, chữ phải đen

nháy... khi in rõ mông mọt. Thứ phim dùng « điếu » nhất là phim xuôi (positif), nghĩa là thứ phim chỉ dùng để in. Nhưng nếu dùng để chụp tít thật là đặc biệt !

Nên thử một ít một, vài ba lần tìm cho đúng cái mi và mờ rồi mới tiếp tục. Phải dùng kính hiển vi để nhận thấy giá trị của hình ảnh ngược, mới nên chắc ý.

Đèn thường đặt hai bên xéo 45 độ. Bản tít càng to chừng nào thì phải lui đèn ra xa chừng nấy để ánh sáng rơi vào cho đều.

Đây là những yếu tố nên chú trọng đến khi mi và mờ :

— Bề rộng của mặt tít.

— Màu sắc của tít (coi chừng chữ đen phông trắng)

— Chữ đặc hay loãng (nhiều hay ít).

— Quãng cách giữa hai bình điện : phim và tít.

— Sức sáng của đèn (2 cây).

KẢO THUẬT LỘ CANH

1) Mờ dứt.— Chụp xong, rửa, rồi tẩy bằng thuốc riêng cho nhạt dần sẽ nói về cách làm khi bàn đến phông tối.

— Dùng một tấm che màu đen đưa trước ống kính : một miếng kính sơn xi từ đậm đến nhạt bằng sơn đen. Khi đưa qua trước ống kính đưa chỗ nhạt vào trước rồi dần dần đến chỗ đậm.

— Lôi xa dần các cây đèn, hay nhích lại gần..

— Dùng rheostat bớt điện hay tăng sức sáng của đèn.

2) Mờ tiếp : Làm ngược lại những điều kẻ trên. Dùng cách in đã nói trong kỳ trước để in chồng hai đoạn nối tiếp (đoạn này mờ dần trong khi đoạn kia hiện dần lên).

3) Mờ chui : Một hình dáng rõ bỗng như bị chui mất rồi cái vệt chui nhỏ dần trong khi đoạn sau hiện ra.

— dùng travelling trong khi chụp, đẩy máy tới để máy yên, thay hình, bấm máy chạy và travelling lui...

— dùng chất hóa - học tẩy chữ, rồi in nối đuôi,

4) Tít chạy lên : viết tít vào một cuộn giấy hay mica dài. Cuốn vào một chiếc trục. Khi chụp quay dần đều tay cho cuộn lên trục trên.

5) Tít hiện ra từng chữ.

— đặt bản chữ đứng yên. Đặt lên một tấm che đen. Kéo tấm này lên lên, hoặc ngang, hay kéo cà giật đều đều từng nấc khiến cho khán giả có cảm giác chữ nhảy ra..

— dùng một chiếc màn đen nhỏ, có rách rách kéo màn lên như ở sân khấu.

6) Tít nứt ra đôi ba để niệm tít sau : (cảm giác nứt rạn..)

— Hai tít sắp chồng nhau.
— Chụp tít trên mặt xong, để máy yên chỗ, lấy tít trên đem ra cắt hai, ba, bốn tùy ý, ráp vô lại in cụ. Dùng giấy kéo cho các miếng rã cho đều. Bấm máy chạy.

Muốn cắt thành hình gì cũng được: trái trám, răng cưa v.v.

7) Tít từng mảnh chạy vô đây tít trước :

Làm ngược lại với cách đã nói trên. Chú-ý nên để tít ngược sau ráp nối mới được. (Kiểu cá vọt lên trời, hay anh chàng plongeon rời từ dưới nước nhào lên trở lại chỗ cũ với một tiếng «Hút».

8) Chữ chạy lung tung rồi hợp lại thành tít :

Chụp từng hình một. Mỗi khi chụp một hình, thì lại sửa đổi chỗ của các con chữ cho liên tục (loại 35 ly chưa có máy nên chưa chụp theo kiểu này được).....

(còn tiếp)



★ Sự buồn rầu có thể tự túc nơi chúng ta thôi, nhưng muốn có một sự vui tế. nhị chúng ta cần phải chia sẻ nó với kẻ khác.

MARK TWAIN

Đ
Ờ
N
V
I
Ò
L
Ò
N
G

Đờn vi-ô-lông
Nhè nhẹ
Rèn...

Lòng ai mong
Khe khe
Rền

Đờn vi-ô-lông
Vang lên...
Vô-biên...

Tình ai mong
Liên miên
Không quên,,,

Đờn vi-ô-lông
Vút lên
Như tên,,,

Thuyền ai mong
Trên sông
Lênh đênh...

Đờn vi-ô-lông
Khi không
Ngừng

Giòng sông
Mênh mông
Lòng ai mong
Bâng-khuàng...

Đờn vi-ô-lông
Đà dứt !
Lòng ai mong
Đà dứt,

Hờn mênh mông
Bên sông !

Nhà thương Chợ-quán, mùa thu 1941
NGUYỄN-NGU-Í
(Có những bài thơ...)

(1) Khi làm bài thơ này, tôi nhớ đến bài «Chanson d'automne» của Verlaine và bài « Sương rơi » của Nguyễn-Vỹ.

Bên lề lịch-sử

★

một
người Pháp
làm Vua
miên núi tại
VIỆT-NAM
(1888-1890)

★ Nguyễn-Vỹ

1.—MARIE DE MAYRÉNA

V Ụ này xảy ra trong 3 năm từ 1888 đến 1890 ở Việt-nam, nhưng có rất nhiều chuyện lý-thú bất ngờ khiến cho nhiều chính-phủ và báo-chi bên Âu-châu phải để ý tới. Ở Việt-Nam nó cũng đã gây ra một đư luận xôn xao trong giới « thuộc địa » không ít.

Lúc bấy giờ. Toàn quyền Đông-dương là CONSTANS, Phó Toàn-quyền là KLOBUKOWSKI và kế tiếp là Toàn quyền Richaud, Khâm-sứ Trung Bắc kỳ là HECTOR, rồi kế tiếp là RHEINART, Công sứ Qui-Nhon là LEMIRE. Xã-Tây (Đô-trưởng) Saigon là PAUL BLANCHY, Thống-soái Nam-kỳ là Đại-trưởng BÉGIN, Tổng-trưởng Bộ Ngoại giao Pháp là SPULLER. Năm ấy, Vua Hàm-Nghi đã bị bắt ở Quảng-Trị, Đồng-Khánh vừa mới chết ở Huế, THÀNH THÁI lên kế vị.

Cũng trong năm đó, ở Bình-Định có « Giặc rựa » của MAI-XUÂN-THƯỜNG. Ở Bắc-kỳ, có cuộc khởi-nghĩa của Đề-Thám, ở Hà tỉnh có Phan-đình-Phùng. Chính-phủ Nam-Triều ký Hiệp-ước nhìn nhận nước Pháp bảo hộ mới 4 năm trước (1884).

Ở Xiêm, có một nhóm người Đức của tòa Lãnh sự Đức lăm-le vượt

sông Cửu-Long, qua định chiếm-cứ mấy làng Mọi ở phía bắc tỉnh Kontum, Cao-nguyên Trung-kỳ, để làm căn cứ thuộc-địa, với chủ tâm sẽ do đó mà đánh lấy Lào—Miên và Việt-nam : giành lại của Pháp.

Đó là tình hình chính trị tổng quát của Việt-Nam và Đông-dương trong lúc anh chàng Marie David MAYRÉNA xưng vương ở xứ Mọi Sẻ đặng, gần tỉnh Kontum, cách vài chục cây số An-khê, tỉnh Bình-định.

Xét sơ qua lý lịch của y, thì y chỉ là một bọm b p nhưng rất thông minh và có nhiều thủ đoạn. Y sinh ngày 31-1-1842 ở Toulon, có một người em sinh năm 1850, tức là Henri.

Năm 15 tuổi y làm thủy quân được 2 năm rồi bỏ qua Lục quân. 21 tuổi đóng lon đội tại Versailles. Y tình nguyện qua Saigon nhập vào bộ đội viễn chinh của Đô-đốc BONNARD. Có đi hành binh ở vài nơi, Long xuyên, Tân an, v.v... nhưng vì phạm tội kỷ luật bị lột lon và bị đuổi về Pháp năm 1868.

Thất nghiệp cho đến năm 1871, có chiến tranh Pháp Đức, y lại tòng quân, làm binh nhì, đóng ở tỉnh Var. Nhờ có chiến công sau y được đóng lon Lữ đoàn trưởng. Dần dần, lên được Đại úy. Sau y

vận động cách nào không biết mà được thưởng Bắc-đầu Bội-Tinh. Về chức Đại-úy và Bắc-đầu Bội-tinh này, có nhiều âm mưu, vì được tin ấy thì toàn thể các sĩ quan của Lữ-đoàn Vạt đều nhao nhao phản-đối, gửi đơn kháng-nghị lên Bộ Chiến-tranh tố-cáo Marie Mayréna hối lộ cho một ông Chú họ làm Trung-tướng ở Toulon để vận-động xin-xỏ các chức-vị kia, chớ thật ra y không có chiến-công gì cả.

Hết chiến-tranh, y lại thất-nghiệp, vì y không có tài-năng gì khác, và không có nghề-nghiệp nhất-định. Năm 1872 y xin vào làm kế toán ở Công-ty máy nước Paris nhưng được 2 năm bị đuổi vì gian-lận tiền nong. Năm 1874, y mở tiệm cho vay tiền ở quận 8, Paris, đến năm 1883 bị các thân chủ kiện về tội lường-gạt, tiệm y bị tịch-biên, y liền bỏ trốn ra ngoài quốc. Y sang Nam-dương, và đổ bộ ở Batavia ngày 20-9-1883. Trong lúc đi trên tàu thủy, y làm quen với một người Pháp còn trẻ tuổi, người này cũng qua Nam-dương để thăm cha là ông Léonard làm sở Hòa-xa. Y nói với chàng thanh-niên Pháp rằng y vừa đánh rơi bớt đặng tiền xuống biển, mất hết cả tiền bạc. Y nói khéo quá, khiến chàng thanh-niên Pháp

động-lòng thương-xót và khi cập bến Batavia, chàng đưa Marie Mayréna về giới-thiệu với ông bố cho y ở trọ nhà ông trong khi y chờ đợi kiếm việc làm. Ở Nam-dương mới 2 tháng, y làm quen với nhiều người Hòa-Lan, Anh, Pháp, và rũ hùn vốn lập-nghiệp, nhưng lấy tiền của người ta xài hết rồi bị người ta kiện. Chính phủ thuộc địa Hòa-Lan bèn trục-xuất y ra khỏi xứ.

Y không có một đồng xu dính túi chính phủ Hòa Lan phải cho một cái vé tàu hạng ba, trên chiếc tàu Konigen Emma về Âu-châu, ngày 27-8-1884.

Marie Mayréna về Pháp, thất nghiệp một lần nữa. Một hôm, y ngồi trong một tiệm cà-phê ở Paris, nghe mấy người bàn với nhau rằng chính phủ đang khuyến khích những người đi các thuộc địa để tìm cây cao su. Vì lúc bấy giờ, phong trào trồng cây cao su rất thịnh hành, do người Anh tiên phong mở các đồn điền cao su ở các thuộc địa Ấn-độ và Mã-Lai. Kỹ nghệ cao su bắt đầu phát triển ở Mỹ, ở Việt-Nam thời ấy chưa có đồn điền cao su.

Marie Mayréna nghe lóm được tin ấy, liền luôn-lỏi chạy chọt cách nào không hiểu mà được giới thiệu đến ông Tổng trưởng bộ giáo dục. Y tự xưng rằng y

đã có ở Nam-dương, và có đi mạo hiểm các nơi rừng rú trong các đảo Nam-dương và thấy có nhiều cây cao su, nếu chính phủ Pháp muốn khai khẩn các đảo còn bỏ hoang ấy thì sẽ được mỗi lợi lớn, v.v...

Y nói đến nỗi ông Tổng-trưởng nghe bùi tai, và ngày 5-12-1884 ký một đạo nghị định đặt một phái đoàn « nghiên-cứu khoa-học » gửi đến địa phận Atchem, ở Cù-lao Sumatra (theo lời Marie Mayréna giới thiệu) để tìm và khai khẩn cây cao-su. Dĩ nhiên, là phái đoàn ấy giao cho Marie Mayréna tổ chức và điều-khiển. Phái-đoàn chỉ gồm có Marie Mayréna, em y là Henri, và một người nữa, là Vésine Larue. Ông Tổng-trưởng Bá-tước Sel-lière lại còn trao cho y một ngân quỹ hai ngàn đồng bạc để làm chi-phí.

Phái đoàn khởi-hành tại Toulon trên chiếc tàu chở hàng tên là Vinh-Long. Nhưng trên tàu toàn là những người đã có ở Nam-kỳ, bọn thủy-thủ nói cho ông Vésine Larue biết Mayréna là một người thế nào rồi, nên tàu vừa cập bến Ô-Cấp thì Vésine Larue bỏ Marie Mayréna không thèm đi với y nữa. Larue ra Hải-phòng lập nghiệp. Còn lại hai anh em Marie Mayréna cũng quít luôn số tiền của ông Tổng trưởng Bộ giáo-dục Pháp, bỏ luôn vụ « phái-đoàn nghiên-cứu khoa học » và lên ở Saigon, ngày 23-5-1885.

Đến đây, anh ta dự định một cuộc phiêu lưu vĩ đại... Trước hết, anh ta in danh thiếp tự xưng là « BÀ-TƯỚC MARIE DAVID de MAYRÉNA » và thuê nhà ở đường D'ORMAY, SAIGON.

Vài hôm sau, một buổi tối « Bà-tước » Marie de Mayréna ra chợ Cũ Sài Gòn, ăn hột vịt lộn. Bán hàng là một thiếu nữ quần áo rách rưới ngồi ở lề đường. Thiếu nữ mặt mũi cũng dễ thương, độ 20 tuổi, tên là Lê thị Bến. « Bà-tước » ăn hết mấy hột vịt lộn, xong bảo Lê thị Bến về ở với y, y cho nhiều tiền. Lê thị Bến nghe bùi tai, đêm ấy bưng thúng hột vịt lộn và rau-răm muối tiêu theo « Bà-tước Marie de Mayréna » về nhà y, ở số 5 đường d'Ormay.

Lúc bấy giờ theo gương của người Anh ở Mã-Lai và Ấn-Độ, chính-phủ thuộc-địa Pháp ở Nam-kỳ rất chú-trọng đến việc trồng cây cao-su, mà hồi đó người ta gọi là cây gutta percha (cây nhựa), theo tiếng Bồ-đào-nha. Thống Đốc Nam-kỳ là Đại-tướng BÉGIN vừa ký một sắc lệnh thành-lập một « Ủy-ban cao-su » và Hội-đồng thuộc-địa quyết-nghị tặng một số tiền nhiều ngàn đồng (giá đồng bạc hồi đó) cho những người Pháp nào tìm được cây cao-su trong rừng núi Việt-Nam, hoặc khai phá trồng trọt cây cao-su lấy giống ở ngoại-quốc đem về. Thời ấy ở Việt-Nam chưa có

đồn-diên cao-su, và giá-trị cây cao-su cũng bằng như vàng.

David Marie de Mayréna liền chụp ngay cơ-hội để làm « áp-phe ». Anh ta khéo tán-lĩnh ông Thống-đốc Nam-kỳ đến đổi ông này cho ngay anh một số tiền và cử anh vào Ủy-Ban cao-su, nhờ anh đưa Ủy-Ban đến rừng Bà-ri-a mà anh quả quyết rằng ở đấy anh đã tìm thấy nhiều cây cao-su mọc hoang trong rừng núi.

Ủy-ban gồm 9 người Pháp và có 15 người lính « bôn-xư » theo hầu hạ. Mayréna dẫn họ đi vó-vấn các khu rừng Bà-ri-a mà không tìm thấy cây cao-su đâu cả! Ủy-ban đi 2 tháng trở về Sài-gòn thất-vọng. Mayréna thì ở lại mua một miếng đất xóm Thuận-Biên làng An-Lộc, tỉnh BÀ-RI-A, đem « vợ » là Lê-thị-Bến đến đây để lập-nghiệp. Anh viết thư phân-nạn với Thống-Đốc Bégin rằng Ủy-ban không dám theo anh vào trong rừng sâu, nên đành phải về không. Nhưng anh nói anh đã mua được 1000 hột giống cao-su ở Mã-Lai, anh đã gieo trên đất đồn-diên của anh, và anh xin tiền trợ-cấp mấy ngàn đồng. Chính-phủ Nam-kỳ không cho, vì biết anh là tay bợm bịp.

Nhưng anh chàng vẫn hoạt-động hằng-hai.

Anh tự ý mộ mấy người dân làng làm « lính » cho anh, tự xưng là Bà-tước, và bắt dân làng dọn dẹp trang-hoàng « đồn-diên » của anh, và hầu-bạ anh như một ông vua nho nhỏ.

Lê-thị-Bến bán hột vịt lộn ở chợ Saigon, được anh lấy làm vợ, và bắt dân làng gọi là « Bà Bà-tước ». Anh sống ở đây được 3 tháng, hách-dịch với dân làng, và định « mở mang bờ cõi ».

Bất ngờ, có kẻ tố-cáo với viên Chủ-tỉnh Bà-ri-a rằng « Bà-tước » Mayréna buôn súng lậu. Viên chủ tỉnh là ESCOUBET liền đem lính đến bao vây và khám nhà anh ở An-Lộc.

« Bà-tước Mayréna đi vắng, Lê-thị-Bến ở nhà thấy có « Quan Chủ-quận » đem lính tới vây nhà, sợ hoảng, khóc lóc năn nỉ. Escoubet lục soát trong nhà và tịch thu rất nhiều súng và đạn được đủ cỡ.

Sau, Mayréna khai rằng súng đó là anh mua ở bên Pháp để phòng thủ cho nhơn viên « Phái đoàn nghiên-cứu khoa học sang Nam dương » do nghị định của ông Tổng trưởng bộ giáo-dục Pháp đặt ra mà chàng ta là chủ tịch. Chủ-tỉnh Escoubet tịch thu súng đạn, nhưng không bắt Mayréna, vì lúc ấy người Pháp ở thuộc-địa còn nể nhau.

Thất bại ở Bà-ri-a, Mayréna bỏ lên Nam Vang. Anh viết thư đề nghị với Miên Hoàng NORODOM mở một « Công-ty Thủy-vận Vương-quốc », và anh chỉ xin làm một chức nho nhỏ trong Hoàng Cung là... « Phò Mã » của Vua !

Vua Cao Miên không trả lời thư ấy.

Thất vọng, Mayréna trở về Saigon được tin ông Toàn-quyền mới sắp đến là ông CONSTANS. Nhờ ông Xã Tây PAUL BLANCHY giới thiệu, Mayréna được ông Toàn quyền tiếp, Anh ta liền khoe rằng anh đã sống nơi các rừng núi Mã-lai trong hai năm nên anh rất thâm hiểu các vấn đề khai khẩn ở các vùng rừng rú Viễn-Đông. Rồi anh xin ông Toàn quyền cho phép anh tổ chức một phái-đoàn đi nghiên-cứu các vùng núi hoang-vu ở miền Tây tỉnh Bình-định, giữa Trung-kỳ và sông Mekong, ở đây theo những tài-liệu của anh, có « rất nhiều thổ-sản phong-phú, và các mỏ, các gỗ quý, ngà voi, và chắc chắn là có mỏ vàng và cây cao su ».

Nghe bùi tai, Ông Toàn quyền chun ướt chun ráo ở bên Pháp mời sang, rất phục óc kinh doanh của Anh và ký luôn cho anh một công-lệnh, phái anh « đi công cán cho chính phủ » lên các xứ MỘ ở THƯỜNG DU BÌNH ĐỊNH.

Ông Toàn quyền còn cho anh 500 đồng bạc (đồng bạc hồi đó giá trị gần bằng 500đ bây giờ) và 15 người lính mã-tà với hai người thông ngôn.

Thật là cơ hội hết sức may mắn cho David Marie Mayréna. Anh chàng rủ thêm một người bạn cũng phiêu lưu như anh, tên là Alphonse Mercurol. Nhờ

công lĩnh có chữ ký và đóng dấu của « Quan Toàn Quyền » nên Mayréna còn phỉnh được 4 người Các-chú, hoa kiều triệu phú ở Chợ-lớn, bỏ thêm tiền cho « Quan Thanh Tra » và xin theo « Quan Lớn » lên các xứ Mọi để đào mỏ vàng buôn ngà voi, gỗ quý, và tìm cây cao su.

Đĩ nhiên, trong « phái đoàn thám hiểm » đặc-biệt này có một người đàn bà, là Lê thị Bến, vợ « Quan Thanh Tra » Marie Mayréna ; nguyên là cô ả bán hột vịt lớn ở Chợ cũ Sài Gòn, và mấy tháng sau sẽ được làm « Hoàng Hậu xứ Sê-đăng » ! Bây giờ là tháng 3 năm 1888.

Biết tin chiếc tàu Hải phòng chạy đường Sài Gòn ra Bắc Việt có chở ông Constans Toàn-quyền mới và ông Klobukowski Phó Toàn Quyền, chàng David Marie Mayréna liền xin cho đi quá giang đến Qui nhơn, cùng với Lê thị Bến và đoàn tùy tùng của y, có cả 4 chú Hoa kiều. Trên tàu Mayréna khéo nịnh-nọt với viên Phó Toàn-Quyền.

Y hứa với Phó Toàn Quyền rằng y sẽ tìm những cây cao su mà y tin rằng những người Hoa kiều, đi theo y đã thấy có mọc rất nhiều trên rừng núi An-khê Kontum. Y sẽ tìm mỏ vàng mà y sẽ nhường quyền khai thác cho chính phủ thuộc địa. Y sẽ bắt dân Mọi đắp một con đường từ

Cao-nguyên Trung-kỳ chạy về đến Qui-nhơn, và một con đường nối với Sài Gòn, để chính phủ Thuộc địa có đủ phương tiện khai khẩn xứ Mọi hiện còn là một nơi hoang vu chưa thuộc quyền kiểm soát của chính phủ.

Phó Toàn quyền Klobukowski nghe mê. Vì nói đúng, người Pháp bấy giờ có tham vọng mở mang bờ cõi thuộc địa rộng lớn đến Xiêm. Ông liền viết cho Mayréna một bức công văn giới thiệu y cho Lemire, Công - sứ Pháp ở Qui-nhơn, truyền lệnh cho Lemire phải giúp đỡ Mayréna về các phương-diện để nhà thám hiểm kia thực-hiện được mục-đích.

Phó toàn quyền Klobukowski lại còn đãi « Bá-tước » De Mayréna và người vợ bán hột vịt lớn của y mà y dám giới-thiệu với ông Phó Toàn quyền là « Bà Bá-tước » Lê-thị-Bến, một bữa tiệc long-trọng trước khi tàu cập bến Qui-nhơn, để chúc y được « thành công », « để được phụng-sự quyền lợi của nước Pháp ».

Ngày 16-3-1888, tàu ghé bến để cho « Bá-tước » De Mayréna và « bà Bá-tước » đồ bộ lên Qui-nhơn với đoàn tùy-tùng.

Công-sứ Lemire, xem thư giới thiệu của Phó Toàn quyền phái Bá-tước De Mayréna đi nghiên-cứu trên miền núi phía Tây với

vàng đón tiếp Mayréna và « phu-nhơn », mời 2 ông bà ở nghỉ-ngoi tại dinh Công-sứ như những vị quý khách, « bạn thân của Quan Toàn-quyền và Quan Phó Toàn-quyền » !

Nghe Công-sứ Lemire cho biết xứ Mọi Sê-đăng ở phía Tây tỉnh Bình-Định và tỉnh Kountum, là một miền rộng lớn giáp-giới với sông Mékong hiện còn là một vùng rừng núi hoang-vu, dân số gồm toàn các giống Mọi mà giống Sê-đăng là quan trọng hơn hết, nhưng các dân mọi ấy chưa chịu phục-tùng chính phủ Bảo-hộ Pháp. Tuy vậy, đã có hai ông Cố-Đạo Thiên-Chúa giáo là cha Vialeton, và Cha Guerlach hiện đang len lỏi truyền Đạo tại các vùng mọi.

Được « tuyau » quý-báu ấy Mayréna liền đến nhà thờ Lòng Sông; gần Qui-nhơn mà Linh-Mục Van Camelbeke là vị chủ-giáo coi cả các Địa phận Mọi ở tỉnh Bình-Định, Mayréna đến thăm Linh-mục và đưa ông xem công văn của Toàn-quyền và thư giới-thiệu của Phó Toàn-quyền kèm thêm 1 thư giới-thiệu của Công-sứ Qui-nhơn. Vị Linh-mục Nhà thờ Lòng - Sông liền viết một bức thư dài trân trọng giới thiệu « Bá-tước » De Mayréna cho hai cha Vialeton và Guerlach ở xứ Mọi Sê-Đăng nhờ

hai cha này dùng đủ mọi phương tiện để giúp « Bá-tước » thực-hiện công-vụ được dễ-dàng và thành đạt mau chóng. Trong thư, Linh-Mục có nói « Bá-tước De Mayréna là Đặc-phái-viên của chính-phủ Pháp ».

Như thế là David Marie Mayréna đã lợi dụng được tất cả cơ hội để bịp được tất cả mọi người, từ ông Toàn-quyền Đông-Đương đến một vị Cha-sở ở tỉnh Bình-Định.

« Ngôi sao Đế-vương » của anh chàng phiêu-lưu đại bộm bắt đầu mọc trên vòm trời Qui Nhơn.

Ngày 21-4-1888, Mayréna cầm đầu « phái-đoàn » lên đường đi thám-hiêm. Có thể nói là anh ta cầm đầu đội quân đi « chinh-phục » một xứ mới. Đi đầu là « Bá-tước » trưởng Phái-đoàn, mà 4 Chú Chệt cứ gọi là « Quan Thanh-tra », anh ta cỡi một con ngựa A-rạp lớn không biết anh ta mua ở đâu. Đầu đội « mũ thuộc-địa » hông đeo khẩu súng Colt, khuôn mặt với bộ râu cá trê có vẻ oai lẫm. Kế đến là « Bà Bá-tước » Lê-thị-Bến cũng cỡi ngựa rồi đến Alphonse Mercuroi (một chàng phiêu lưu thất nghiệp mà Mayréna lượm ở Sài Gòn làm Bí thư cho anh), Paoli (một anh đầu bếp ở Qui-nhơn, anh này có mở một tiệm ăn ở Qui-nhơn, nhưng gặp Mayréna bị anh này tán tỉnh, liền bán sự nghiệp,

đưa hết tiền bạc cho y, và đi theo y làm « Sĩ quan nấu bếp » cho y, 4 Chú Hoa kiều (ở Chợ Lớn, cũng đưa tiền bạc cho y để theo hầu làm cố vấn và được y hứa cho dự phần khai thác mỏ vàng) 15 người lính « mã tà » mượn ở Saigon, một người thông ngôn Việt-Nam của số Mật thám Saigon tên là Tam vân San, một người thư ký Việt-Nam tên là Huỳnh văn Tư một người Việt-Nam lấy tên Pháp là Gambier, làm thông ngôn tiếng Mọi, và sau cùng là 80 người cu-li khiêng đồ hành lý.

Trước hôm khởi hành, công sứ Lemire đãi bữa tiệc lớn, mời đủ các quan tỉnh, Pháp và « An Nam » và các vị Cố Đạo, có một đội lính khố-xanh bằng súng đứng chào trước cửa Tòa Sứ...

Trước khi kể tiếp cuộc hành trình của Mayréna lên xứ Mọi và 2 tháng sau tự xưng vua miền Núi, tôi xin đánh một dấu ngoặc nơi đây để nhắc lại một người mà bạn đọc hình như đã quên rồi, người ấy tức là



★ Giận ghét và thù hằn người ta tức là tự mình bỏ một con sâu róm vào ruột mình.

PEARL BUCK
(Peony)

Henri de Mayréna em của Marie Mayréna. Trong số đầu tôi có nói Mayréna đến Saigon với cậu em là Henri. Henri biết trước anh mình là một tay bịp đời, sẽ có ngày mang họa lớn, nên không chịu đi theo anh. Ở lại Saigon, Henri viết báo vì lúc ở bên Pháp Henri cũng đã cộng-sự cho một tờ báo lá cải ở thành Toulon. Henri hợp tác với Fernand Ganesco, có viết 1 bản kịch thời-sự tên là « SAIGON DOLANT, revue de fin de sieste par deux Moustiques » dịch : Saigon-Nạ, kịch thời sự diễn sau giặc ngủ trưa. Soạn giả là hai con Muỗi. Kịch này có hai cảnh, do công-ty Claude diễn tại Nhà Hát Tây Saigon ngày 9-4-1904. Một kịch hài hước rất vui, nhưng thu không được bao nhiêu tiền, Henri vẫn nghèo. Sau anh « làm Vua » ở xứ Mọi gọi em lên để gán mẽ đày và cho làm quan, nhưng Henri không thèm, sau về Pháp.

(câu nữa)

KỶ SAU : Marie Mayréna làm Vua, Lê-Thị-Bến làm Hoàng Hậu.

CÔ GÁI ĐIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TỬ-VU ★ BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẮC

I

NHÂN đọc ở cuốn tạp-chí « TÂM-LÝ-HỌC », hồi tháng Hai, tôi thấy mấy dòng sau đây trong mục quảng-cáo :

« Y-sĩ Xa-lạp-Mỹ cần một người giúp việc, để trông nom một bệnh nhân đặc-biệt, với 5 điều-kiện :

1o) — Phải đã từng nghiên cứu về những biến thái tâm lý của bệnh tinh thần, và rất có hứng thú đối với sự nghiên cứu đó ;

2o) — Trạc tuổi phải ở trong khoảng 20 tới 30 ;

3o) — Phải có dũng khí và phải hết sức kiên gan, bền trí ;

4o) — Phải có một thân thể khỏe mạnh và không được có một thị hiếu nào ;

5o) — Nguyên ý, vì khoa học mà đem tinh thần ra làm việc ; nếu cần, không ngần ngại trước bất cứ một sự hy sinh nào. Tiền lương : một, hay hai tháng đầu, trong thời-kỳ huấn-luyện, mỗi tháng là một ngàn phật-làng sau đó, mỗi tháng là bốn ngàn phật-làng. Người ứng-thí phải gửi đơn tới địa-chỉ sau đây : một tấm ảnh chụp cả người và một tờ khai lý lịch : « Phòng khám bệnh của Y-sĩ Xa-lạp-Mỹ.

343, Bắc-bởi công-lộ, Ba-lê.

Ngày khảo-thi định vào hôm mùng 3, tháng Tư, hồi 9 giờ sáng ».

BỘ tập báo xuống, tôi suy-nghĩ về y-sĩ Xa-lạp-Mỹ; ông vốn là một nhà chuyên-môn có đại-danh về bệnh tinh-thần; ông đã viết khá nhiều tác-phẩm có giá-trị. Tuy tôi chưa hề đọc qua những trước-tác đó, nhưng tôi đã xem qua nhiều bài khảo-cứu rất tinh-vi của ông, đáng rai-rác, trên các tạp-chí y-học và tâm-lý-học.

Quả tình, trong hồi đó, tôi đương đề hết tâm-trí khảo về những biến-thái của tâm-lý-học, và, riêng đối với bệnh tinh-thần, tôi thấy có một hứng-thú lạ thường đề học hỏi. Và, tôi không hề có cái mộng-tưởng trở thành một y-sư, vì y-học đối với tôi chỉ là ngoại-hành. Cũng vì thế mà tôi không đọc những tác-phẩm của y-sĩ Xa-lạp-Mỹ, tôi đề-chùng, các trước-tác đó có một tính-chất quá thiên về chuyên-môn. Tuy nhiên, đối với y-sĩ Xa-lạp-Mỹ, tôi vẫn sẵn có trong tâm, một niềm cảnh-ngưỡng, sùng-bái. Nếu may ra mà tôi được tuyển vào làm cộng-sự viên cho ông, thì đó quả là cả một sự quang-vinh cho tôi đề học hỏi. Ngoài ra, số tiền lương-bổng hàng tháng, khá cao, có một sức dẫn-dụ khá mạnh, nên tôi thấy rất bồn chồn đối với việc ứng-thí đó.

Sáng hôm sau, tôi sắp-sửa, nào tắm ảnh toàn-thân, nào tờ khai lý-

lich, rồi đem tất cả đến Bắc-bối công-lộ để xin ghi tên. Người quản-lý cái sóc về việc ghi tên, là một nữ y-tá. Cô ta nhìn qua loa giấy má của tôi, rồi bảo tôi điền tên vào một tờ chỉ nguyện thư đã in sẵn, trong đó, tôi phải tình-nguyện nhất nhất phục-tòng các điều-kiện đề phục-vụ, cùng là hết lòng chịu sự huấn-luyện để có đủ khả-năng làm việc. Sau đó, tôi hỏi cô ta xem sự khảo-thí sẽ ra sao? Cô ta trả-lời, bất quá, không ngoài cái phạm-vi của tâm-lý-học.

Nhân đó, sau khi nhận được tờ báo-danh, tôi liền vùi đầu đọc lại tất cả điều mà bình-thời tôi hằng đề tâm kê-cứu. Nếu, giả sử họ đòi hỏi một người có cái sở-kiến khác, tôi đành chịu rút lui, vì, từ xưa tới nay, tôi chỉ ưng, chuyên-tâm vào cái môn mà tôi ưa thích.

Từ nay, tới ngày khảo-thí, còn những một tháng rưỡi trời nữa, nếu tôi đề hết ngày giờ, đề đọc lại các sách, tạp-chí, tôi tự-tin có cơ trúng-cách, miễn là, họ đừng đi ra ngoài cái tầm hiểu-biết của tôi.

Đúng bữa mừng ba tháng Tư, vào hồi tám giờ sáng, tôi đến chỗ phòng khám bệnh của Xa-lạp-Mỹ y-sĩ. Ở đó đã tụ-tập có trên hai chục người, họ đến đề dự-thí. Bất chuyện với họ, tôi nhận thấy, có người vừa ở một viện y-học xuất-

thân, có người đã là y-sĩ, có người còn đương là sinh-viên, tuyệt nhiên không có một người nào vào cái hạng dở dở, dang dang như tôi. Tôi không thể không có đôi phần nản chí, nhưng, tôi tự nghĩ, thì cứ thi xem sao, trúng hay không cũng chẳng chết ai mà sợ. Tôi lại thấy yên tâm và phần khởi một phần nào.

Chín giờ. Tôi cứ yên trí rằng cuộc khảo-thí sắp bắt đầu, nhưng không, họ chỉ nhìn kỹ hình trạng và dáng dấp của từng người; họ soi-bói mình từ trông con mắt, đến đầu ngón chân; đây mới chỉ là sự kiểm-tra về thể-cách của mỗi người ứng-thí vậy.

Khi tôi được kiểm-tra xong, thì vừa đúng mười hai giờ trưa. Họ cho tôi rõ, sáng mai, chín giờ, tôi lại phải đến đây.

Ngày hôm sau, đúng giờ, tôi đã có mặt ở đó. Một vị nữ y-tá bắt đầu, trao cho mỗi người chúng tôi, một cái đơn kiểm-tra. Cô ta lần lượt gọi tên từng người một, có mấy người đầu tiên yên lặng ra về. Riêng tôi, tôi không thấy được gọi tên. Còn mấy người khác hỏi lại cô ta, cô ta nói, trên đơn kiểm-tra có ghi, người thì « không hợp thức », vì bị tật cận-thị quá nặng, người thì thân thể không được cường-tráng. Còn ba

bốn người nữa thì cô ta bảo hãy đợi ở phòng bên.

Mãi một hồi lâu sau, mới tới lượt tôi. Trong lúc ấy, tôi đương bụng bảo dạ, được trúng cách hay không, chẳng hề chi, có lẽ mặt tôi lúc đó không có một vẻ gì là cao-hưng cả. Tuy vậy, tôi cứ-nhiên lại được hợp thức, và cũng được mời sang phòng bên.

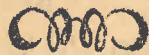
Trong phòng này, sự bày-biện không khác gì một giảng đường. Một bên vách có treo một cái bảng đen nhỏ, một bên có căng một bức màn bạc và ở phía đối-diện màn bạc, có đặt sẵn một cái đèn chiếu ảnh. Tôi thấy mấy người vào trước, đương ngồi quỳ quanh một chiếc bàn dài. Tôi cũng theo họ, ngồi xuống một chiếc ghế còn bỏ không. Bên cạnh tôi, là một người đương chăm-chú đọc một cuốn sách to tướng, có lẽ là sách y-học thì phải. Tôi thấy người đó quá đề ý đọc, nên tôi không thể bắt chuyện được với y.

Đến chín giờ hơn, thì có hai nữ y-tá đem vào cho ngồi hai chục người chúng tôi, mỗi người một khảo-quyển, trên có ghi sẵn đề-mục. Hai cô đó nói, đến mười hai giờ rưỡi đúng, các cô sẽ đến lấy khảo-quyển. Nói xong, hai cô đi ra khỏi phòng, và trong này, chỉ còn lại có đúng mười chín ứng-thí-viên chúng tôi, thôi.

Các đề-mục làm cho tất cả ứng-thí-viên chúng tôi, đều sửng sốt, vì, trong đó, không hề có một đề-mục gì thuộc về các môn học ở các sách, hoặc một điều gì thuộc về kinh-nghiệm của nghề thuốc cả. Chúng tôi nhận thấy rõ, tất cả những sự ôn-tập của chúng tôi trong một tháng rưỡi trời nay, thiết là công dã-tràng. Cái anh chàng ôm trong lòng cuốn sách kéch-sù, ngồi ở bên tôi, có một bộ-dạng đáng thương vì không ai không nhận rõ sự thất-vọng nó hiện ra rõ mồn-một, trên nét mặt chán chường của anh ta.

hiệt tình, chúng tôi không thể nào hình-dung nổi cái tính chất kỳ dị của đầu bài thi. Nếu độc-giá muốn biết cái đề mục đó ra sao, tôi chỉ xin đan-cử ra đây, một, hai câu hỏi, mà tôi còn nhớ được, thì độc-giá sẽ ý-hội và liên tưởng được toàn thể bài thi ra sao? Đây :

« *Giả vì thử, anh đương cùng với một bệnh-nhân, ngồi uống cà-*



★ **MỘT CÂU NÓI KINH-NHIỆM** của ông Foster Dulles cựu ngoại trưởng Mỹ vừa mới từ trần:

« *Việc thế giới cũng như một cuộc cờ, Ai đã thua nhiều ván thì người ấy chơi cờ mới cao.* »

phê, mà, bệnh-nhân nhất-định lấy muối thay cho đường để bỏ vào chén của anh, thì anh sẽ có một thái độ ra sao ? »

Lại còn cái câu hỏi này có lẽ còn thú-vị hơn :

« *Nếu vì dụ, bệnh-nhân đã không nghe lời anh, trốn đi uống rượu, ở một quán rượu; khi anh tìm được thấy người đó, người đó đã chệnh choáng hơi men, anh hãy nghĩ ra ba câu nói khéo léo như thế nào, để khuyên-can người đó, để làm cho người đó, phải nghe theo lời anh, mà trở về nhà với anh ? »*

Đàn-loại, nó tương-tự cùng một loại với hai câu mà tôi vừa mới chép ra trên đây.

Tôi xin nói thật ngay rằng, tôi chẳng dùng một tý lý-luận nào để giải-đáp những câu hỏi của đầu bài thi, tôi chỉ lấy trực-giác để trả lời. Chưa tới mười hai giờ, tôi đã làm xong bài đáp và sau khi đọc lại cẩn-thận, tôi đã trao khảo-quyền của tôi cho một nữ-y-tá.

(*Còn tiếp*)



Làm sao thành một TỜ BÁO ?



— MÌNH ƠI !

— Ơi.

— Đã mấy lần em

định hỏi mình làm thế nào thành ra một tờ báo mà em cứ quên hoài, Nay mình nói cho em nghe đi.

Ông Tú đang cạo râu, ngó vào gương trả lời :

— Mình hỏi bà Bút-Trà, bà nói cho mà nghe.

— Xí ! Bà Bút-Trà, bà chỉ bán báo chớ bà đâu có biết làm báo làm bung gì ?

— Bà làm báo số-dách đấy, mình đừng có khinh bà.

— Em, thì em thích làm báo lắm, mình à !

Ông Tú đứng trước mặt kiến cầm lưỡi dao cùn cứ cạo đi cạo

lại hoài mấy sợi râu lý-tý mà không sạch. Ông sờ tay lên cằm, rồi quây lại bà Tú đang dọn bàn ăn.

— Cái đời của tui đã bị nghiệp-báo báo-hại như thế nào, cô-nàng chưa tổn sao, cô-nàng còn muốn đâm đầu vào báo-bò ?

— Sao em nghe người ta nói nghề làm báo là cái nghề oai nhút trong các thứ nghề ?

— Oai cái khi mốc người ta ! Anh Ba-Tèo kia còn làm báo được ; thì ai mà làm báo hồng được ! Ở nước mình, làm báo dễ-ợt, mình ơ !

— Dễ ra làm sao, há mình ?

— Có những kẻ viết ba-lăng-nhãng, đưa thợ nhà-in sắp rồi cho lên máy chạy, thế là rồi tờ báo. Dễ là như vậy đó.

— Đưa thợ sắp chữ là thế nào? Minh cạo râu xong, lại bàn ngồi ăn diêm-tâm, uống cà-phê, nói chuyện đàng-hoàng cho em hiểu đi.

Ông Tú cắt lưới dao trong hộp :

— Sáng nay chúa-nhật, bộ mình không cho anh đi chơi, bắt anh ở nhà diêm-thuyết cho mình nghe sao chứ?

Bà Tú tùm-tim cười :

— Chóng ngoan rồi em tặng cho mình một bữa thịt vịt ăn lót lòng ngon đáo-đề !... Thịt vịt chấm nước mắm gừng... ăn với xôi vò.

— Thật không?

— Thật.

— Ừ, có thịt vịt hồi-lộ cho tớ thì tớ mới chịu làm bài dốt-cua cho mà nghe... về kỹ-thuật máy móc của một tờ báo.

Bà Tú đã mua hai đồng bạc xôi vò hồi 6 giờ sáng và một gói thịt vịt, là 2 món sở-thích của chồng. Bà lấy dọn ra hai đĩa để trên bàn. Hai vợ chồng ngồi hai ghế sát cạnh nhau, vì không bao giờ họ chịu ngồi cách xa. Bà Tú lấy tay bốc một cục xôi đưa lên miệng ông Tú, và một miếng thịt

vịt... chấm mắm gừng. Ông Tú nhai ngon lành. Bà Tú hỏi :

— Minh ơi, thợ sắp chữ là sắp làm sao, hả mình?

— Này nhé, thí-dụ như làm một quyển *tap-chi Phê-Thông* chẳng hạn. Nhà in có hai ê-kíp thợ: thợ sắp chữ và thợ máy. Hai ê-kíp này riêng biệt hẳn. Muốn sắp một tập báo như *Phê-Thông* ê kíp thợ sắp chữ, thường gọi tiếng Pháp là thợ Typo (nói tắt chữ Typographes), ít nhất cũng phải có 8 người, hoặc 6 người phần nhiều là anh em trai trẻ nhưng đã thạo nghề. Trong ê-kíp đó, có một anh thợ chánh, lớn tuổi hơn và có nhiều kinh nghiệm hơn, chỉ huymáy anh kia. Người ta quen gọi anh là Chef Typo. Chính anh đứng ra bao thầu công việc sắp chữ, anh điều khiển và phân phối công việc cho mỗi người thợ dưới quyền anh. Trong phòng sắp chữ, có rất nhiều kệ, cao vừa đến tầm ngực của mỗi người, những kệ ấy bằng gỗ, đựng các hộc chữ, mỗi hộc chia ra nhiều ô chữ riêng biệt: A, B, C, D, Đ, E, v.v... Nhà in lớn có đủ các thứ chữ, đủ các cỡ chữ lớn, nhỏ, và các kiểu chữ như chữ xiên gọi là *Italique*, chữ đứng là *Romain*, *Europe*,

chữ đậm là *Gras*, chữ mỏng là *maigre*, v.v... Kề ra đây cho biết thì mình chẳng biết đàng nào mà rờ! Nhưng anh em thợ thì... rờ giỏi lắm. Mấy anh thuộc hết các loại chữ, các kiểu, các cỡ, và chữ nào ở ô nào họ không cần phải ghé vào hộc để tìm kiếm. Họ nhắm mắt rờ vào ô nào để lấy chữ nào là đúng chữ ấy, ít khi lầm lộn.

— Thí dụ như hai chữ « *Phê-Thông* », họ sắp cách sao?

— Mỗi người thợ cầm trong tay một cái khung gỗ, gọi là *Composteur* (tiếng Việt không có nên phải dùng tiếng Pháp. anh em thợ Typo quen gọi là cái *Côm pốt-tơ*) mỗi người thợ phải đứng trước một kệ chữ của mình, có 8 người thợ thì có 8 kệ chữ. Thí dụ anh Ba Búa là thợ Typo, anh đứng trước kệ chữ, tay trái của anh cầm cái *composteur*, tay phải anh lượm chữ P trong ô chữ P, đem sắp vô *composteur*, rồi lượm chữ H trong ô chữ H, đem sắp trong *composteur* bên cạnh chữ P, rồi đến chữ Ô, chữ T, chữ H, chữ Ô, chữ N, chữ G., chữ này kế tiếp bên cạnh chữ kia, thành ra hàng chữ *PHỒ - THÔNG*.

Bà Tú lấy hai ngón tay búp-

măng nòn-nà bốc miếng thịt vịt không xương, chấm mắm gừng, âu-yếm đưa lên miệng ông Tú. Bà lấy thìa xúc một nhúm xôi-vò dút tiếp vào miệng chồng, rồi bảo:

— Nghĩa là họ bốc mấy chữ-cái dựng trong mỗi ô-chữ trong hộc, đem ra sắp kế tiếp nhau trong *composteur* thành một hàng chữ, phải không mình?

— Phải, vì thế nên gọi họ là « thợ sắp chữ ».

— Chữ bằng cây hay bằng sắt hả mình?

— Bằng chì. Có những nhà chuyên-môn đúc chữ bằng chì để bán cho nhà in. Mỗi chữ là một khúc chì ngay-thẳng, tròn-tru, eo độ 3 phân, và rất đều nhau, ở trên đầu là chữ nổi lên, như chữ khắc trong con dấu vậy. Nhưng đây là chữ khắc trên khúc chì, riêng mỗi chữ khắc trên một khúc chì, như chữ *PHỒ - THÔNG* có 8 chữ cái, thì phải sắp 8 khúc chì có khắc chữ P, chữ H, chữ Ô, v.v... kế tiếp nhau và sát nhau lại thành một hàng chữ chì đều nhau.

— Có chữ viết hoa, có chữ viết thường, thợ Typo cũng phải sắp như vậy chứ? Cũng một hộc chữ đó, hay phải đi lấy hộc khác?

Ông Tú thò tay vô đĩa xôi-vò, hốt một nhúm bỏ vô miệng, Nhai nuốt xong, ông nói tiếp :

— Một học chữ, gọi là một casse, chia làm hai phía : phía trên ngăn những ô dựng chữ hoa gọi là chữ cap. (viết tắt của chữ Capitale), phía dưới ngăn những ô dựng chữ thường, gọi là Bas-de-casse (nghĩa là phía dưới casse).

— Anh em thợ sắp chữ Việt-Nam cũng gọi theo tiếng Pháp như vậy sao ?

— Dĩ-nhiên, vì một lẽ là tiếng Việt không có danh-từ chuyên-môn khoa - học, thích ứng vào nghề in, hai lẽ là anh em đã dùng quen rồi, thành ra không ai thay đổi danh-từ làm gì nữa cho mất công. Vả chẳng, dùng theo tiếng Pháp như thế, tiện lợi hơn và dễ phân biệt hơn, cho nên thợ mình đều dùng quen mấy tiếng Pháp ấy ai cũng hiểu hết.

— Sắp chữ xong rồi làm sao nữa, Minh ?

— Thí dụ sắp một bài thơ nhan đề « Con Cu »...

— Bài thơ gì kỳ-cục vậy ?

Ông Tú cười :

— Anh nói thí - dụ mà, hơi

đâu bắt - bẻ ! Thí - dụ bài thơ « Con Cu » như thế này, phải sắp đúng một trang :

Con cu, con cu,

Nó kêu cu - cu,

Nó kêu củ - củ,

Nó gù, nó gù,

Trong nắng mùa thu...

v...v...

Vi-dụ dài thơ ấy dài 32 câu của một bạn đọc ở Kountum gửi về. Giám-đốc nhà Báo đưa anh chef-typo. dặn anh sắp đủ một trang, Chef-typo trao lại một anh thợ sắp chữ như anh Ba-Búa chẳng hạn, Ba-Búa rút học chữ kiểu chelt. Ital. corps 10, đặt trên mặt kệ. Mặt kệ nào cũng hơi nghiêng xuống, để tiện việc lấy chữ. Ba-Búa lấy cái đinh ghim, ghim bài thơ « con cu » trên miếng ván dựng sát vách tường, ngay trước mắt anh. Theo cách lấy chữ và sắp trong composteur như anh nói lúc nãy, Ba-Búa sắp được 5 giòng đến câu « trong nắng mùa thu » thì chật hết composteur. Anh lấy mấy ngón tay kê vào hai bên 5 hàng chữ, kê nâng lên, bùng nó ra đặt trong một tấm ván để trên mặt bàn dài giữa phòng sắp chữ. Rồi anh tiếp tục sắp và lần hồi bùng ra đặt trên tấm ván. Khi bài thơ « Con Cu » sắp xong rồi, vừa đúng cỡ

một trang báo Phở-Thông, gọi là một paquet, một khuôn chữ.

Anh lấy dây nhợ cột chung quanh paquet, và cột thật chắc, thật kỹ, để khi bùng lên khỏi rớt chữ, và khỏi đổ tung ra.

Nhìn vào paquet, thấy chữ sắp ngay hàng, thẳng lối và đều đặn, đẹp lắm. Nhất là khi chữ còn mới tinh, màu chì ánh lên sáng rực, coi dễ thương làm sao. Minh tưởng-tượng một bài thơ như bài « Mơ Tuyết » mà mình yêu nhất, nếu mình thấy lúc sắp chữ thành paquet rồi, màu chì còn mới tinh sáng ngời lên dịu dàng, phẳng-phất, không khác nào một ánh tuyết trong mơ...

Bà Tú mỉm cười :

— Coi chừng kéo mơ-mộng rồi lạc đề nhé.

— Cột paquet chắc-chắn rồi, anh Ba-Búa lấy một ống mực, gọi là rouleau, một ống dài độ ba tấc, tròn độ ba phân đường kính, trong là cốt sắt ngoài bọc một thứ nhựa cao-su, hơi mềm và trét mực in màu đen. Ba-Búa cầm ống mực lăn qua lăn lại trên mặt chữ của paquet. Rồi anh lấy một tấm giấy nhứt-trình còn trắng tinh, lớn bằng trang báo Phở-Thông, nhúng nước lạnh hơi

ướt, rồi đặt lên trên mặt chữ. Anh lấy một bàn chải lớn đập khê-khê trên mặt giấy để cho chữ in vào giấy thật rõ.

Bà Tú ngạc nhiên trở mắt ngó chông :

— Ủa, chớ không in bằng máy à, Minh ? In bằng tay à ?

— Không phải in. Đây là đập thử ra một bản để xem. Danh từ thông dụng ở nhà in gọi công việc này là « Vô Morasse, Morasse, cũng là chữ Pháp, nghĩa là tờ in thử để coi sửa lỗi. Ba Búa cầm tờ Morasse bài thơ « Con Cu » đưa cho người sửa lỗi. Người sửa lỗi là một người chuyên môn sửa các lỗi nhà in, tức là các lỗi sai lầm của thợ sắp chữ, những lỗi ấy gọi là « lỗi Typo », thí dụ như chữ « Con Cu », mà Ba Búa sắp lộn là « Con Cú », thì người sửa lỗi phải lấy viết chì đỏ gạch bỏ chữ « Ú » thay vào thay chữ « U ». Người sửa lỗi được anh em nhà in quen gọi bằng một danh từ lý thú là « Thầy Cò », theo chữ Pháp *Correcteur* : gọi Thầy vì anh ta không phải là thợ, mà thường thường là một thầy, ký, hoặc một nhân viên chuyên sửa lỗi của nhà in từ trước đến

nay. Thầy Cò sửa lỗi xong tra morasse lại cho thợ sắp chữ là anh Ba Búa, Anh này cứ theo cái lỗi của thầy cò đã sửa bằng bút chì đỏ mà sửa lại trên paquet. Thí dụ như chữ *con cu*, anh đã sắp lại thành *con cú*, thầy cò đã sửa lỗi *ú*, thì Ba Búa lấy cái nhíp bằng sắt rút chữ *ú* trong paquet ra và lấy chữ *u* đem lại cắm vào chỗ trống ở paquet, thay cho chữ *ú*. Sửa như thế: nhiều khi vẫn chưa hết lỗi. Vì thầy Cò sửa không kỹ, còn bỏ sót nhiều, hoặc morasse in mờ không trông thấy hết. Thường thường một bài báo phải sửa morasse đến ba lần, mà đến khi in xong, bạn đọc vẫn còn thấy lỗi. Như chữ *Nguyễn-Bá-học* trong *Phê-Thông* số 9, sửa đi sửa lại ba lần mà rốt cuộc khi báo in xong, coi lại cũng thấy lỗi còn y-nguyên, là *Nguyễn-Thát-Học*. Có một lần ở báo *Dân-Ta*, trong một bài xã-thuyết có hai chữ *Bảo-Đại*, thợ sắp lộn thành *Bảo-Đát*, mà thầy Cò phải sửa ba lần: lần thứ nhất, thợ sửa lộn là *Bảo-Dát*, lần thứ ba sửa lộn nữa, thành ra *Bảo-Đát*. Đến khi báo in xong, phát-hành rồi, ông chủ-nhiệm đọc lại thấy cái lỗi lớn quá, nhưng đã trễ rồi. Nếu ông chủ-nhiệm không vận-

động khéo-léo một chút để đính-chánh miệng trên Bộ-Thông-Tin thì số báo ấy đã bị tịch-thu hết?

Bà Tú nghe giai - thoại tức cười quá, cười sặc - sụa, nghiêng - ngã, ly cà-phê đổ nhẹ xuống bàn. Cái ly cũng rớt xuống đất, kêu một tiếng "choảng!", bể nát hết.

Nhờ cái ly bể mà ông Tú vui mừng lật đặt đứng dậy đeo cravate thật lẹ, mặc áo quần thật nhanh, trong lúc bà Tú còn lui-cui dọn dẹp chỗ ly bể và giặt khăn bàn. Bà gọi với ông Tú:

— Nè, mình ơi! Mình nói chuyện nhà - in chưa hết đâu nhé. Mới có "đến chuyện thầy Cò sửa bài, chớ chưa lên khuônghen?

— Đề hôm khác sẽ lên khuôngh.

— Hôm nào?

— 30 tháng 6.

— Nhớ nhé... Mình ơi!

— Ơi rồi.

Nhưng ông Tú đã nhanh chóng chạy lẹ xuống cầu thang, sợ bà Tú gọi nữa...

BÌNH CHÍNH

Trong *Phê-Thông* số 12, ở trang 41, dòng 14 chữ « *Nông cổ minh đàm* » mà ấn công đã sắp nhầm ra « *Mộng cổ minh đàm* » — Mong quý độc giả tự đính chính cho.
P.T.

Người thợ hồ

Em gánh cát,
Anh trộn hồ.
Em đặt gạch,
Anh tô.
Ta gặp nhau trong mùa xây dựng.
Ta yêu nhau giữa đồng gạch hồ.

★

Em gánh cát chạy nhanh nhanh,
Miệng em cười duyên-dáng.
Nhưng mờ-hôi đầm-đìa lai-láng:
— Cho em nghỉ tí nhé, anh?
— Ừ, em nghỉ. Một tí nữa làm nhanh!
Ngày ngày em lại cười.
Dưới bóng cây, em cầm quạt ráo mồ hôi.
Em ơi, em đáng yêu mãi mãi.
Anh sẽ cùng em vui đời đắp tô...
Hò... ơ... Em hát anh hò...
Ta vui, ta sống, ta hò, đi anh!
Hò... ơ... xây vách rồi lại xây tinh,
Tinh ta tươi thắm, vách thành bền lâu.
Hò... ơ...!
Mặc cho thời-gian phá hoại,
Mặc cho chinh chiến phụ-phàng,
Xây sao cho hết làm than.
Dựng sao cho hết điều tàn anh ơi!
Hò... ơ...
Em nguyện đôi vai gánh cát,
Anh thề trộn kiếp trộn hồ.
Em đặt gạch anh tô.
Vui đời xây dựng ta hò đi anh!
Hò... ơ...
Xây vách rồi lại xây tinh,
Tinh yêu đất nước với tình đôi ta!

HUỖNH-TẤN
(Nhatrang)

KIÊN TRINH

Truyện dài của cô VÂN-NGA

(Tiếp theo P.T. số 12)

Kính thưa bạn,

Bạn đừng vội thắc mắc chuyện này có thật hay không về nó do sự tưởng tượng của tác giả. Nhưng nhân-vật trong chuyện nếu bởi một tình cờ nào đó có trùng tên với ai, đấy chỉ là một sự ngẫu nhiên ngoài ý muốn người viết. Nhưng hoặc giả bạn nhận thấy có gì phảng phất sự thật, thì thưa bạn, tiểu-thuyết là phần ảnh cuộc đời, và quyền chuyện nhỏ bé này nòng đơm ít nhiều hơi hướm của một tuổi trẻ vừa qua, của mọi người, của quý bạn...

— Tụi tôi chỉ chọn được Thanh là người xứng đáng hơn hết,

Khanh cũng đồng ý lắm.

— Nhưng Thanh đời nào chịu lấy vợ sớm. Trong tù nó chẳng đã nói là đến 30 tuổi mới tính chuyện lập gia đình đó sao ?

Anh Hón nói :

— Vì vậy nên Ca-vang, Nguyên, Khải và tôi có sự mạng thuyết phục Thanh. Cứ hứa hôn trước rồi một, hai năm sau cưới nhau là vừa...

Các anh vừa nói đến đó bỗng nghe có nhiều tiếng lao xao ngoài trước :

— Anh Thanh về !

Các anh vội đi ra. Tôi bấm chỉ Thành chuông ngả sau. Nhưng khi chúng tôi vừa ra khỏi phòng thì thấy các anh lại trở vào và người đi đầu hơn hết, qua những lời miêu tả của các em tôi, tôi nhận ngay ra là anh Thanh. Chúng tôi cúi đầu chào anh, khấp nép. Anh nhún nhún chào lại. Chừng chúng tôi đi xa, chúng tôi còn nghe anh bảo anh Khải :

— Trụ sở đông người lộn xộn, đừng để phụ nữ ra vào không tốt. Tôi không thích vậy... Mình có phòng tiếp khách đằng hoàng mà...

Tối lại, sau khi cơm nước xong, chị Thành và tôi lại phải đến tìm anh Ba để anh đưa đi dạo phố

theo lời căn dặn của anh ban chiều. Trên con đường tráng nhựa trước trụ sở, nhiều lớp thanh niên đội ca-lô đồ đang quanh quẩn dưới ánh sáng yếu ớt của cột đèn đường để chờ giờ khởi tập dạ chiến. Đoàn của anh tôi có tiếng là tập luyện khắc khổ hơn các đoàn khác. Anh Khanh ra đón chúng tôi, theo sau có các anh Khải, Trung và Thức đều mặc diện bảnh bao.

Trung và Thức nằng nằng đòi theo chúng tôi đi chơi phố. Anh Ba tôi bảo :

— Tụi bây liệu đi được, cứ đi.

— Sao lại không ? Tập mãi cũng chán, mình nghỉ một đêm chả làm sao.

Chúng tôi vừa đi được mươi bước thì gặp anh Thanh đang kia đi lại. Thanh nhíu mày lại, ngạc nhiên :

— Các bạn không tập đêm nay ư ? Cho tôi biết lý do...

Anh Ba tôi bảo :

— Tôi đã có xin phép nghỉ tập để đưa em tôi đi mua sắm các vật dụng để mai nó về ruộng...

— Còn Khải ?

— Tôi là anh họ, cần phải đưa mấy em nó đi thăm viếng các nơi quyền thuộc.

— Còn Trung ?

Trung ngăn người đưa tay gỡ đầu một tý và nói :

— Tôi ? ... Tôi là... em của Khanh.

— Thế ư ? Hai người bà con với nhau à ? Thế mà từ lâu rồi tôi không được biết chứ ? Nhưng, em đó là em gi ?

Câu hỏi thiệt các cớ. Trung bị tấn vào vách ấp úng :

— ... Là em..., hừ..., là em gì mà không nói dùm tao đi Khanh!

Anh Ba tôi lém lỉnh bảo :

— Em gi à ? Chính tao còn đang phân vân chưa rõ đấy. Đề sau này tao về giờ gia phả xem lại..., nhưng tao không nhớ có tên mày trong đó.

Thanh lại quay sang hỏi Thức :

— Chắc bạn có một lý do chánh đáng hơn ?

— Không. Tôi cũng mang máng là có bà con với Khanh, nhưng chắc nhiều đời quá rồi nó quên.

Câu trả lời của hai anh Trung và Thức làm cho chị Thành và tôi nhin cười không được, phải dẩu mặt ra sau.

Thanh nghiêm giọng lại :

— Các bạn cũng biết không ai được vắng mặt trong buổi tập, ngay cả tôi nữa. Chúng ta không nên đùa, vì tất cả chúng ta sắp ra tiền tuyến. Trước một kẻ địch rất nguy hiểm mà chúng ta sẽ phải gặp, chúng ta lấy gì đương đầu với súng ống tối

tân của chúng, nếu ta không đặt lòng yêu nước bên cạnh những võ khí thô-sơ và lỗi thời của ta? Nhưng không phải hễ cứ yêu nước là lăn xả vào tầm súng địch như bầy thiêu thân trước ánh đèn, mà còn phải biết bảo vệ đất nước một cách đặc lực và hiệu-quả, đem sự hy sinh mình để đổi lấy thắng lợi về vang cho dân tộc. Sự kiện ấy đòi hỏi chúng ta, ngoài can trường và dũng cảm phải có, một tập luyện không ngừng, một học hỏi luôn luôn cố gắng và chúng ta tự đặt vào một kỷ luật sắt để không sao lãng một giây phút nào trước trách nhiệm lớn lao đang quăng nặng trên vai. Các bạn có đồng ý chỗ đó chứ? Vậy xin mời các bạn trở lại hàng.

Trung và Thức lặng lẽ đi về đoàn. Thanh lại bảo cùng anh Ba tôi:

— Anh đi phố... liệu chừng về cho sớm. Sau buổi tập đêm nay, có một cuộc họp giữa các anh em mình...

Khi Thanh đi rồi, anh Ba tôi nheo mắt hỏi anh Khải:

— Các anh đã bàn chuyện ấy cho Thanh nghe chưa?

— Có, Thanh ngạc nhiên về quyết-định của mấy anh em. Ban đầu, Thanh viện lẽ là vấn

đề đó đề cập quá sớm, nhưng chúng tôi uống ba bát rượu ra thuyết dữ lắm. Thanh hứa sẽ suy nghĩ...

Anh Ba tôi cười khê và nói úp mở:

— Vậy mà... khi này em... tôi nó làm nghiêm quá xá, bắt mình phải ón với nó chứ!

Khải cũng cười:

— Phải vậy, bằng không ai chỉ huy nổi đám mình?

Châu-thành Rạch-giá dạo này, về đêm, có vẻ buồn tẻ. Các thời ăn chơi vô trách nhiệm đã qua, tình hình nghiêm trọng đang đè nặng trên tâm tư mọi người. Các phố buôn thừa thớt, các quán nước không còn đặt-gật những người quanh quẩn bên ấm trà hay hủ hủ trước ly «sủ phé» để dư thời giờ góp chuyện nắng mưa, và các hàng mì, cháo đỡ dạ về khuya cũng đã giải nghệ vì thanh niên trong giờ gát đêm đã có bánh tét ủng hộ đỡ lòng. Nhiều tiệm buôn to đóng cửa sớm, và ánh đèn lồng tù mù treo dưới mái hiên soi mập mờ một lá cờ thanh thiên bạch nhật to tướng nằm căng dưới bản hiệu như nhắc nhở đến sự trung lập của hàng con buôn chỉ biết có mục đích duy nhất là làm giàu trên

đất khách quê người đã cru mang họ một cách quá ư hậu đãi. Thuở ấy đi đâu người ta cũng gặp lá cờ ấy, cờ giăng nhan nhản khắp nơi, chỗ nào cũng có từ cổng ngoài đến cửa trong, từ hong vách đến nóc nhà; các ông ba-tàu quá kỹ lưỡng cứ sợ người ta không biết dụng ý của các ông, muốn bảo khéo: « nhà này là nhà của đồng minh trong khối ngũ cường, đừng dại dột động đến mà khờ! » Thậm chí, có nhiều cậu thanh niên từ lọt lòng mẹ đến khi khôn lớn vẫn nói lưu loát tiếng Việt và vẫn hồ thảm trong bụng khi bị gọi là người minh-hương, nay bỗng dùng một cái đã trở giọng nói lo-lo như tưởng chưa biết húp nước mắm bao giờ và đi đâu cũng bận bộ đồ xá-xẩu với biểu hiệu Trung Hoa quốc dân đảng con con gấn nơi ngực, thế vẫn chưa đủ, các cậu lại còn kèm theo hai lá cờ nhỏ phe phẩy trước và sau xe máy nữa!

Thói ỷ lại vẫn là thói xấu của con người, nhưng nơi đây người ta đã sớm bộc lộ thái độ một cách nông nổi và hợp tốp. Lại có người tệ hơn nữa, chưa chi đã lên mặt đàn anh, dõ dỏi lại những tư thù cá nhân từ năm xưa nào!...

Không lúc nào tôi thấy xấu hổ cho những đồng bào bên nội của

tôi bằng lúc ấy. Và tôi chưa sót không ngần khi nghĩ đến những người cùng mang hai giòng máu như chúng tôi, đã trốn lánh bên phạm tội yếu mà lẽ ra giờ phút này họ phải sát cánh tranh đấu cho Tổ-quốc thứ hai đã hàm dưỡng nhiều đời nhà họ, đã cung cấp cho họ gạo trắng, nước trong, quần sang, áo đẹp hơn cả những người con Việt chính cống suốt đời lam lũ trong cuộc đời lấy lợi ở thôn quê!...

Chúng tôi gặp anh Hiền, một huê-kiều của thời cuộc. Hiền nhìn anh Ba tôi và ngạc nhiên lắm:

— Khanh, bộ mày đi đánh giặc thiệt sao?

Hiền là bạn tâm thích khi xưa của anh tôi, nên không ngại bụng nhau. Anh tôi nói:

— Có gì mà phải ngạc nhiên khi tao ra tranh đấu để bảo vệ quê nhà?

— Nhưng mày cũng được quyền hãnh diện... vì giòng máu bên nội chứ?

— Một đứa con chối mẹ, còn quyền gì hãnh diện với ai? Trước khi biết bên nội, tao đã sống và trưởng thành ở đất mẹ. Bao nhiêu đó không đủ bắt buộc phải nhận thức một trách nhiệm sao? Tội bây nghĩ làm rồi, tội bây tưởng rằng có thể đứng ngoài

thời cuộc được, nhưng không đâu, rồi tội bây sẽ tử nhục vì bị người đời khinh rẻ và, tội bây như những đứa con hoang sẽ thấy rõ không còn đâu bao dung và che chở tội bây bằng nước mẹ, thì chừng ấy tội bây nhớ rõ rằng chúng tao vẫn mở lòng ra đón đợi...

Chúng tôi đi mua sắm lật vạt vài món rồi trở về. Anh Ba và Khải trở lại trụ sở, chị Thành và tôi thì về bên kia cầu Đức. Khi đi ngang nhà bảo sanh Nguyễn-thị-Thỉnh, tôi kéo tay chị Thành lại :

— Chúng mình vào thăm chị Sáu, nhé chị.

— Ừ, đề hỏi thăm tin tức chị Năm nữa... Tội nghiệp ! Chị Năm tử tế, ai cũng mến thương !...

Nhà bảo sanh của chị Năm được lệnh ngưng hoạt động, quang cảnh bên trong âm thầm và buồn bã. Sân gạch trước nhà mới hôm nào còn lảnh lót những tiếng nô đùa, ca hát của bầy thiếu nhi dưới sự chăm nom và dạy dỗ của chị, giờ đây chỉ còn là khoảng đất trống lác đác những lá me sấu rơi rụng qua ánh đèn đường vàng nhạt, buồn hui hắt..

Cảnh vật ấy làm cho tôi chạnh lòng tưởng nhớ đến người chị Năm đáng kính của anh Thauh là một người đàn bà trẻ đôn hậu

và hiền đức, rất tốt bụng đối với mọi người, đã thương tưởng đến tôi và có mỹ ý ghép tôi vào làm dâu một gia đình phúc đức như gia đình ông bác sĩ. Giờ phút này đây, hồi ơi, chị đang ôm hận lòng trong khám lạnh và một chuyện nhỏ nhen, vô lý. Chị Năm bị cầm tù là một điều

hoang mang kinh sợ cho toàn thể phụ nữ tiền phong ở tỉnh. Ai cũng biết rằng chị là một trong những phụ tá đặc lực cho chị Luận, vợ nhà hào chế sự kiêm chủ tịch ủy ban nhân dân, tỉnh bộ, và chị Luận là đoàn trưởng tỉnh bộ phụ nữ tiền phong ở Rạch giá. Gia đình anh Luận và gia đình ông bác sĩ Bình là chỗ quen biết lớn, tinh thần thích đậm đà tự thuở nay, hơn nữa anh Luận lại là bạn đồng nghiệp với anh Tư Tiên hiện ở Sài-gòn là anh ruột của chị Năm.

Chị Luận hiểu rõ hơn ai hết cuộc đời tình cảm của chị Năm là một thiếu nữ xấu số trên tình yêu, đã có chồng đi hỏi rồi chồng bị chết, sau lại có hứa hôn với một người Pháp thì người Pháp ấy bị Nhật bắt quân thúc trên Sài-gòn.

Một hôm, chị Luận và chị Năm cũng lại giờ chuyện tâm tình ra nói với nhau. Chị Luận hỏi chị Năm :

— Bây giờ em còn tưởng nhớ đến người ấy nữa không ?

— Em muốn quên mà không được chị ạ.

Người ta bảo ái tình không đẳng cấp, không biên giới, không màu da là đúng đấy, chị ơi ! Nhưng yêu chồng như em có tội tình gì không và làm sao ngăn cản được tiếng đập con tim ?

— Thế ví dụ người ấy đang tìm em, em có thể bỏ hàng ngũ mà theo không ?

— Câu hỏi của chị, em khó trả lời lắm. Nếu bảo không thì là dối, còn bằng nhận chịu, ai hiểu tình cảnh mà thương cho mình ? Anh ấy là một người tốt, có tinh thần hiểu biết và thân thiện, anh không làm hại gì cho một ai và đoàn thể có vắng em cũng không thiệt gì đến cao trào đang lên, phải không chị ?

Câu chuyện tâm tình nọ lọt ra ngoài và chị Năm bị bắt ngay chiều hôm ấy. Anh Thanh cố vận động để bảo lãnh cho chị được ra, nhưng khốn nỗi, người ta đã xem anh là một người nguy hiểm cho cái chế độ đảng trị đang sắp thực hiện.

Hai người em gái của chị Năm, đứng dưới hàng anh Thanh, là cô Mười và cô Mười Một đang tham gia đoàn tuyên truyền lưu

động, nghe được tin bất tường ôm nhau khóc mũi. Cô Mười Một cảm tức bảo :

— Ai ám hại chị Năm tôi, nếu không là chị đoàn trưởng ? Người ta muốn củng cố địa vị của mình bằng cách tố cáo người thân đã tin tưởng ở sự kín miệng của mình à ? Chị em trong đoàn thể không dạy bảo được nhau sao phải dùng đến biện pháp gặc góm lăm vậy. Tôi không phục !

Cô Mười dè dặt hơn, khuyên nhủ em :

— Em đừng nói vậy mà mich lòng người, lại sanh ra những điều không tốt nữa.

— Thi người ta bỏ tù đưa con gái mười bảy tuổi đáng lẽ em của họ nhưng hơn họ ở chỗ có can đảm đã kích những hành vi ám muội.

Cô Mười Một suốt bị bắt vì lời nói phần uất ấy, nếu không có các bạn sinh viên đứng ra bảo lãnh. Gia đình ông bác sĩ càng bị dòm ngó với cặp mắt không tốt.

Một hôm nọ, có người đến vấn nạn ông bác sĩ :

— Anh giỏi về mổ xẻ, thí dụ có một tên lính Pháp bị thương, đến cầu cứu với anh, anh phải làm sao ?

Ông bác-sĩ là một người rất

ngay thẳng, thấy một anh chàng lác các chỉ bằng tuổi con cháu trong nhà mà lại ăn nói xấc-xược thì biết cái bầy người ta giương ra để hại ông, nhưng ông vẫn trả lời:

— Y học tượng trưng lòng bác ái, đứng biệt lập hẳn những thù hằn và tranh chấp.

— Vậy nghĩa là anh không chích chết kẻ đã giết hại đồng bào anh?

— Trước sự đau đớn của loài người, tôi chỉ biết có lòng nhân đạo mà thôi. Và nếu anh đã có từng bị đau ốm, anh sẽ khổ sở thế nào trước một bác sĩ thiếu bòn phận? Lời thề của chúng tôi khi ra trường là hết lòng tận tâm trong cái nghề cao quý của chúng tôi, cũng như sẽ mãi mãi hy sinh cho nhân loại vậy.

Sau hôm đó, ông bác sĩ nhận được lệnh phải đi quản thúc ở quận Phước Long và một nhân viên chánh quyền đã nói một câu bất hủ vào tai ông:

— Cách mạng vô sản không cần bọn trí thức, vì trí thức các anh là một bọn hèn nhát không giám công nhận là tất cả phương tiện đều tốt.

Tối hôm ấy, chúng tôi ghé vào nhà bảo sanh thăm chị Sáu trong lúc chị đang cù bị đồ đạc để

ngày mai cùng gia-quyển đi về nơi bị quản thúc. Chị buồn bã thổ lộ cùng chúng tôi:

— Gia đình chị làm một tay nặn lớn lao như vậy, không biết sau này còn xảy ra việc không lành gì nữa không? Chị Năm bị vu cáo thông đồng với địch, em Bảy lúc trước làm cảnh-sát trưởng trong thời chánh-phủ Trần-trọng-Kim đã bị đày xuống Cà-mau mà sự sống chết hiện giờ chưa rõ, rồi bây giờ lại cả gia đình đều phải quản thúc với tấm thẻ nguy hiểm số 1 mang nơi ngực nữa!

Chúng tôi an ủi chị:

— Đây là biện pháp độc đoán của một thiểu số người đặt tư thù trên công ích, chúng sẽ không ở lâu trên địa vị, và một ngày kia gia đình chị lại được vui vẻ tở về tỉnh thành còn lưu luyến bao nhiêu kỷ-niệm êm đẹp vừa qua.

— Không chắc có ngày trở về đâu, hai em ạ. Chị nghe đồn ở những nơi khác, trước khi giặc tràn tới, người ta hạ sát những người bị quản thúc không cần biết là oan hay ứng.

— Chị đừng vội bi quan, thế nào rồi mấy anh cũng tìm cách cứu gỡ.

Chị Sáu buồn rượi nhìn vào

bóng tối trập trùng bên ngoài, thở ra một cách náo nuột:

— Tám, Chín và các bạn cũng không chắc được yên vì đã bị họ xem như là những cây đinh sắn mắt họ...

Tôi liền bảo cùng chị Sáu:

— Hai bác thuở nay làm ơn, làm phước không biết bao nhiêu lẽ nào gia đình lại lâm vào cảnh vong, phá hay sao? Em đã có qua những lúc tuyệt vọng và chỉ thấy mù mịt trước mắt những hắc ám xấu xa, thế rồi không ngờ mọi sự lại an bày rất nhiệm màu mà dù người ngoan cố đến đâu cũng phải tin tưởng có một định luật huyền bí đang chi phối vận mạng con người.

Chị Sáu gật đầu, bảo tôi:

— Chị nhớ mãi lời khuyên của em. Có tin tưởng, con người mới đủ sức phấn đấu mà lắm khi sự phấn đấu quá sức con người, và chỉ có đức tin mãnh liệt vào một sự cứu giúp thiêng liêng mới giải thoát được người trong cuộc ra khỏi bước chông gai...

Chúng tôi ngồi nằng lại trò chuyện cho chị khuây khỏa đôi phần, bỗng chợt trông thấy anh Thanh đi vào. Có lẽ cuộc họp vừa tan, anh đến thăm chị của anh trước buổi phân ly.

Con cháu Minh mới lên sáu tuổi là con gái của anh Bảy, đã

sớm mất mẹ và thuở giờ vẫn ở với hai chị, ngùi ngùi bước lại chào chú nó và thổ thổ:

— Chú Chín ơi, mai này em đi quản thúc với ông nội và bà nội...

Thanh đưa tay vuốt đầu cháu, môi khẽ mím lại, mắt nhìn xa xăm, không nói gì cả. Tội nghiệp! Con bé nhỏ choác như thế mà đã hiểu thế nào là đi quản thúc rồi!

Con cháu Minh tuy nhỏ tuổi nhưng ăn nói khôn ngoan lắm, nó kéo áo chú nó và bảo rằng:

— Sau này chú có gặp ba, chú nói dùm em nhớ ba em lắm, em trông chờ ba về với em từng ngày một!...

Anh Thanh nhìn sừng vào đứa cháu mồ côi, chớp mắt liền mấy cái rồi ngoảnh mặt giả bộ ngó lơ chỗ khác để che dấu đôi hàng nước mắt rưng rưng tuông trào. Đây là lần đầu tiên tôi theo bản tính tò mò của người con gái, đã nhìn kỹ người thanh niên ấy. Anh còn trẻ hơn tôi tưởng, trạc hai bốn trở lại, và tánh trầm ngâm ít nói. Anh ngồi khuất trong tối, bóng đen bao vờn lấy khuôn mặt ốm thỏ ong của anh, chỉ để lộ cho thấy một vùng trán sáng sủa đang nhăn những nếp suy tư và cặp mắt nhìn vào ai như

soi bóí lòng người ta, đã dụ đi những tia sáng tinh anh để nhường lối cho một vẻ mơ buồn nằm ẩn sau lòng mắt kiếng cận thị. Anh cố dấu mọi người những nỗi khổ tâm dày vò trong anh.

Theo anh Ba tôi thổ lộ cho biết: nếu anh Thanh chỉ từ một tiếng, anh đã được người ta trọng dụng ngay, nhưng anh thà chết chứ không phản bội anh em và ý chí của một người yêu nước chân chính. Người nắm quyền thật sự ở tỉnh là Tiếng, cán bộ nòng cốt của Đảng thuở ấy, vẫn còn tiếc rẽ tài anh và mỗi khi gặp anh, Tiếng ngừng ô-tô lại, xuống bắt tay hỏi chuyện anh rất niềm nở. Thanh không lấy đó làm hãnh diện và thờ ơ đối đáp lại theo phép xã giao. Một hôm, Tiếng gọi một bạn đồng chí cũ của Thanh là họa - đồ Quý đến khuyên Thanh nên thay đổi lập trường, Thanh chỉ cười nhạt:

— Nếu mục đích tranh đấu của chúng tôi là cầu an và luôn lỗi thế lực thì những hứa hẹn của anh quá đầy đủ cho một kẻ tham lam, nhưng không anh ạ, chuẩn đích của chúng tôi là tranh đấu cho Tự - do và cho Dân-tộc. Ai cùng một chí hướng ấy là bạn với chúng tôi, cần gì bàn cãi lập trường nào khác?

Câu chuyện trên xảy ra cách một ngày trước khi gia đình ông bác sĩ được lệnh đi về nơi quản thúc. Anh Thanh buồn lắm nhưng không nói ra, vì trước lòng tin tưởng của các bạn, lúc nào anh cũng giữ vững tinh thần.

Con cháu Minh thấy chú không nói rằng, lại hỏi:

— Chừng nào chú theo về với ông nội?

Thanh lắc đầu đáp lại:

— Chú chưa biết được, vì chú còn bòn phận bắt buộc...

— Nhưng người ta hại gia đình mình?

Thanh nhìn chị Sáu và cuối xuống trả lời bé Minh:

— Chính vì vậy mà chú phải làm một cái gì để đình chánh sự ngờ vực và hiểu lầm kia.

Sáng lại, tôi về ruộng sớm cho nhằm con nước, lòng hơi buồn buồn vì không thể ở nắng lại tiễn đưa chị Sáu đi về nơi quản thúc. Mãi về sau, tôi lại được thêm một tin đau lòng nữa là người ta đã giải chị Năm về Cần - thơ để tòa án nơi ấy xét xử. Thuở ấy, người ra đi ít khi được về! Tôi nghĩ đến số phận của chị Năm không biết sẽ làm sao, mà ngần ngại sâu thẳm cho gia đình ông bác sĩ, đất bằng dậy sóng, bỗng nhiên mang lấy những tai ách tày đình!

Việc gia đình ông bác sĩ cũng như hầu hết những trường hợp bị hạ bệ của nhiều gia đình khá giả trong tỉnh đã làm cho tôi mang máng hiểu rõ chánh trị là gì. Ôi, người ta đã lợi dụng danh từ quá nhiều, và làm chánh trị theo nghĩa ấy phải chăng là một nhãn hiệu để che đậy lòng dục vọng của con người? Con đường chánh trị, tôi ngỡ là tốt đẹp lắm, nay lại hiện dười mắt tôi là một con đường lầy lội, như nhớp, đầy những quanh co, khúc khuỷu mà ai đã đi vào ấy phải bỏ rơi lại lòng thành thật của con người và bắt buộc phải mưu mẹo, lừa dối lẫn nhau, chen lấn đẩy xéo lên nhau, hèn hạ tặng đến sau lưng nhau những ngón đòn giết người để mình không bị làm vào trường hợp trái ngược lại. Đó là một cuộc trả thù liên miên nhau giữa người và người, giữa dân tộc này với dân tộc khác, và nguy hại hơn nữa nó thành một xâu xé quyết liệt giữa chủ nghĩa này với chủ nghĩa nọ, hoặc giai cấp này với giai cấp nọ, — mà ai cũng biết con người cần phải sống chung hòa bình với nhau —, để cho luôn luôn có một bên bị thiệt thòi, bị tiêu diệt!

Người ơi! Người hãy nhìn lại Người đi! Người chỉ là cát bụi! Người có làm cho lắm, Người cũng trở về với cát bụi.

Nhưng cát bụi còn hòa hợp với nhau, hạt này ôm ấp lấy hạt kia, chứ còn Người? Người đã rải rộng lòng thương cho đồng chủng Người nơi cõi tạm này chưa? Chỉ có lòng thương là một kho vô tận, Người có ban bố khắp cả, Người mới nhận lãnh lại nó từ ở khắp nơi, Người tránh được bao nhiêu đổ vỡ, bao nhiêu nhân quả chèo - kéo nhau mãi mãi thế hệ này qua thế hệ nọ mà thật ra chỉ là một khoảng khắc ngắn trong không gian! Người muốn bảo là tình thương sẽ không giải quyết được gì ư, nhưng Người đã thương đúng mức chưa? Hay là Người vẫn còn tiếc thương một con vật đau ốm người nuôi trong nhà, trong khi một đồng loại của Người mắc bệnh phun cùi lở loét đang lê lét qua ngang cửa mà Người không chút đoái hoài, hở Người!..

Luôn mấy ngày, tôi bị những ám ảnh đen tối lẫn quần mãi trong trí. Trong khi cuộc tranh đấu của dân tộc chưa thấy dạng một lối thoát nào, thì từ Hà-nội chí miền Đông Nam-Việt, đã nảy ra những tranh chấp đảng phái có thể đưa đến một sự tương tàn đáng tiếc.

(Còn nữa)

Vài dật sự về cụ

PHAN-BỘI-CHÂU



Ồi còn bốn-ba nơi hải-ngoại, cụ Sào-Nam đã từng giao-du thân mật với nhiều chánh khách Hoa-nhật, lừng danh như Lương-Khải-Siêu, Hồ-Hán-Dân, Tôn-dật-Tiên. Khuyên-dưỡng-Nghị vãn, vãn....

Khuyên-dưỡng-Nghị là một chánh-trị gia lỗi-lạc trong thời-kỳ Nhật bốn duy-tán. Ông là bạn thân của

cụ Phan, đã từng nâng đỡ cụ rất nhiều trên bước đường lưu-vong phục quốc. Khuyên-dưỡng-Nghị đã bị đảng chánh-trị đối-lập ám-sát trong khi ông đang giữ chức thủ-tướng nước Nhật. Được tin ấy, cụ Phan có làm đôi câu-đối, phúng-điếu như sau :

« Thất tuần dư chánh-trị sanh nhai, vô hạn hùng tâm, phương-tương dư, Đông-Á, Tây Âu gian, nhất thanh sắt-sá.

« Vạn lý ngoại bô-đào ký khách, hữu thù tri-kỷ, nãi bất liêu Phú sơn, Hoành-hải tể, tứ cố thương mang.

七旬餘政治生涯、無限雄心、方相與東亞西歐間、一聲叱咤
萬里外遁逃寄客、有誰知己、乃不料富山、橫海際、四
顧滄茫

Tạm dịch :

« Tuổi bảy mươi chánh-trị là nghề, giải tẩm lòng son, họp cùng nhau Đông Á, Tây Âu, một hơi ấm ỉ,

» « Ngoài muôn dặm bốn ba đất khách, ai người tri-kỷ, khôn liêu được biển Hoành, non Phú, bốn phía mệnh mang.

Trong về đầu, cụ Phan tán-dương công nghiệp hiên-hách của nhà chánh-trị Nhật. Trong về sau, cụ bày tỏ nỗi lòng cô-độc, thiếu người tri-kỷ, trong bước lưu vong.

Tôn-Văn tự Dật-Tiên nhà đại cách-mang nước Tàu, cha đẻ nền cộng-hòa dân quốc Trung-Hoa, từ-trần năm 1925. Tôn là bạn cố-gia của cụ Phan, nên cụ cũng có gửi viếng đôi câu đối :

« Bắc dĩ an vi loạn, Nam dĩ loạn vi an, anh-hùng trường hận.

« Ngã nghi tử nhi sanh, quân nghi sanh nhi tử, đại-tao hà tâm,

北以安爲亂 • 南以亂爲安、英雄長恨 • 我宜死
而生 • 君宜生而死、大造何心、

Tạm dịch :

« Bắc vừa an lại loạn, Nam trước loạn sau an, anh-hùng hận mãi

« Tôi đáng tử mà sanh, ông nên sanh lại tử, trời nở lòng nào.

Ở về đầu, Cụ Sào-Nam đề cập tới thời cuộc rối beng của nước Tàu thời bấy giờ, bị bọn quân-phiệt tung-hoành, gây cuộc nội chiến giữa hai cánh quân Nam, Bắc, làm cho Tôn-Văn, tới lúc chết cũng chưa thực-hành được mộng thống nhất lãnh thổ, đành mang khối hận xuống tuyền đài.

Ở về sau, cụ Phan khiêm-nhượng cho rằng mình đáng chết lại không chết, trong khi Tôn-Văn là người đáng sống mà trời đất vội cướp đi.

Khoảng năm 1935-36 gì đó các nhật báo ở Saigon đều có đăng một « lời rao » mở trường dạy làm thi, bằng lối hàm thụ, của cụ Phan-bội-Châu.

Đại ý cụ muốn dạy không lấy tiền, cho đồng bào nào, muốn học làm thi với cụ. Trong « lời rao » ấy, cụ có giải-thích sơ-lược về lối làm thi và có kèm theo một bài thi « làm mẫu ». Bài này tựa là « Vô đề » (Không có đầu đề) làm theo lối thất ngôn bát cú như sau :

« Vàng khè, trắng toát, khác đôi bên,

« Thấy kẻ ai chê, mặc kẻ khen.

« Sông núi lở-làng màu lịch sự

« Gió trăng chòn chợ mối nhân-duyên.

« Chẳng long-lay đến lòng son-sắt,

« Há hồ-ngươi vì miếng bạc-đen.

« Ba chén xong-rồi, ai ấy bạn ?

« Một pho kinh phật, một cây đèn.

Theo lời chú thích, thì cụ dặt ý nhất về hai cặp trạng và luận. Ngoài các chữ đối chọi nhau thật cân-xứng, còn có hai điểm kỳ thú là ở cặp trạng có hai danh từ kép: lơ-làng và chồn chợn, trong đó chữ lơ (nhà quê) đối với chữ chợn (thành thị) thật khéo. Ở cặp luận cũng thế: hai danh-từ kép long lay và hồ ngời, trong đó chữ long (rồng) cũng đối với chữ hồ (cọp) thật chính. Cụ Phan dặt biệt nhấn mạnh về bốn chữ ấy, vì đây là một lối chơi chữ rất tinh-vi trong nghệ thuật làm thơ. Hai câu chuyện và kết cũng hay tuyệt, đọc lên ta thấy phảng-phất một mùi đạo vị say sưa. Đó là về phần hình thức còn về ý nghĩa bài thơ, vì cụ đề tựa là « Vô đề » mà cũng không giải-thích rành rẽ, nên mãi tới nay người ta vẫn phân vân, chưa hiểu nghĩa ra sao, nhất là câu phá.

Người ta tự hỏi: không hiểu cụ Phan muốn dùng mấy chữ « vàng khè, trắng toát » để ám chỉ việc gì? Có người cho cụ Phan ngụ ý kỳ thác một tâm sự gì đó. Người khác bàn rằng: cụ muốn ám chỉ hai nền văn-minh Âu-Á, (giống da trắng và giống da vàng) nhưng không biết có đúng với ý-trưởng của cụ hay không?

Vấn hữu bốn-phương, có vị nào hiểu rõ vấn đề này, xin góp ý kiến thêm, để cho giai thoại văn-chương trên đây, thêm phần sáng tỏ.



★ AI LÀM BIẾNG NHẤT

Tèo vừa đi học về, ba nó hỏi:

— Tèo, trong lớp con đũa nào làm biếng nhất?

Tèo đáp:

— Thưa ba con làm sao biết được.

Ba trò Tèo cất nghĩa:

— Thì con cứ coi ở trong lớp, khi mà ai nấy đều chăm chú làm việc, đũa nào ngồi không chơi, thì đũa đó là đũa làm biếng nhất.

Tèo suy nghĩ một chập rồi đáp:

— Chính thầy giáo là người làm biếng nhất.

★ Thi sĩ ★ Văn sĩ ★ Tiền Chiến ★

4. — TRƯƠNG - TỬU

★ NGUYỄN-VỸ



ƯƠI hai giờ trưa, một người bạn quen đưa đến tôi một người

bạn không quen. Chàng mặc áo dài thâm, tóc vuốt ngược, đi guốc, cũng chạc tuổi với tôi. Cái tên của chàng đối với tôi lúc mới tao phùng, có lẽ không có nghĩa lý gì cho nên bạn tôi, anh Trương-Lâm, vừa giới thiệu xong là tôi quên tên ngay. Nhưng nụ cười của chàng đầy ý-nghĩa. Nụ cười chân thật, hoan-hỷ, nụ cười của một chàng thanh-niên tự tin nơi một sứ-mạng huyền bí nào đó mà tự mình nhận thấy số kiếp đã gán cho đời mình.

Mới bắt kiến vi kiến, quen nhau chưa đầy mười lăm phút, anh chàng mặc áo dài thâm với nét mặt gàu guốc, cặp mắt sáng quắc đầy vẻ thôi miên, tiếng nói khàn khàn nhưng rất lời cuốn,

đã xô ra cho tôi nghe một tràng triết-lý, lẫn lộn siêu-hình-học, thần-linh-học và tâm-lý-học, sặc một mùi, Paul Janet!.. Tôi mỉm cười ngồi nghe say-sưa.. Tiếng của anh chàng vang nhịp nhàng trong tai tôi. « *Voit, pour prévoir, prévoir pour pouvoir..* » Như một âm nhạc. Âm nhạc của trí thông-minh rộng lớn, mệnh mệnh. Chàng nói bằng tiếng Pháp.

Tôi còn giữ hình ảnh của Trương-Tửu như thế, hôm mới quen nhau, trong tiếng đồng hồ đầu-tiên của cuộc thâm-giao gần bó hai tâm hồn văn-ngệ.

★



MỘT GIỜ, anh ra về, Tôi đưa anh xuống cầu

thang ra đến cửa. Hai năm tay giết chặt nhau, bốn mắt nhìn nhau, hai nụ cười im lặng.

Cuộc gặp-gỡ đầu-tiên này đã in ngay trong trí-óc của chúng tôi mỗi cảm-giác rõ-rệt là hai người thông-cảm nhau bằng hai thái-cực. Cảm-giác ấy được xác-nhận không sai-lầm suốt mấy năm về sau, trên quan-điểm văn - học cũng như chính-trị, tôn-giáo, triết-học, xã-hội. Hai tâm-hồn và hai tính-chất khác hẳn nhau, mà hòa-hợp với nhau rất dễ-dàng, tự-nhiên, — trực-nhiên.

Trương-Tửu có khiếu ngôn-ngữ và lý-luận. Lời nói của anh là một sản-phẩm của máy-móc, lý-luận của anh là một dây chuyền ngôn-ngữ phối-trí chặt-chẽ, liên-kết mạch-lạc, và rền dũa với một nghệ thuật tinh-vi tế-nhị.

Với rất ít, anh xây dựng, rất nhiều. Với một chấm nhỏ nảy ra từ hình-thức của sự vật, anh kéo một đường thẳng đi tới tư-tưởng vô-cực. Anh là một nhà toán-học chống giáo-ly (un mathématicien anti-dogmatique) đi tìm một giải-đáp cho các bài toán của nhân-sinh, với những công-thức rất sơ-sài mà tự anh chế-biến lấy.

Và không bao giờ anh làm đúng, ít khi anh nói phải, nhưng luôn luôn anh thành-công.

Trương-Tửu không phải là một hiện-tượng. Anh là một trường-

hợp. Nhưng một trường-hợp đặc-biệt : với anh, sai-lầm chống với chân-lý, và luôn luôn sai-lầm thắng chân-lý. Đôi khi tôi có cảm giác rằng anh đã ngẫu-nhiên đi lạc hướng theo EM-MANUEL KANT, vì chính anh chống lại lý-trí thuần-túy. Anh cũng bình - phẩm lý - trí thực - tế.

Tôi tiếc quá, giá sử Trương-Tửu biết mơ - mộng một tý, một tý thôi, thì thuyết - lý của anh sẽ đượm đôi chút tinh-hoa của Lý - trí thiêng - liêng. Thì đẹp biết bao nhiêu !

Nhưng không ! Anh chống cả với Thiêng-Liêng !



Trương - Tửu sinh - trường nơi một gia - đình trung - lưu, ở ngoại - ô Gia - lâm, trong một thôn - quê nằm dài theo con sông Hồng - Hà, bên kia Hà - nội. Tôi đã tới nhà anh hai ba lần. LÊ - VĂN-TRƯƠNG có khi đến ở đây cả tháng. Xuất-thân từ trường Bách-nghệ Hải phòng, Trương - Tửu thuộc về dòng giống nhà Văn tự-học, như PHẠM - QUỲNH và vài người khác. Có lẽ một phần

nhờ trường Bách nghệ huấn - luyện mà Trương - Tửu đã có sẵn thiên - tài văn - nghệ lại tự đào tạo được một tính - thần máy móc cứng - rắn. Lý - luận của anh rất danh - thép mà câu văn của anh cũng như búa như kềm. Lời nói của anh vang ra như tiếng đập sắt trên đe. Lúc nào cũng nảy lửa, nghe lâu chát cả tai, có khi rùng rợn như tiếng cười trong thế - giới Homère, có khi xôn - xao kinh - khủng như lửa cháy Sodome, và Gomorre.

Thân - sinh của Trương-Tửu (mẹ chết sớm) có linh - tính gì về nghiệp - chướng của con trai mà đặt tên cho chàng như thế ?

Lúc nào cũng như say rượu : cười đỏ mặt, giận đỏ mặt, và nhiều khi suy-nghĩ một việc gì cũng tự nhiên mặt đỏ bừng bừng. Tửu chơi thân với LÊ-VĂN-SIÊU ở phố Tientsin, anh này cũng ở trường Bách-Nghệ Hải phòng ra cùng một khóa với Tửu, và buôn bán các đồ thêu. Hồi đó Siêu không viết văn, và không có một triệu-chứng gì là ham thích văn-nghệ.

Trương-Tửu có yêu một cô gái may con ông chủ tiệm may cũng ở đường Tientsin, gần nhà Lê-văn-Siêu, và sau anh cưới làm vợ. Nhưng Tửu không có tình-yêu tha-thiết : ái-tình đối với anh cũng là một hình-thức của lý-luận, một bài toán mà anh tìm giải-đáp,

thể thôi. Đến khi cưới vợ rồi, anh không còn biết yêu là gì nữa. Khi giải-đáp đã tìm được, dĩ-nhiên là bài toán không còn.

Một thời-gian anh ở chung với tôi và một người bạn thôi-miên lại ham mê thơ Đỗ-Phủ và Bạch-cư-Dị, tên là VŨ-TRANG. Thời-gian này Tửu và tôi cùng dạy học ở trường Thanh-Niên, bên cạnh nhà tôi. Vũ-Trang thì đi chữa bệnh các cô gái điên bằng phép thôi-miên. Cũng thời-gian này Trương-Tửu bắt đầu viết bài phê-bình văn-học, bài đầu tiên phê-bình LAN-KHAI, đăng trên báo LOA. Tôi nhớ Lan-Khai, khi đọc bài này, cảm-động quá, rưng-rưng nước mắt. Anh không ngờ Trương-Tửu khen anh bằng một bài đặc-biệt như thế. Lan - Khai bảo tôi giới - thiệu anh cho Trương-Tửu. Hôm ấy Trương - Tửu về ở nhà bà chị ruột làm nghề thợ bạc ở phố hàng Buồm. Tôi đưa Lan Khai đến đấy. Tửu tiếp Lan Khai niềm nở, nhưng Nhà Văn đường Rừng quá sỗ sàng rủ nhà Phê bình đi năm tiệm thuốc phiện. Tửu cười và từ chối vì Tửu cũng như tôi không ưa năm bàn đèn. Từ đó về sau, Tửu không thích thân thiện với Lan Khai. Tôi hơi ngạc nhiên vì Tửu không phải là con người câu nệ.



Nhờ người vợ có chút ít vốn

liếng, mở tiệm tạp hóa ở đầu phố hàng Điều, gần tiệm thợ may của cha vợ. Trương Tửu ở trên gác xếp viết văn. Những quyển sách có giá trị nhất của Trương Tửu đều viết trên gác căn phố này. Tửu vẫn say mê triết lý, và chăm chỉ nghiên cứu các học thuyết Hy-Lạp, La-Mã, và Pháp. Từ học thuyết này qua học thuyết khác, Tửu rơi vào triết lý Mac-Xít, và nghiêng về trốt-kít, nhưng thực ra, anh cũng không thiêng hẳn về một chủ nghĩa quốc tế nào vì nguyên chất của Trương Tửu là chống-giáo-lý, Tửu không phải là người trung kiên với một tín-điều. Chính anh là một người tự-do tư-trưởng (un libre-penseur).

Tôi còn nhớ một đêm trong kỳ HỘI-NHỊ ĐÔNG-DƯƠNG do các Báo ở Hà-nội và Saigon tổ chức tại Cầu-Lạc-Bộ Thề thao của Pháp ở Hà-nội, dưới thời Mặt trận Bình-Dân năm 1936, trong danh sách các diễn giả đêm ấy có ba người: Trương Tửu, tôi, và Amédée Clémenti người Pháp chống chánh-sách thực-dân, chủ báo ARGUS INDOCHINOIS, cơ-quan chủ-trương Việt-nam độc-lập. Theo thê-lệ của ban tổ-chức, mỗi diễn-giả chỉ được phép nói 15 phút thôi. Trước khi lên diễn-đàn, Tửu thông-dồng riêng với tôi :

— Anh cho tôi 15 phút của anh nhé?

Tôi không do-dự :

— Ừ.

Khi Trương-Tửu vừa nói được 14 phút, anh chủ-tịch ngó đồng-hồ rồi ngó anh :

— Còn 1 phút thôi nhé.

Tửu giả vờ không nghe, cứ nói mãi, nói mãi. Giọng hùng-hồ của anh đã làm cho thính-giả rạo-rực mê say. 15 phút. Anh chủ-tịch rung chuông và gọi :

— Anh Nguyễn-Vỹ.

Tôi ngồi dưới ghế, làm thỉnh không trả lời. Tửu vẫn đứng trước micro nói mãi, ... nói mãi ... Chuông lại rung, lại có tiếng gọi :

— Anh Vỹ đâu ? Mời anh Vỹ lên !

Tôi vẫn làm thỉnh, ngồi yên lặng để cho Trương-Tửu nói... anh chủ tịch nín áo anh, anh vẫn không nhúc nhích, cứ nói hoài, nói mãi, càng nói càng hăng, càng hăng càng nói, mặc kệ người nín áo. Trương Tửu nói hết 30 phút rồi mà vẫn còn nói nữa...

Nhưng Clémenti sợ mất phần, chạy lên diễn đàn, báo Trương-Tửu :

— Alors ?

Tửu mỉm cười quay lại ông :

— Une minute seulement, s'il vous plaît ! (Xin anh một phút nữa thôi).

Trương-Tửu nói vừa đúng thêm 1 phút nữa, đi xuống. Cả phòng vỗ tay như sấm dậy. Anh và tôi dắt nhau ra về. Tôi gọi Trương-Tửu là Mirabeau.



L.T.G.— Các nhân vật trong bài này nếu có trùng tên với quý vị nào, chẳng qua chỉ là tình cờ. Chúng tôi tuyệt nhiên không có ý ám chỉ một ai.

Mong quý đọc giả hiểu cho.

★ NGUYỄN - THU - MINH ★

(Tiếp theo P. T. số 11)



HẠT là bi đất, kiếp hồng gian truân !

Những lời nàng kể đối với tôi bây giờ mới thấy thấm

thía làm sao. Những giọt nước mắt của nàng hôm nay mới cho tôi hiểu thấu đáo cái ý nghĩa cao đẹp của nó ! Thế mà trời ơi ! Ngày trước tôi nở tâm mượn nước mắt của Alice-

Lan làm vui ; cho sự thỏa mãn thấp hèn, lấy sự khổ đau của nàng làm tự đắc cho những chuyện vay mượn không đâu, trong lúc đó nàng cứ đinh ninh tin-tưởng lòng tôi thành thật, đứng đắn hơn người. Nghĩ lại thật không ngờ cái thẳng tôi của tôi ghê tởm đến thế thì thôi !

Alice-Lan hôm nay buồn nhiều — nhưng không phải cái buồn ngượng ngượng, che đậy.

trống rỗng như ngày nào — mà là cái buồn rất người của nàng đã khiến tôi bùi ngùi, cảm thương nàng gấp bội phần.

Có tiếng em nàng gọi chị ở ngoài sân vọng vào trong thanh như tiếng chim quyên gọi đàn, gieo cho tôi nhiều ý nghĩ hay... đẹp về cuộc đời giữa tôi và nàng sẽ đến. Riêng Alice-Lan, không hiểu nàng đang nghĩ gì chỉ biết rằng sau tiếng gọi của các em, nàng vội lau nước mắt nhìn tôi mỉm cười bao hàm ý nghĩa !... rồi từ từ ngã vào lòng tôi triu mến.

Giây phút ấy, tôi đã làm một việc hết sức trang - trọng, đưa tay vuốt nhẹ đầu tóc nàng và khẽ đặt một cái hôn say sưa nhất của lòng qua từng hơi thở nhịp máu của châu thân.

Trời đất lúc này tưởng chừng như cùng cảm vui chung với chúng tôi cho đến khi có tiếng gọi thứ hai của các em nàng, Alice-Lan và tôi mới từ từ rời nhau, đồng ra nhà ngoài chào đón một niềm vui mới của gia đình nàng.

Thoạt nhìn, tôi đã biết ngay là mẹ nàng, vội cúi đầu chào đáp lễ, đã nghe tiếng bà nói :

— Cậu vừa về chơi ? Tôi vì bận ở hàng, về có hơi muộn nên cho tôi xin lỗi.

Tiếng xin lỗi sau cùng của bà, tôi cảm thấy làm sao ấy, đối với tôi hơi quá đáng. Vì tôi nghĩ rằng : tôi sắp sửa làm con rể bà, mà xưng hô đối đãi như vậy nghe sao được. Alice-Lan sẽ buồn lắm, — buồn về tôi thì ít mà nàng thì nhiều !

Nhưng khi nhìn sang nàng đã cho tôi lắm ý nghĩ... hay hay và thăm cảm ơn nàng đã thông cảm hộ diễm ấy. Tôi vội đáp :

— Dạ thưa bác, không dám. Đáng lẽ cháu phải ra hàng chào bác mời phải, thế mà bác đã miễn chấp cho rồi thật là...

Giữa lúc này, Alice Lan liền chen vào như để chấm dứt những lời khách sáo không đầu giữa tôi và bà :

— Anh định ra hàng chào Mẹ, nhưng con nói để chờ mẹ về cũng được nên không ra đấy

Bà vội trả lời :

— Ô, ra làm gì. Đường xa chắc mệt nhọc, cậu nên lên nghỉ cho khoẻ. Lan, con đưa cậu lên nhà nghỉ đi con. Mẹ đang bận tay ở bếp tí mà !...

Tôi chưa kịp đáp trả, Alice-Lan đã vội nháy mắt ra hiệu thăm bảo tôi rằng nên nghe lời bà là hơn, trong nhà cả, không nên ngăn ngại gì hết. Vả lại, lên phòng nghỉ cho khoẻ và nàng

sẽ nói cho tôi nghe một câu chuyện hay trong bấy lâu nay mà vừa rồi còn bỏ dỡ.

Trước ánh mắt triu mến, đôi môi tươi duyên dáng của Alice-Lan đã làm tôi đê mê ngây ngất cả cõi lòng trống trải héo hắt từ lâu nay. Thế là, tôi đành nghe theo lời nàng, chào bà cụ để xin phép về phòng nghỉ không mấy may do dự. Bước theo nàng mà lòng hơn hờ vô cùng, tôi liên tưởng đến sự đoàn viên, những cảnh âu yếm của gia đình... Nghe theo lời nàng có nghĩa là chịu ý chứ không phải « tuân lệnh », vì yêu thương đúng mức !

Khi vừa đặt lưng xuống giường, Alice - Lan liền ngã ngay vào lòng tôi như tìm sự che chở của tình yêu.

Chưa bao giờ tôi tự hào và cảm thấy sung sướng, đẹp bằng lúc này bèn khẽ đặt nhẹ một cái hôn lên tóc nàng, rồi lên má, lên môi để mà truyền cho nàng hơi ấm của mạch máu, của tình người,

Và, có lẽ Alice-Lan cũng cảm thấy vậy nên sau khi cái hôn đầu của tôi đặt lên tóc, nàng đã nhắm nghiền mắt lại, đôi tay bấm chặt lấy người tôi cùng thở ; đắm đuối của

lòng chiếu lệ chần đờn.

Rồi nàng lại khóc, cố ý trách tôi không chịu nhận lời nàng yêu cầu, tôi không thành thật v.v... thôi thì đủ thú, đủ điều mà tôi phải chịu nghe đến nỗi cả lòng, điên cả óc. Đứng là nước mắt của đàn bà !

Thời gian cứ thế mà lặng lẽ đi qua.

Sau những phút « tràn trề » ấy lại đến chuyện vui, sướng, hy vọng dù tôi và nàng vẫn biết là rất mong manh.

Chuyện tình ái giữa tôi và nàng cứ thế mà kéo dài suốt bốn ngày tôi về thăm nàng, đỡ buồn chán cho tôi và những chuyện mà ngày trước không ai dám nói ra.

Bốn ngày bên cạnh nàng ở đồng ruộng đã làm cho tôi yêu đời tin đời trở lại không ít. Nhất là buổi tối của ngày cuối cùng, cơm nước xong, tôi và nàng đưa nhau ra những con đường mòn nhỏ hẹp trò chuyện, ước mơ. Những ước mơ của nàng đã bắt tôi suy nghĩ mãi, tôi đã ứa nước mắt như khóc chuyện nàng chết,

Ai hiểu được lòng người con gái đôi chín xuân xanh ấy không ? Ai có ngờ rằng nàng có những hoài bão to tát, thanh cao không ? Người ta đã nhầm nhiều lắm, cũng như tôi, Hoàng và

Thành bạn tôi trước kia vậy.

Hôm ấy Alice-Lan thành thật nói với tôi những ước mong như sau, khi đã làm xong nghĩa vụ vai kẻ vai, đầu sát đầu, mắt ướt-ướt, các thớ thịt trong người đều căng thẳng sức máu :

— Em vẫn khổ anh ạ, tưởng rằng mình có thể nhờ đồng quê để quên, xóa hết những ngày nào cuộc đời gió bụi, nhưng miệng đời thật độc ác, bạn bè chỉ làm cho mình khổ thêm !

Lời lẽ đột ngột thốt ra giữa lúc tôi đang sống đầy triu cảm tin đời đã làm tôi vô cùng ngạc nhiên khế dịu dàng bảo với nàng :

— Em khéo suy nghĩ, anh thấy em tự mình gây dựng lại cuộc đời ngày nay, mà cảm động, vui sướng...

Lời nói của tôi đến đây thì bị tắt nghẹn lại bởi sự xót thương về cuộc đời nàng dang ngập cả lòng. Tôi không tài nào nói lên hết lòng mình, nhất là buổi cuối cùng của cuộc chia ly êm đẹp hiếm có này vẫn còn phảng phất hương độ thưở nào trên mi mắt, làn môi.

Con người tôi cứ như ngày như đại theo từng cử chỉ vụn vặt thay đổi của nàng. Mãi đến lúc đời môi nàng thắm ướt lên má tôi hòa lẫn nước mắt, tôi mới sực nhớ lại chuyện thực tế đang đến ở bên tôi mà hồi hộp bảo

nhỏ với nàng một câu không ăn nhập vào đầu cả :

— Lan, anh mong cuộc đời của em rồi sẽ sung sướng như thiên hạ, chỉ tiếc rằng anh không giúp gì được cho em mà thôi...

Nghe tôi nói thế, Alice-Lan vội nhào ra khỏi người tôi, đáp với giọng hơi lạnh lùng :

— Anh có thể cho em cũng như thiên hạ ư ? Thật anh cũng chưa hiểu gì em cả, còn trách gì thiên hạ.

Tôi ngạc nhiên, cải chính những ý nghĩ tưởng lầm của nàng về tôi qua câu nói vừa rồi, tuy rằng tôi có vương vất ý nghĩ xem thường nàng thật :

— Đừng nói thế Lan, anh hiểu em lắm chứ ! Em không nên nghĩ khác cho anh, tội nghiệp. Phải nói thật, anh rất mến qui em lắm ! Em hiểu giùm anh đi. Dầu sao, cũng chỉ còn một tối này nữa là xa nhau rồi, em ở lại, anh đi. Người đi khi nào cũng buồn nhiều, dù chỉ cách vài trăm cây số...

Lần này Alice-Lan đã trở lại vui tươi như trước, âu yếm xin lỗi tôi :

— Anh tha lỗi cho Lan, em vụng quá, vô lý quá !

Tôi quả tình không ngờ, chỉ chừng ấy lời nói của tôi, chừng ấy thôi cũng đủ xoay trở được cảm tình, lòng nàng.

(còn nữa)



XÃ GIAO

★ CÔ BÌNH MINH

★ GIỚI THIỆU

Cô BÌNH-MINH phụ-trách mục XÃ - GIAO của PHỒ-THÔNG tạp chí là một Nữ Giáo-sư Trung học, và mấy năm trước đây có du học ở Paris, Londres và Bruxelles. Cô sẽ nói chuyện với các bạn về phép xã-giao của Nam giới và Nữ giới theo kinh nghiệm riêng của cô ở Ngoại-quốc và ở trong nước. Cô sẽ chú trọng đến phép xã giao thông thường, dân-chủ và tân-tiến, gạt bỏ các lối xã-giao quý - phái, phiền phức, hoặc đã lỗi thời.

P. T.

• NỊNH ĐẪM •

ANH-từ «Nịnh-đăm», theo điều nhận xét thiên-cận của tôi thì không dịch đúng chữ «galanterie» của Pháp. Vì trong phép xã-giao Âu-

Mỹ, «galanterie» không có ám-chỉ sự «nịnh-nọt», hoặc là «bợ-dờ» người đàn-bà. Thừa không, «galanterie» của họ là một lối cư-xử rất tự-nhiên, do quan-niệm lịch-sự, dịu-dàng, tao-nhã đối với người phụ-nữ mà thôi, chớ không phải cố ý tỏ ra sự «nịnh bợ». Tôi thấy có chỗ khác nhau trong lối xử-sự với phụ-nữ, ở Âu-Mỹ và ở bên ta.

Bên họ, thí dụ như đối với một cô gái nhỏ tuổi, một người lớn hay là một ông già nếu cùng đi chung một xe taxi, hoặc xe nhà, họ cũng tự-nhiên mở cửa xe và nhường cho người phụ nữ ấy lên xe trước rồi họ mới lên sau. Chồng cũng nhường cho vợ lên xe trước. Anh cũng nhường cho em gái lên xe trước. Cha cũng nhường cái danh-dự ấy cho con gái của mình. Như vậy, nghĩa là không phải là nịnh đăm, mà chỉ là

lịch-sự, dụ-dàng đối với phụ-nữ, bất cứ là một ông bác-sĩ lái xe của ông đưa người đàn bà nghèo, bình dân, vợ một anh thợ mỏ chẳng hạn, đi về nhà. Ông cũng lễ phép mời chị đàn bà nghèo ấy bước vô xe trước, rồi ông mới vô sau. Còn bên ta thì không có như vậy.

Một người đàn ông chỉ « nịnh đầm » với một bà nào hay một cô nào không quen nhiều, hoặc là quen thân như bạn bè mà thôi, chớ đối với vợ, với con gái, hoặc với người đàn bà nghèo, kém địa vị, thì ông không còn theo phép xã giao lịch sự kia nữa. Nghĩa là thường thường bên ta trong sự « nịnh đầm » vẫn có thâm ý là muốn gây cảm tình cá nhân với người đẹp nào đó mà thôi, chớ không phải vì phép lịch sự chân - chánh, thật tình, thật sự. Khác ở chỗ dụng ý đó.

Đi trên ô-tô-buýt chẳng hạn, hay trên xe lửa, khi các ghế đều chật hết chỗ, một người phụ-nữ bước vô đứng bên cạnh một người đàn ông nào đó đang ngồi, thì người đàn ông rón-rén đứng dậy rất tự nhiên, (như không để ý đến người phụ nữ kia) và đứng xít ra chỗ khác, để chỗ trống đó cho người đàn bà

ngồi. Còn bên ta, ai ngồi đâu cứ ngồi bắm lấy chỗ của mình.

Không bao giờ nhường chỗ cho người phụ-nữ, mặc dầu có khi là người đàn bà bụng mang dạ chửa, hoặc già cả, hoặc có xách đùm-đề các gói đồ. Cả một dãy đàn-ông ngồi ghế đều trở mắt ngắm-nghía người đàn-bà mới lên, chẳng ai thèm nhường chỗ cả. Hoặc giả có một chàng thanh-niên nào muốn tỏ vẻ « ta đây cũng biết phép lịch-sự đối với phụ-nữ » thì chàng đứng dậy mà niềm-nở làm bộ-dạng, nói với người đàn-bà, hay cô thiếu-nữ :

« Tôi xin nhường chỗ cho cô... cho bà..., mời cô ... bà ... ngồi », v.v... Nói như vậy là kém xã-giao rồi, vì có ngụ-ý « nịnh » thật-sự, hoặc « làm bộ ta đây biết phép lịch-sự » mà kỳ-tình là muốn « gây cảm-tình », hoặc để « lợi-dụng làm quen », v.v...

Gặp trường-hợp đó, người đàn-bà hay cô thiếu-nữ tự-trọng sẽ từ-chối, không ngồi. Họ sẽ bảo :

— Cảm ơn ông, ông cứ ngồi.

Một hôm, tôi đi xe ô-tô-buýt vô Phú-Nhuận, ngẫu-nhiên được thấy một cảnh « nịnh đầm » tức cười, xin thuật lại đây. Tôi ngồi ghế, bên cạnh tôi có một người đàn-ông, ra vẻ một thầy ký, y-phục đàng-hoàng. Bên cạnh Thầy đó có một bà già người Bắc hơi

nghèo-nàn. Xe chạy khỏi chợ Bến-Thanh, thì Thầy ấy dõ giọng tán-tĩnh tôi. Tôi làm nghiêm, chỉ trả lời qua-loa vừa đủ phép nhả-nhận. Thầy hơi thất vọng. Một lúc sau, xe đỗ, một cô thiếu-nữ, có lẽ là cô Nữ-sinh, bước lên, đứng cạnh tôi. Thầy ký vội-vàng đứng dậy, niềm-nở mời cô thiếu-nữ : « Mời cô ngồi, kéo mời chừn ». Cô Nữ-sinh « cảm ơn » rồi ngồi xuống. Thầy đứng. Một lúc, thầy muốn ngồi xuống bên cạnh cô nhưng chật quá không biết làm thế nào, thầy bèn lấy tay đẩy bà già Bắc xít một bên, để có chỗ cho thầy ngồi cạnh cô thiếu-nữ. Bà già Bắc phản-đối : « Chật lắm, còn chỗ nào nữa mà ngồi ». Thầy nọ liền sừng-sộ : « Chật thì rán chịu chớ, tôi cũng mua vé như bà, tại sao bà không chịu xít ra để chỗ tôi ngồi, » Nói thế, rồi thầy nắm tay bà già, đẩy bà sang một bên ngồi ép vào một

bà khác và một em bé. Thầy chen vào ngồi bên cạnh cô gái trẻ đẹp. Cô này vẫn tự-nhiên. Nhưng một lúc sau, không biết thầy kể vào tai cô để nói gì mà nét mặt cô ngưng-nghe, cô làm thinh bỏ đi ra đứng chỗ khác.

« Nịnh đầm » như kiểu lỗ-lăng đó không còn ý - nghĩa xã-giao lịch thiệp gì nữa, mà là thủ-đoạn kém giáo-dục. Thưa quý bạn, không phải vì tôi là phụ-nữ mà tôi phê-bình như trên. Nhưng tôi nghĩ rằng các bạn đàn ông có lẽ phép xã-giao chắc cũng không tán thành lối « nịnh đầm » kia.

Còn nói chi những kẻ lợi-dụng chỗ đông người lộn xộn, nhứt là ở các nơi mua vé xi-nê, trên Ô-tô-buýt, v.v... để dõ nhiều trò khả ố đối với phụ-nữ ! Tôi không bao giờ thấy ở các nước ngoài, đàn ông có những cử-chỉ khiếm nhã đối với đàn-bà con-gái, dù ở chỗ đám đông chật-ních cũng thế.

ĐÍNH CHÍNH

PHỔ-THÔNG số 12 trang 40

« Nòng Cỏ Mìn Đầm » của ông CANAVAGIO.

Chớ không phải của ông Lannavagio.

Dữ-Thúc: *LUÔNG-KHẮC-NINH*, chớ kh ông phải Đương khắc Ninh.

Báo Nam-Phong ra số đầu là năm 1917, Đại Việt Tạp chí ra đời 1918, chớ không phải 1908-1907.

Xin thêm vào danh-sách các báo ở Saigon:

Báo Pháp văn như : *La Tribune Indigène*, *L'Echo Annamite* do NGUYỄN - PHÚ-KHAL, BÙI-QUANG - CHIÊU, NGUYỄN-PHAN-LONG viết, *La Jeune Indochine* của VŨ-ĐÌNH-DY, *La Cloche Félée* của NGUYỄN-AN-NINH. — Báo « *Thần Chung* » của DIỆP-VĂN-KY, *Nã-Giới-Chung* của Bà SƯƠNG-NGUYỆT-ANH v.v...

Bài thơ đăng Báo Xuân đầu tiên trong *Phụ-Nữ Tân-Văn* là của ông BUI-THẾ-MỸ: chớ không phải Phan-Khól.

BONJOUR TRISTESSE, CỦA F. SAGAN

Buồn ơi, Chào Mi!

(Xem P.T. từ số 1)

DIỆU-HUYỀN dịch

CHƯƠNG XI

DÉN bữa ăn, chúng tôi mới giáp mặt nhau, cả hai cha con đều băn-khoăn vì sự đối-diện ngộ-ngang và quá đột-ngột này.

Tôi không thấy đói nữa. Ba tôi cũng vậy. Cả hai người đều nghĩ rằng cần phải có Anh-Lệ trở về mới được. Riêng phần tôi, cứ hễ nhớ lại bộ mặt tang-thương của bà lúc bà bỏ đi thì lòng tôi xót-xa không chịu được, nhất là khi nghĩ đến nỗi đau-đớn của bà và trách-nhiệm của tôi đã gây ra vụ này. Tôi không dám nhớ lại các cuộc âm-mưu kiên-nhẫn của tôi và các kế hoạch mà tôi đã sắp-đặt rất khéo léo. Giờ đây tôi chỉ thấy hoàn-toàn lạc-lõng, như ngựa không cương, và tôi thấy trên nét mặt ủ rũ của Ba tôi cùng một ý nghĩ ấy. Ông bảo:

— Con có tin rằng bà sẽ bỏ rơi tôi mình lâu không ?

Tôi đáp :

— Chắc chắn bà đi Paris rồi. Ba tôi mơ màng lầm bầm :

— Paris...

Không chắc chúng ta sẽ gặp lại bà.

Ông ngó tôi, buồn nảo, rồi đưa tay qua bàn nắm lấy tay tôi :

— Chắc con giận Ba lung lắm hả ? Ba không biết ma quỷ xui khiến Ba làm chuyện gì... Ba đang đi trong rừng với Yến-Hoa bông nang... Nghĩ là Ba có ôm hôn nang, và có lẽ Anh Lệ sực tôi ngay lúc đó chẳng...

Tôi không nghe Ba tôi nói. Tôi tưởng tượng hai nhân vật Yến-Hoa và Ba tôi ôm nhau dưới bóng cây thông đủ làm trò cười và thoảng qua trong trí tôi, nên tôi không cần thấy họ. Tôi chỉ thấy một hình ảnh linh-động duy nhất, linh-động một cách kinh-khủng trong ngày hôm nay, ấy là gương mặt của Anh Lệ, gương mặt tôi trông thấy lần cuối cùng, đầy nét đau khổ, gương mặt bị người ta phản

bội đó. Tôi lấy một miếng thuốc trong gói thuốc của Ba tôi, chậm hút. Lại một việc mà nếu còn Anh-Lệ, bà sẽ không dung thứ : là cầm hút thuốc trong giữa bữa ăn. Tôi mỉm cười ngó Ba tôi :

— Con hiểu lắm : không phải lỗi tại Ba. Chẳng qua một phút điên rồ, nhưng người ta nói. Nhưng Anh-Lệ cũng nên tha lỗi cho chúng ta... à quên, tha lỗi cho Ba.

— Làm thế nào ?

Trông bộ mặt thiếu-não của ông, tôi thương hại ông. Rồi tôi lại thương hại đến tôi nữa. Câu chuyện cũng chẳng qua là đùa nghịch thế thôi chứ có gì đâu mà Anh-Lệ từ bỏ chúng tôi như thế nhỉ ? Đề chúng tôi đau đớn như thế nhỉ ? Bà còn có các hồn-phận đối với chúng tôi chớ không sao ?

Tôi bảo :

— Hay là chúng ta nên viết thư xin lỗi bà.

Ba tôi reo mừng lên :

— Ừ phải đấy, ý kiến của con hay tuyệt.

Thế là ông đã nắm được một phương-tiện để thoát khỏi vòng chán-nản đầy ân-hận mà chúng tôi cứ quây quần đã ba tiếng đồng hồ.

Bữa ăn tối chưa xong, mà chúng tôi đã cuốn khăn bàn và hất bát đĩa, Ba tôi đi kiếm một chiếc

đèn lớn, mấy cây bút máy, một bình mực và giấy viết thư của ông, rồi ông và tôi ngồi đối diện nhau, ai nấy cũng tùm-tùm cười vì tin-tưởng rằng may ra nhờ cuộc dàn cảnh này mà Anh-Lệ

sẽ trở về chăng. Một con dơi lượn lại những vòng êm thấm trước cửa sổ. Ba tôi nghiêng đầu, khởi sự viết thư. Nay nhớ lại những bức thư tràn trề thiện-cảm mà chúng tôi viết cho Anh-Lệ đêm ấy, tôi eảm thấy mỉa mai khó chịu lạ ! Hai bố con dưới ánh đèn giống như hai đứa học trò chăm chỉ và cặm-cụi âm-thầm làm một bài luận bế-tắc : tìm lại Anh-Lệ. Kê ra nói về loại thư tín thì chúng tôi đã làm được hai kiệt-tác đầy những lời xin lỗi tốt đẹp ăn-năn, âu yếm. Cuối thư tôi có phần tin chắc rằng Anh-Lệ sẽ không từ chối và thế nào cũng có sớm một cuộc hòa-giải với nhau. Chưa chi tôi đã thấy trước giờ phút tha thứ bên-lên mà khôì hài. Tấn tuồng chắc là sẽ diễn ở Paris, trong phòng khách của chúng tôi, Anh-Lệ bước vào, rồi....

Điện thoại reo. Đã mười giờ. Ba tôi với tôi nhìn nhau ngạc nhiên, rồi tràn trề hy-vọng : hy-vọng rằng đây là Anh-Lệ, chắc bà gọi điện thoại cho chúng tôi biết rằng bà tha lỗi chúng tôi và, bà sẽ trở về với chúng tôi....

Ba tôi nhảy tôi máy nói, vui mừng cầm lên hỏi: «allô» rồi tôi nghe ông chỉ nói: «Vàng, vàng! ở đâu? Phải» giọng nói của ông nhỏ lắm, đến lượt tôi đứng dậy: tôi lo sợ, run lên. Tôi ngó Ba tôi và ngó bàn tay của ông úp lên trên mặt. Rồi ông đề nhẹ nhàng óng nghe xuống và quay lại bảo tôi:

— Bà ấy bị tai-nạn xe hơi ở dọc đường. Người ta đã kiểm địa-chỉ của bà nhưng không biết đâu. Họ gọi điện-thoại về Paris rồi ở Paris gọi về đây,

Tôi chưa dám ngắt lời ông thì ông nói tiếp:

— Tai nạn xảy ra ở chỗ nguy-hiểm nhất. Chỗ này thường bị tai-nạn luôn, người ta báo tin cho Ba biết là xe của bà rớt xuống hố sâu năm chục thước, nếu bà sống sót được thì thật là may phước....

Tôi nhớ lại suốt đêm ấy như là một ác mộng. Ba tôi lái xe đi, đèn pha chiếu rục trên đường cái, nét mặt ba tôi trầm ngâm đau xót, cánh cửa nhà thương... Ba tôi không muốn tôi thấy mặt bà. Tôi ngồi trong phòng đợi, trên một ghế dài, tôi nhìn một bức tranh in bằng thạch-ấn phóng họa thành phố Venise. Tôi không suy nghĩ gì cả. Một cô y tá thuật lại cho tôi

nghe rằng đây là tai nạn xe hơi thứ sáu cũng ở chỗ ấy từ đầu mùa hè đến giờ. Tôi chờ hoài chưa thấy ba tôi trở ra, tôi nghĩ rằng nếu Anh-Lệ chết thì cái chết của bà thành ra đặc biệt. Giá sử như chúng tôi tự tử, — thì dự chúng tôi có can đảm tự tử — thì Ba tôi và tôi sẽ tự tử bằng một phát súng lục bắn vào đầu, và để lại một mảnh giấy phân trần đề quấy rối mãi mãi giấc ngủ của những người chịu trách-nhiệm. Nhưng đây Anh-Lệ lại tặng cho chúng tôi một món quà đẹp lộng lẫy, là bà để cho chúng tôi sự may mắn lớn lao được tin tưởng rằng bà chết là do một tai nạn, một khúc đường nguy hiểm, một chiếc xe mong manh...

Và chẳng nếu hôm nay tôi nói đến việc tự-tử thì tôi thật là lãng mạn quá. Bởi lẽ có ai dại dột gì mà tự tử vì những người như Ba tôi và tôi, những người không cần đến ai, sống cũng vậy mà chết cũng vậy.

Sáng hôm sau chúng tôi trở về nhà hồi 3 giờ chiều, Yến-Hoa và Tuấn-Sinh ngồi trên bực tam cấp đang đợi chúng tôi, thấy chúng tôi họ vội đứng dậy như hai nhân vật bị bỏ quên: cả hai người ấy chẳng ai biết Anh-Lệ và chẳng ai mến bà. Tuấn-

Sinh bước đến gần tôi và đặt bàn tay trên cánh tay tôi. Tôi ngó chàng: tôi chẳng bao giờ yêu chàng cả. Tôi có thấy chàng tử tế và dễ quyến rũ, tôi có ham thích khoe-lạc của chàng cho tôi, nhưng bây giờ tôi đâu có cần đến chàng nữa. Tôi sắp đi, sắp từ giã nhà này, chàng trai này và mùa hè này. Có Ba tôi đi với tôi, ông nắm cánh tay tôi và hai cha con vô trong nhà.

Trong nhà có cái áo của Anh-Lệ, có những bình bông của bà, phòng ngủ của bà, mùi thơm của bà. Ba tôi đóng cái cửa sô, ông mở tủ lạnh lấy một chai rượu và hai ly, đấy là vị thuốc độc nhưt của chúng tôi lúc bấy giờ. Những bức thư xin lỗi của chúng tôi còn nằm bừa bãi trên bàn, tôi lấy bàn tay hất chúng nó, chúng nó bay rớt xuống sàn nhà. Ba tôi quay lại tôi với một ly đầy rượu, ông do dự rồi tránh bước để khỏi đập lên trên giấy. Tôi thấy cử chỉ đó chẳng hay ho gì. Tôi cầm ly rượu trên tay, uống cạn một hơi. Gian phòng lơ mờ, tôi thấy bóng của cha tôi trước cửa sô. Sóng biển đập vào bờ.

CHƯƠNG XII

Ở

Paris, đám ma cử hành dưới một trời nắng đẹp, một đám

đông người tò-mò, một màu đen. Ba tôi và tôi bắt tay những người họ-hàng già-cả của Anh-Lệ. Tôi nhìn họ với cặp mắt hóm-hỉnh. Nếu Anh-Lệ không chết thì mấy ông mấy bà này chắc thế nào cũng đến uống trà ở nhà tôi mỗi năm một lần. Thiên hạ ngó Ba tôi với lòng thương hại. Chắc thế nào ông Webb chả loan truyền cái tin hôn-thú cho mọi người đều biết. Tôi thấy Tuấn-Sinh tìm tôi ở nơi công. Tôi lánh mặt. Tôi oán ghét chàng vì lý do gì tôi chả hiểu, nhưng tôi không thể nào thương được nữa....

Lúc trở về, ngồi trong xe. Ba tôi nắm lấy bàn tay tôi, xiết chặt vào tay ông. Tôi nghĩ thầm: «Bây giờ Ba chỉ còn có một mình con, con chỉ có một mình Ba, Ba và con đều cô-độc,, và đau khổ.» và lần đầu tiên tôi khóc.

Ba tôi trao chiếc khăn tay cho tôi mà không nói một lời, nét mặt ông bị tàn tàn phá.

Suốt một tháng, chúng tôi sống như một ông bố góa vợ và một cô con gái mồ côi, bữa trưa bữa chiều ngồi ăn với nhau, và không đi chơi đâu. Thỉnh-thoảng chúng tôi nhắc đến Anh-Lệ, ít thôi: «Con còn nhớ không, cái hôm mà...» Chúng tôi nhắc lại rất dè dặt, không dám nhìn nhau, sợ

gợi thêm nỗi buồn phiền. Rồi dần dần chúng tôi nói đến Ánh-Lệ với giọng thường ngày, như nhắc đến một con người thân yêu, đáng lẽ chúng tôi được sống vui sướng với nàng nhưng Chúa đã kêu gọi về với Chúa.

Thế rồi một hôm, tại nhà một người bạn gái, tôi gặp một người anh họ của bạn, tôi thấy mến chàng, chàng thấy mến tôi. Suốt một tuần lễ tôi đi chơi với chàng luôn, những cuộc đi chơi thường xuyên và liêu lĩnh của những lúc bắt đầu yêu đương. Và Ba tôi tính không chịu nổi cô độc cũng thường đi chơi với một thiếu phụ hơi tham lam. Cuộc đời lại tái diễn như trước cũng như chúng tôi đã biết trước rằng nó sẽ tái diễn.

Lúc Ba tôi và tôi ngồi với nhau, chúng tôi lại cười với nhau, và kể cho nhau nghe cuộc tình duyên mới. Ông cũng nghi rằng tình yêu của tôi với Phi - Lip

không phải là mối tình sông và tôi cũng biết rằng người bạn gái mới của ông cũng tổn kém cho ông không vira gì. Nhưng chúng tôi sung sướng. Mùa Đông đã sắp tàn, chúng tôi không thuê lại biệt thự cũ nữa, mà dọn ở một biệt thự khác gần bãi biển Juan-les-Pins.

Nhưng đầu sao, khi tôi nằm trên giường, hồi tưởng sáng, chỉ nghe độc có tiếng xe cộ chạy trong kinh thành Paris, đôi lúc trí nhớ của tôi vẫn còn chắt lại tôi: mùa hè trở về với bao nhiêu kỷ niệm.

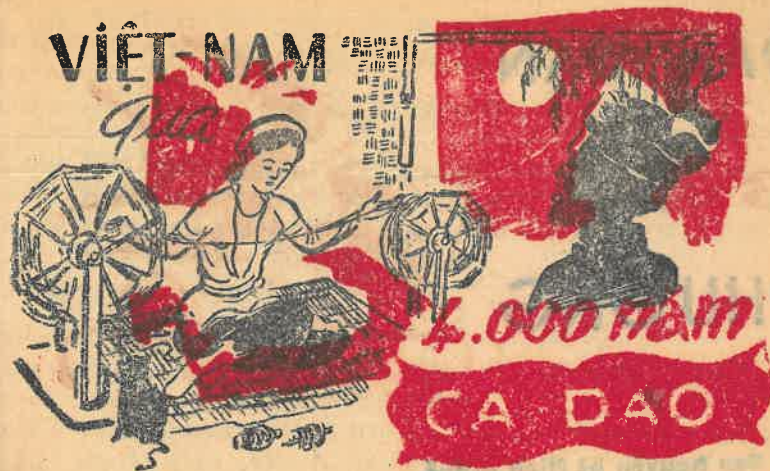
Ánh - Lệ ! Ánh - Lệ !

Tôi lặp đi lặp lại cái tên ấy rất khê và rất lâu trong bóng tối. Rồi một cảm-hoài nổi dậy trong người tôi, tôi nhắm mắt đón tiếp nó bằng cái tên của nó: Buồn ơi ! Chào mi !

HẾT

★ Người muốn làm việc thì tìm ra phương thế, có kẻ không muốn làm gì hết thì tìm cách thoái thoát.

Tục ngữ A-Rập



☆☆☆☆☆ BA TÈO ☆☆☆☆☆

(Xem P.T. từ bộ mới số 1)

★ của THANH-TÂM, Saigon

- 2680.— Ra đi cải sự đã liêu
Mang tôi đi đợi (1) kẻo
chiều ông mua. Không cho ghe đậu ghe
lần ghe đi.
- 2681.— Chàng ơi ai vẽ cho chàng
Lá xanh rụng xuống, lá
vàng trên cây. 2685.— Ở làm chi đây cho « phu
lit » với bót cò ngấm
Đi theo ông Lê bá Cự một
đôi năm rồi về.
- 2682.— Có mô (2) lao khổ mần ri
(3)
Lòng dòng theo duyên với
nợ thành chi không thành. 2686.— Con chị rọt rẹt sau hè
Hay là rắn mối tôi ve
chuột chủ.
- 2683.— Ai ra ngoài sải ngoài
Nhấn o bán bưởi, bán
bông vô đây. (còn nữa)
- 2684.— Thằng cha đưa đốn cây
bùn

(1) Dội: Tiếng lóng Huế là đem theo.

(2) Mô: Đâu.

(3) Mần ri: Làm vầy hay thế này.

ĐÁP BẠN

BỐN

PHƯƠNG



★ **Bạn Nguyễn bá Minh — Huế.**

Muốn biết 6 nghệ thuật kia, xin xem lại Phở Thông số 6 mục «Đáp bạn bốn phương» có trả lời đầy đủ.

★ **Bạn Hoàng-Xuân-Hải — Tỵ Ngân-khố Huế**

Bạn nên viết thư trực tiếp lại trường «Quốc gia thương-mại» số 2 đường Phan-kế-Bính — Sài-gòn để hỏi có lẽ đầy đủ hơn.

★ **Ông Phan văn Đốc — Ban tiếp liệu — K.B.C. 4096.**

Xin ông vui lòng gửi cho chúng tôi 100đ. bằng tem. Chúng tôi sẽ gửi các báo thiếu đến ông.

★ **Bạn Nguyễn hữu Túy — đường Phan thanh Giản — Saigon Cầm**

ơn thư bạn. Chúng tôi cũng đã có nghĩ nhiều về tờ Phở Thông nhi đồng. Nếu thuận tiện chúng tôi sẽ cho xuất bản.

★ **Cô Bạch-Vân — Nữ sinh Saigon.**

Chữ «i» và «y» có thể viết tùy theo trường hợp. Ví dụ : Hy-sinh ta có thể viết Hi-sinh, yêu-quý hay yêu-quí. Tuy nhiên cũng có trường-hợp ta không thể dùng như trên được. Ví dụ : Mỹ, lý-lẽ, tỷ....

Vỹ — hùng-vỹ, vĩ-đại.

Vĩ — thủ vĩ. (Hai chữ trên có nghĩa khác nhau).

V.V...



★ **Bạn Trọng Việt — Trúc Giang — Kiến Hòa.**

Quý khách : tiếng dùng cho văn hoa, theo chữ.

Khách quý : tiếng nom.

Quý-khách hay khách-quý đều một nghĩa.

★ **Bạn Hồng-Nguyên — Huế.**

Về chủ-trương của « thơ Bạch-Nga ». Ông Nguyễn - Vỹ sẽ trình bày rõ-ràng trong tập « thơ Hoang-Vũ » sắp xuất bản. Bài thơ của bạn chúng tôi đang xem.

★ **Bạn Mạc Quân Huyền (Tân Châu)**

1) Xin bạn xem kịch « Hàn Mạc Tử » sẽ hiểu rõ.

2) Thi-phẩm « Vịnh Thúy Kiều » của Chu Mạnh Trinh chứ không phải của Nguyễn Công Trứ.

3) Vấn đề thành lập « Hàn lâm viện » ở Việt Nam chúng tôi chưa được biết Chính-phủ nghĩ sao.

4) Muốn biết vì lý do nào mục « Văn nghệ sĩ thời-đại » chấm dứt, xin bạn xem lại PHỞ-THÔNG số 6 có nói rõ.

★ **Bạn Phan thái Bường — 40 Ngô Quyền — Mỹ Tho.**

Trong Phở Thông tạp chí không có mục « Tìm bạn bốn phương » nên rất tiếc không thể giúp bạn được.

★ **Một bạn đọc ở Vientiane — Laos**

1) « Ngày lịch sử », chúng tôi rút bớt trang. Ý-kiến của ông rất đúng.

2) Về khoa học chúng tôi không tiện đăng bài dài, vì sợ khó-khan quá và mệt tri bạn đọc. Nhưng chúng tôi sẽ cho thêm trang.

3) Về chuyện nhi đồng chúng tôi sẽ có một tạp báo riêng cho các em nhi đồng.

4) Chuyện « Kiên Trinh » là một chuyện có thật đã xảy ra trong bùng biến cách đây mười năm. Chuyện cũng gần hết.

5) Ông Nguyễn-Vỹ hoàn toàn tán thành một vài quan điểm của ông, trừ ra một đôi nhận xét mà ông N. V không đồng ý. Chúng tôi xin cảm ơn những lời ông quá khen, và xin đặc biệt lưu ý đến những lời ông phê bình. Thành thật hoan-ngheh bức thư rất xây-dựng của ông. Chào thông cảm.

BẠCH YẾN

MỘT BUỔI HỌP MẶT RẤT THÂN MẬT VÀ RẤT HÀO HỨNG CỦA TOÀN BỘ BIÊN TẬP

PHỔ THÔNG

ĐỀ KÝ . NIỆM MỘT THAY . ĐỒI QUAN . TRONG TRONG TÒA BÁO



U ỉ có đa số bạn-đọc thân-mến hằng ngày viết thư về yêu cầu tạp-chí PHỔ-THÔNG ra đúng kỳ, chứ PHỔ-THÔNG cứ ra trễ hoải, mà ông giám-đốc bạn nhiều việc trong tòa-soạn và nhà in, không sao ngó cho xiết đợc đến các việc quản-lý và phát-hành tạp-chí ;

Vì có rất nhiều đại-lý các tỉnh không nhận đủ số báo bán và bạn-đọc nhiều nơi thiếu báo cứ phải gửi thư về tòa-soạn mua từng số, cho nên ông giám-đốc Phổ-Thông đã quyết định cải tổ lại việc trị-sự của nhà báo và thay đổi ty Quản-lý, để cho tổ-chức vật chất đợc chu-đáo hơn và khỏi phụ lòng Bạn đọc.

Bạn Trần-văn-Lang, một thanh niên hoạt động hăng hái và có nhiều kinh-nghiệm về các việc tài-chính và việc phát-hành báo-chí, lại có khả năng tổ-chức có kỷ-luật và quy-củ, đã đảm-nhiệm chức-vụ Quản-lý mới, bắt đầu từ ngày 15-5-1959.

Vậy bắt đầu từ số 12, Phổ-Thông sẽ nhưt định ra đều đều mỗi tháng hai kỳ và đúng hạn, ngày 1 và 15 mỗi tháng, chứ không trễ nữa. Và số báo phát hành sẽ cung-cấp đầy đủ khắp nơi, theo nhu-cầu các Đại-lý.

Để thông-cáo việc cải-tổ quan-trọng này, ông Giám-đốc và ông Quản-lý mới có mỹ-ý tổ-chức một buổi họp mặt đông đủ toàn bộ Biên tập PHỔ-THÔNG, chiều ngày Thứ Bảy 23-5-59 tại nhà riêng của ông Trần-văn-Lang, đường Trần-bình-Trọng.

Hầu hết các anh chị em trong bộ Biên-tập đều vui vẻ đến dự, có gần 30 người. Có quý ông : Nguyễn-Triệu, Thái-văn-Kiểm, Chủ-bút Văn-Hóa Nguyệt-san của Bộ Giáo-Dục, Trần-quốc-Bảo, Thái-Thúc-Điện, Thiệu-Son, Giáo-sư Đàng-Nhâm, Vương-Hồng-Sẽn, Giám-đốc Báo-

tàng-viện, Thi-sĩ Hà-Liên-Tử, Nguyễn-Thu-Minh, Bác-sĩ Hoàng-Mộng-Lương, Cửu-Lang, các cô Văn-Nga, Bạch-Yến, Lệ-Liễu, ca-sĩ của Đài Phát-thanh, Phong-Cầm, Nguyễn-Điêu, Kịch-sĩ kiêm đạo-diễn Ciné Đình-xuân-Hòa, Kỹ-sư Lưu-văn-A, Nguyễn-Vỹ, v.v... Chỉ thiếu Giáo-sư Tạ-Ký bạn dạy học, Thi-sĩ Tuấn - Lý Huỳnh-khắc-Dụng, Thầm-phán Tòa-án, bị bệnh, có gọi điện-thoại xin cáo lỗi. Bà Thường-Lạc cũng sắp đãi tiệc ở Nam-Phong thi-xã, nên hẹn kỳ sau.

Một tiệc trà thân-mật gồm toàn Thi-văn-sĩ, đã gây ra một bầu không khí hào hứng vô cùng.

Sau khi ông Giám-đốc trình-bày việc cải-tổ ty Quản-lý và giới-thiệu ông Quản-lý mới, anh chị em bắt đầu uống rượu ngâm thơ. Đề mở đầu, ông Thái-văn-Kiểm moi trong túi áo ra một bài thơ' nhờ cô Lệ-Liễu ngâm dùm :

Sớm chiều văn hữu văn thông dong,
Họp mặt đàm tâm thoả ước mong.
Quyết PHỔ-biến thêm văn-hoá mới,
Mong THÔNG-cảm rõ thể-tình chung.
LANG-y góp sức thừa hăng hái,
VỸ-nghiệp nên công dễ vẫy vùng,
Rạng rỡ năm châu nòi giống Lạc,
Cùng nhau ca ngợi khúc thành công.

Việt-Điêu THÁI-VĂN-KIỂM
Phó Giám-Đốc Văn-Hoá Vụ Bộ Giáo-Dục
Chủ-Bút Văn-Hoá Nguyệt-San

Bài thơ đã hay mà giọng ngâm thanh-thót, thanh-tao của cô Lệ-Liễu càng làm cho hay thêm. Thi sĩ Hà-Liên-Tử bẽn-lẽn đứng dậy ngâm một bài thơ... tự-ro. Giọng thơ trầm bổng, khoan nhạt rất hấp dẫn, thú vị vô cùng. Ông Trần-quốc-Bảo cũng ngâm thơ của ông, bài thơ mà chính ông đã giao hẹn trước là « rất tục » nhưng kỳ tình rất là thanh nhã, v.v.. Tiếng vỗ tay từng hồi và tiếng cười nói vui vẻ nhôn nhao làm linh động cả một buổi tiệc... thơ, hào hứng vô cùng ! Chỉ có một người hơi say một chút, là ông Thiệu-Son. Những câu chuyện vui đùa giữa ông, ông Vương Hồng-Sẽn, Thái-văn-Kiểm, Bác-sĩ Hoàng-mộng-Lương v.v.. Khiến cho toàn thể anh chị em ôm bụng mà cười. Ông Nguyễn-Triệu ngồi gật gù cạnh cô Bạch-Yến, cặp mắt hí hí, tay ông cứ cầm cái que ghim vào mấy miếng nem bẻ vó

miệng. Nhà khảo-cổ bị anh em gọi đùa là nhà khảo-nem! Kịch-sĩ Đinh xuân-Hòa nhất định ngồi một chỗ đóng kịch Hàn-mạc-Tử. Nguyễn Thu-Minh bẽn lẽn mặt đỏ bừng không dám nói, không dám cười, nụ cười những « con người đời mười ». Cõi bộ vậy chớ mà bê-bối lắm đấy! Ông bạn Hoàng-đại-Sâm ở Bộ Ngoại Giao luôn luôn có nụ cười ngoại giao, Ông cầm bút chì và tờ giấy nhất định vẽ hình cô Bạch-Yến. Cô Bạch-Yến thì cứ quay lại ăn nem với cô Vân-Nga. Hai cô nữ-sĩ ăn thế nào mà cuối bữa tiệc vẫn chưa hết nửa đĩa nem! Kỹ-sư Luru-văn-A ngồi đo làn sóng điện của... thi-sĩ Hà-Liên-Tử, đôi môi anh nhép nhép còn muốn ngâm thơ nữa. Kỹ-giả kiêm thi sĩ kiêm Trung-Úy Trần Trần-quốc-Bảo hết ngâm thơ rồi lại đòi viết bài tường thuật buổi họp... Tao-đàn này. Anh cười có duyên tề, ngâm thơ cũng có duyên. Còn ông Nguyễn-Vỹ thì khó mà đứng yên một chỗ. Biết nhà thơ này sợ rượu nhất đời, cứ làm bộ đưa lên môi mời người ta uống rồi lại để ly xuống còn nguyên vẹn, ông Vương-hồng-Sên tức mình nâng cao cúp sâm banh lên bắt ông Nguyễn-Vỹ phải uống thì với ông. Nguyễn-Vỹ cười cầm ly uống cạn một hơi, nhưng không thấy ông say!

Ông Cửu Lang, Thiếu tá Thương binh, chuyên môn viết bài bằng tay trái, cứ nâng nặc đòi cô Lệ Liễu ngâm bài thơ « CẢM ƠN NGÀI » trong Phê-Thông số 10. Nhưng ông Ng - Vỹ không muốn.

Rất tiếc vừa đúng 6 giờ thì ông Nguyễn-Vỹ với ông Thiếu Sơn phải đi dự buổi họp tao-đàn ở Nam-Phong Thi-xã với cô Lệ-Liễu. Nếu không thì cuộc vui rất hào-hứng này còn kéo dài đến đêm. Đang vui quá mà giải-tán, ai cũng tiếc.

Không khí buổi họp này giống hệt một buổi họp của Club du Faubourg của các Thi-sĩ Pháp ở Paris.

Ra về, ông giám-đốc căn dặn: « Anh chị em nhớ từ nay cho bài sớm sớm hơn mọi khi nhé. »

Bà Thân-mẫu của ông Quản-lý, với gương mặt hiền lành phúc-hậu, đã đứng sẵn ngoài sân đề chào khách ra về...

Một trong nhóm P.T.

In tại Nhà in TẤN-PHÁT — 283, Gia-Long Saigon

Quản-lý NGUYỄN-VỸ

K. D. số 125 ngày 9 tháng 6 năm 1959

Kính Qui Phật-Tử

Muốn nghiên-cứu chân-lý cao thâm của Phật Giáo
Muốn học tập đúng đường lối của Phật dạy
Muốn biết tin-tức Phật-giáo nước nhà và thế-giới.

HÃY XEM Liên-Hoa Nguyệt-San

Chủ nhiệm : Thượng-tọa THÍCH ĐÔN HẬU

với sự cộng-tác của quý Tăng - sĩ du-học tại hải-ngoại :
Nhật, Ấn, Pháp, Anh và một số giảng-sư, cư-sĩ thâm hiểu
Phật-Pháp ở Trung-phần.

★

Có phát-hành tại chùa Xá-lợi, chùa Ấn-quang Sài-gòn, và các
chùa Phật giáo cùng các nhà sách lớn khắp các tỉnh miền Trung

Thư từ xin gửi về :

Tổng thư ký : Thầy THÍCH-ĐỨC-TÂM

Số 66, đường Chi-Làng

(Hộp thư 24) — HUẾ

NÊN ĐỌC VÀ CỒ ĐỘNG CHO TẬP-CHÍ

VĂN-HOÁ NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHÊ-THÔNG
VĂN-HÓA VIỆT-NAM VÀ VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY

- ★ Xây dựng và phát-huy một nền Văn-hóa có tính cách Dân-tộc Nhân bản và khai-phóng.
 - ★ Gồm nhiều bài có giá-trị của các nhà văn, các học giả có tên tuổi.
 - ★ Văn-hóa Nguyệt-san số 38 (năm 1959) có bán khắp các hiệu sách lớn tại Thủ-đô, các tỉnh, tại Tòa-soạn 266 Công-Lý Sài-gòn.
- MỖI SỐ BÁN LẺ : 24 đồng**
- ★ Ngân-phiếu mua dài hạn (một năm 10 số giá 240\$) xin gửi về Ông Giám-Đốc Nha Văn-Hóa, 266 đường Công-Lý Saigon.
 - ★ Bài vở xin gửi về Ô. Thái-văn-Kiểm, Chủ bút Văn-hóa Nguyệt-san, địa chỉ như trên.